

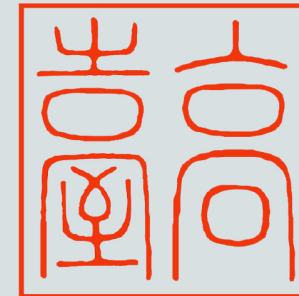
ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Tìm Hiểu

THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG

từ Giáp Thìn đến Canh Tuất (1964-1970)

HUỆ KHẢI chú thích - LÊ ANH MINH hiệu đính



Thầy khuyên các con lớn nhỏ hòa thuận cùng nhau mà hưởng ơn Thầy. Các bậc Thiên ân trong Hội Thánh phải đặt mình trong quyền pháp để tiêu biểu hạnh đức của Thầy, cảm hóa mọi người và dắt dìu toàn đạo. Thầy muốn mỗi đứa các con dọn mình trong sạch để đón tiếp huyền cơ ân điển nơi Thầy.

Đức **NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ**
Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 08-6 Kỷ Dậu
(Thứ Hai 21-7-1969)

TÌM HIỂU
THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG
TỪ GIÁP THÌN ĐẾN CANH TUẤT
(1964-1970)



Thánh đường Quảng Tín, nay là THÁNH ĐƯỜNG QUẢNG NAM
138 Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Ảnh: Trần Công Mẫn, họ đạo Thái Hòa

Quyển **130/1964-1970** trong Tủ Sách Thánh Giáo Cao Đài
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện

Tìm hiểu
THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG
từ Giáp Thìn đến Canh Tuất
(1964-1970)

Chú thích: HUỆ KHẢI – *Hiệu đính:* LÊ ANH MINH

Giới thiệu: Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH

Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài)

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản HỒNG ĐỨC
Hà Nội 2022



TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG
TỪ GIÁP THÌN ĐẾN CANH TUẤT (1964- 1970)

Ấn tống lần thứ nhất 800 quyển, do công quả
mười lăm triệu đồng của quý ân nhân như sau:

* Hiền tử **HỒ THỊ Ý**

họ đạo Trung Hiền, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.
Hồi hướng giác linh thân mẫu là hiền tử Nguyễn Thị Tính
(sinh năm Ất Hợi, 1935; quy thiên 23-4 nhuận, Canh Tý,
2020). Công quả *hai triệu đồng*, gởi đợt 178.

* Giáo Hữu **HƯƠNG PHONG**

họ đạo Từ Vân, Phú Nhuận, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.
Công quả *một triệu đồng*, gởi đợt 179.

* Hiền tử **NGỌC LINH Phạm Thị Dung**

thánh tịnh Tân Minh Quang.
Hồi hướng an lạc cho thân mẫu là
hiền tử Ngọc Trân Nguyễn Thị Ba (tuổi Dậu).
Công quả *mười triệu đồng*, gởi đợt 169 (trích lần hai và hết).

* Hiền tử Chánh Trị Sự **NGUYỄN THỊ PHÙNG**

xã đạo Phước Mỹ, họ đạo Trung Nam,
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.
Hồi hướng giác linh thân mẫu là
cố Giáo Hữu Trần Hương Mỹ (1932-2021).
Công quả *hai triệu đồng*, gởi đợt 178.

Đồng kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ siêu thăng.
Hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.

NỘI DUNG

LỜI GIỚI THIỆU. *Giáo Sư Thượng Văn Thanh* 7

KÝ HIỆU & VIẾT TẮT 10

THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM GIÁP THÌN (1964)

1. MÙA THU XÂY DỰNG CÁC CON NỮ HIỀN. *Bảo Thọ Thánh Nương, Long Nữ Đồng Tử, Diêu Trì Kim Mẫu* 11

2. TRUNG HƯNG CỐ GẮNG XÂY TÌNH BẠN. *Huỳnh Ngọc Trác, Giáo Tông Đại Đạo* 21

3. ĐỜI MẠT KIẾP KHUYÊN AI MAU BƯỚC CHÓNG. *Nam Cực Tiên Ông, Lý Thái Bạch* 27

THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM ẤT TỶ (1965)

4. MAY GẶP THẦY RÁN SỨC MÀ TU. *Bảo Thọ Thánh Nương* 37

5. PHẢI LUÔN KHẮC KỶ PHỤC LỄ,
TỰ NÂNG MÌNH NGANG HÀNG CÙNG QUYỀN PHÁP. *Quan Thánh Đế Quân, Lý Thái Bạch* 44

PHỤ ĐÍNH: Lục Hòa, Bát Chánh Đạo, Tứ Đại Điều Quy,
Hưng Đạo Đoàn, Nhiệm Trọng Nhi Đạo Viễn 58

6. LO ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC THANH NHÀN DÀI LÂU. *Hải Triều Thánh Nhơn* 63

5

3

THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG – NĂM ĐINH MÙI (1967)

7. Ý NGHĨA PHỤC SINH VÀ SỨ MẠNG TRUNG HƯNG. *Hưng Đạo Đại Vương, Lý Giáo Tông* 67

8. KHI ƠN ĐÃ ĐẾN THÌ LÒNG CON KHỎE KHOẺ
NHỆ NHÀNG. *Vô Cực Từ Tôn* 74

9. ĐẦU XUÂN KHAI THÔNG MẠCH SỐNG. *Bảo Thọ Thánh Nương, Tiếp Văn Pháp Quân, Thái Bạch Kim Tinh* 77

PHỤ ĐÍNH 1: Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn 93

PHỤ ĐÍNH 2: Phiền Não Tức Bồ Đề 96

10. CÁC CON HƯNG ĐẠO ĐOÀN LÀ TƯƠNG LAI
CỦA ĐẠO. *Ngọc Hoàng Thượng Đế* 98

PHỤ ĐÍNH: Thiên Cơ Tâm Đức Tại Kỳ Trung 113

11. ĐƯỜNG HƯỚNG CỦA CON NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO
QUYỀN PHÁP VỚI SỨ MẠNG TRUNG HƯNG. *Trần Hưng Đạo* 115

12. LO ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC HƯỞNG MÙI THANH CAO. *Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thái Bạch Giáo Tông* 125

13. PHẢI TRỌN ĐỨC TIN VỚI THẦY VỚI ĐẠO
MỚI ĐƯỢC KẾT QUẢ VIÊN MẪN. *Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngô Tùng Châu* 131

14. LÀM NGƯỜI LÀ CHIẾM ĐƯỢC TIÊN. *Hưng Đạo Đại Vương* 157

15. HÃY CỐ GẮNG XÂY DỰNG THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM. *Bạch Phụng Đồng Tử, Trần Hưng Đạo Đại Vương* 170

6

LỜI GIỚI THIỆU

Đối với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thánh giáo rất quan trọng. Ông Trên dùng thánh giáo để khai Đạo. Các Thiên ân hướng đạo dùng thánh giáo để truyền giảng. Và nhân sinh nhờ chúng nhờ thánh giáo để tu học, sống đạo.

Vốn có những khác nhau về nhiều mặt nên người đạo đến với thánh giáo cũng bằng nhiều cách không giống nhau. Có người chỉ rung đùi ngâm nga. Có người cặm cụi chép tay. Có người đem thánh giáo, thánh thi chuyển thành nhạc đạo...

Rất phổ biến là đa số người đạo đã chiêm nghiệm và sống với thánh giáo. Chẳng hạn, người làm đạo khi bị chê bai, trách móc thì nghĩ một cách tổng quát đến hai câu thánh thi của Đức Bạch Phụng Đồng Tử:

*Lắm đầu bao quản thân lươn
Gìn lòng thanh bạch noi gương thánh hiền.*⁽¹⁾

Và có vẻ sâu hơn thì vận dụng hai câu thánh thi của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*Cao Đài là cái đài cao
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.*⁽²⁾

⁽¹⁾ Thánh thất Trung Thành, 15-7 Mậu Dần (Thứ Tư 10-8-1938).

⁽²⁾ Tam Tông Miếu, 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư, 08-7-1981).

Như vậy, thánh giáo là thức ăn tinh thần thông dụng cho người đạo. Đối với tín hữu Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thì nguồn cung cấp thức ăn tinh thần quý báu đó chính là bộ *Thánh Truyền Trung Hưng*, bao gồm những thánh giáo được các Đấng thiêng liêng giảng tại nhiều thánh sở để dạy về cơ đạo miền Trung kể từ khi Đạo Thầy truyền về đây năm Giáp Tuất (1934) cho đến cuối thế kỷ trước. Với thời gian dài hơn sáu mươi năm như vậy, bộ *Thánh Truyền Trung Hưng* in gần đây đã kết tập được ba trăm ba mươi một bài (nhưng ắt vẫn còn thiếu một số thánh giáo).

Hấp thụ chất dinh dưỡng trong thức ăn tinh thần nói trên (tức *Thánh Truyền Trung Hưng*) thường có những cái khó. Tại sao khó và khó như thế nào? Điều đó tùy thuộc vào yêu cầu sử dụng và căn trí mỗi người.

Một trong những cái khó ấy là ngữ nghĩa; vì vậy, đạo huynh Huệ Khải đã phát tâm giúp giảm bớt cái khó này cho bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài với loạt sách *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* (nhiều tập). Điều này cũng tự nhiên và dễ hiểu vì bấy lâu nay đạo huynh Huệ Khải vốn rất gần gũi với bốn đạo Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Quyển *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng – Từ Giáp Thìn Đến Canh Tuất (1964-1970)* chúng ta đang có là tập thứ tư trong loạt sách ấy,⁽³⁾ gồm mười lăm bài thánh giáo.

Ngoài phần giải nghĩa các từ khó, từ Việt cổ, thuật ngữ tôn giáo, thành ngữ và điển tích, v.v... sách còn có thêm phần chữ

⁽³⁾ Đã ấn tống: *Năm Kỷ Hợi (1959)*; *Năm Canh Tý (1960)*; *Năm Tân Sửu, Quý Mão (1961,1963)*.

Nho và tiếng Anh nên rất cần cho cả thế hệ lớn tuổi và thế hệ trẻ ngày nay, lại có thể giúp ích cho những vị muốn dịch *Thánh Truyền Trung Hưng* ra ngoại ngữ... Những bài thánh giáo tiếp nhận qua trung gian đồng tử, truyền qua độc giả đến điển ký, rồi những người sao chép về sau, thường khó tránh các lỗi về chính tả, ngắt câu, viết hoa... Quan tâm hạn chế các lỗi này, giúp cho người đọc và góp sức với đồng đạo có nhu cầu vận dụng thánh giáo để viết bài, nói chuyện... là thiện ý của soạn giả.

Loạt sách tìm hiểu này nếu tiếp tục thực hiện cho đầy đủ từ bài thánh giáo đầu đến bài cuối sẽ là một công trình phụ trợ rất quý cho người mộ đạo hiểu học ham tu và nói riêng cho giới Phổ Tế.

Đạo huynh Huệ Khải qua các sách đã xuất bản cũng như nhiều bài viết trên các tạp chí, trong đạo và ngoài đời, thể hiện tác phong một người cầm bút có trách nhiệm đối với nhà Đạo và người đọc. Ưu điểm đáng quý ấy cùng với lòng nhiệt thành công quả và nỗi âu lo phụng đạo nơi đạo huynh Huệ Khải khiến tôi hoan hỷ giới thiệu *Tìm Hiểu Thánh Truyền Trung Hưng* với quý huynh tỷ đồng đạo.

Ước mong việc làm này của đạo huynh Huệ Khải cùng với bao nhiêu hình thức công quả đa dạng được tiếp nối qua các thế hệ trước sau đều cùng chung sức tài bồi cho nhà Đạo được xương minh, xán lạn.

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài
Giáo Sư THƯỢNG VĂN THANH
Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế

KÝ HIỆU & VIẾT TẮT

/	thay thế cho chỗ phải xuống hàng
(...)	lược bớt chữ trong thánh giáo
[xyz]	chữ xyz được thêm vào cho rõ nghĩa
(?)	chưa chắc chắn, tồn nghi
[Chúa]	thuật ngữ đạo Chúa
[cổ]	tiếng Việt cổ
<i>fig.</i>	<i>figurative meaning</i>
<i>i.e.</i>	<i>id est, that is</i>
<i>sb</i>	<i>somebody</i>
<i>sth</i>	<i>something</i>
Td	thí dụ

1. MÙA THU XÂY DỰNG CÁC CON NỮ HIỀN

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 15-8 Giáp Thìn (Chủ Nhật 20-9-1964)

THI

*BẢO trợ tình thân thẳng bước đường
THỌ nguồn ân điển thấm lòng thương
THÁNH tâm rèn đức cơ xây dựng
NƯỞNG hiệp Trung Hưng cảnh thánh đường.*

Tê Nữ chào chư chức sắc Lương Đài. Chào quý đạo tử, đạo muội.

Tê Nữ mong quý đạo tử, đạo muội chung lo trách nhiệm tương lai mà công việc trước hết là kêu gọi chị em hiệp về Hội Thánh, chung sức xây dựng một *Liên Đoàn Nữ Phái Phục Sinh*,⁽¹⁾ phát động phong trào phái nữ, gây lại sự sống, tình

⁽¹⁾ **Liên Đoàn Nữ Phái** (*Nữ Phái Liên Đoàn* 女派聯團: *Women's League*): Lập tại Trung Châu cuối tháng 10-1938 theo thánh lệnh Đức Mẹ Diêu Trì. Thành phần lãnh đạo gồm có: *Chánh Hội Trưởng* (tiền bối Lê Chơn Giác, tức bà Lê Trí Hiến); *Phó Hội Trưởng* (tiền bối Lê Thị Tịnh, tức bà Xã Nho); *Chánh Thư Ký* (tiền bối Trương Thị Ngọc Dung, tức bà Cử Đò); *Thủ Bổn* (tiền bối Phan Thị Chuyển, tức bà Chánh Diệm, là thân mẫu Giáo Sư Nguyễn Quang Châu); *Nghị Viên* (tiền bối Nguyễn Thị Hiến, tức

thương, sức mạnh; chinh đốn các dòng tu nữ phái để huấn luyện một nhóm nữ tu sĩ có căn bản lập trường, cứu cánh ⁽²⁾ hầu ⁽³⁾ đảm đương trách nhiệm ở các cơ quan bác ái xã hội theo lập trường của Hội Thánh xưa nay đã hoạch định sẵn và Đức Lý Giáo Tông đã dạy nhiều.

Hỡi chư tử muội! Dĩ vãng đã để lại cho chúng ta những bài học đắng cay gian khổ. Tương lai trông cậy ở chúng ta sự nghiệp vẻ vang, huy hoàng; nên hiện tại ta đừng chán nản, đừng kinh cụ,⁽⁴⁾ đừng nghĩ xa thực tế, đừng lo chuyện bao đồng.

Đạo lý trong nhứt dụng thường hành.⁽⁵⁾ Tùy căn cơ duyên phận, kẻ buôn gánh bán bưng,⁽⁶⁾ người cày sâu cuốc bẫm.⁽⁷⁾

bà Trần Công Ban); *Liên Giao* (tiền bối Trần Thị Tuyết); *Phụ Tá Phó Hội Trưởng* (tiền bối Nguyễn Diêu Trinh, tức Thanh San, gốc Hội Thánh Minh Chơn Đạo, và tiền bối Võ Thị Yến). Cuối năm 1938, thành lập được tám chi đoàn ở thánh tịnh Thanh Quang và bảy thánh thất là Linh Bửu, Nam Trung Hòa, Trung An, Trung Hòa, Trung Quang, Trung Thành, Từ Quang. Về sau, danh xưng Liên Đoàn Nữ Phái đổi thành *Tân Nữ Lưu Đạo Đức Đoàn* 新女流道德團. Năm 1941, lại đổi tên là *Thanh Xuân Tân Sinh Hoạt Đoàn* 青春新生活團, và mỗi đoàn viên gọi là *Nữ Thanh Tân* 女清新. – **Liên Đoàn Nữ Phái Phục Sinh** tức là Liên Đoàn Nữ Phái tái lập, sau khi tổ chức cũ ngưng hoạt động.

⁽²⁾ **cứu cánh** 究竟 (*final aim*): Mục đích sau cùng.

⁽³⁾ **hầu** (*so as to, in order to*): Ngõ hầu, để mà, nhằm để.

⁽⁴⁾ **kinh cụ** 驚懼 (*panic, fright*): Sợ hãi, hoảng sợ.

⁽⁵⁾ **nhứt dụng thường hành** 日用常行 (*daily ordinary activities*): Những sinh hoạt bình thường trong đời sống hằng ngày.

⁽⁶⁾ **buôn gánh bán bưng** (*pedlary*): Buôn thúng bán mẹt, buôn bán hàng rong vật vãnh với vốn liếng ít ỏi.

Đạo lý vốn sẵn có trong nghề nghiệp, hoàn cảnh của mỗi
mỗi.⁽⁸⁾

Biết chân chính là Phật, không chân chính là ma nên suốt
đời Khổng Tử không bao giờ nói đến quái, lực, loạn, thần.⁽⁹⁾

Tệ Nữ muốn nói nhiều nhưng Đức Kim Mẫu sắp giá lâm.
Tệ Nữ xin hẹn lại dịp khác.

THI

*Tâm sự đêm khuya tạm mấy dòng
Chớ nào kể hết nỗi hoài mong
Mong sao Nữ Phái Liên Đoàn lại
Để khỏi nhìn chung cảnh não nùng.*

Tệ Nữ xin kiếu.

⁽⁷⁾ **cày sâu cuốc bẫm** (*trinh canh tế tác 精耕細作: intensive and meticulous farming*): Cày cuốc rất kỹ; làm ruộng rất cực khổ.

⁽⁸⁾ **mỗi mỗi** 每每 (*everyone*): Mọi người.

⁽⁹⁾ **quái, lực, loạn, thần** 怪, 力, 亂, 神 (*strange things, violence, political disruptions, and spirits*): Quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần. *Luận Ngữ* (7:21): *Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần. 子不語怪, 力, 亂, 神. The Master did not speak of strange things, violence, political disruptions, and spirits.* (Đức Khổng chẳng nói tới những việc quái dị, bạo lực, phản loạn, và quỷ thần.) Giảng câu này cho rõ, Chu Hy 朱熹 (1130-1200) dẫn lời họ Tạ 謝 viết: *Thánh ngữ thường nhi bất ngữ quái, ngữ đức nhi bất ngữ lực, ngữ trị nhi bất ngữ loạn, ngữ nhân nhi bất ngữ thần. 聖語常不語怪, 語德不語力, 語治不語亂, 語人不語神.* (Thánh nhân nói về việc bình thường chứ không nói về việc quái dị, nói về đạo đức chứ không nói về bạo lực, nói về yên bình chứ không nói về phản loạn, nói về con người chứ không nói về quỷ thần.)

TIẾP ĐIỂN

LONG NỮ ĐỒNG TỬ

Chào chư chức sắc Lương Đài.

THI

*Nương ánh mây lành tới điện trung
Chị em nữ phái hiệp nhau cùng
Thành tâm tiếp giá Từ Tôn Mẫu
Giáo đạo Trung Hưng chí nữ hùng.*

Thành tâm tiếp Giá. Bàn Nữ xin kiếu.

THI

*DIÊU TRÌ Cung hội cúc đơm hoa
KIM MẪU vì con giáng Bửu Tò
Giáo đạo cho con tường⁽¹⁰⁾ lý Đạo
Trung Hưng nữ phái biết gần xa.*

Mẹ mừng các con chức sắc Lương Đài, chư nữ tu sĩ, giáo sĩ
và toàn thể các con.

Mẹ ban ơn lành chung cho các con và tất cả các con đàn
này vắng mặt. Mẹ sẽ dành mọi ân huệ thiêng liêng cho các
con vững bước theo đường tu trong cơn khảo đảo.

Hỡi các con nữ phái! Mỗi độ thu về, lòng Mẹ bùi ngùi nghĩ
đến các con trần gian đang dạt dào trong muôn ngàn đau
khổ. Đứa khóc đã khổ, đứa cười cũng chẳng vui chi, nhứt là
trong hoàn cảnh chiến tranh ly loạn.

Mẹ miễn lễ. Các con an tọa.

⁽¹⁰⁾ **tường** 詳 (*comprehending sth*): Hiểu biết rõ.

Hỡi các con nữ phái! Giờ này Mẹ đến trần gian với các con trong cánh mưa thu âm đạm, gió thu thê lương. Mẹ cảm thấu hàng triệu trái tim của các con trong khắp các thánh thất, thánh đường đang rộn rịp dâng lên đón chờ tin Mẹ. Mẹ chứng kiến lòng con những nỗi hãi hùng kinh sợ, những buồn tủi lo âu bởi đời chiến tranh, đạo tương tranh, thảm cảnh cốt nhục tương tàn, đồng đạo tương khuynh⁽¹¹⁾ mà các con là nạn nhân của bối cảnh.⁽¹²⁾

Ôi! Lịch sử hơn loại không bao giờ viết xuôi thuận một dòng như lòng con tưởng, thẳng tắp một đường như ý con mơ, mà chính cái lẽ tán tỵ, cùng thông, thẳng trâm, bỉ thái là lẽ dĩ nhiên bởi nghiệp quả, số kiếp, duyên phận của con người.

Trước hoàn cảnh chiến tranh tang tóc, nhân loại đương dấy đầy đày đọa, rên than, bởi bệnh kia sẽ trầm kha, thêm vào những con số chiến tranh⁽¹³⁾ trầm trọng phát lên từng hồi từng chập, mà các sứ giả hòa bình đến để cứu nguy hơn loại lại bận tranh nhau quyền lực, giành nhau địa vị, không khéo rồi sẽ lôi cuốn hơn loại vào con đường đấu tranh không ngày kết liễu. Thiệt thảm thay!

Hỡi các con nữ phái! Ngày nay các con phải tự thấy sứ mạng càng quan trọng hơn. Phải lấy tình yêu thương, đức nhu thuận để san bằng mọi mâu thuẫn, hòa đồng mọi dị biệt, hàn gắn mọi đổ vỡ. Các con là sinh lực của bác ái, của hòa

⁽¹¹⁾ **tương khuynh** 相傾 (*competing with each other; overwhelming each other*): Tranh giành nhau; áp đảo nhau.

⁽¹²⁾ **bối cảnh** 背景 (*situation, circumstances*): Hoàn cảnh 環境.

⁽¹³⁾ “con số chiến tranh”: E là sao chép nhầm. Xin tồn nghi.

bình, của gia đình cũng như xã hội. Các con phải hăng hái tiến lên. Đừng rụt rè e ngại. Các con dù ở đâu, ở nhà, ở xã đạo, ở thánh thất, ở Hội Thánh, là tín đồ, là chức sắc, là chức việc, là nữ tu sĩ, giáo sĩ cũng đều có thể làm tròn bổn phận của người phụ nữ trong sứ mạng trung hưng.

Trung thu Giáp Thìn, Mẹ muốn đặt các con trong mùa thu xây dựng. Xây dựng bản thân, gia đình, thánh thất, Hội Thánh, và xã hội, gây nên phong trào phụ nữ xây dựng toàn đạo. Mẹ sẽ cầu xin Chí Tôn dành mọi sự nâng đỡ cho các con. Rồi đến mùa thu sau Mẹ sẽ chấm công.

THI

*Dặn dò con cố nhớ, con ơi!
Đạo lý nghìn thu chẳng đổi dời
Vốn sẵn tâm con không vọng động
Thánh Hiền, Tiên Phật thế mà thôi.*

BÀI

*Đêm trung thu Mẹ đề ngọc bút
Nơi Bửu Tòa ban phúc nữ nam
Trăng thu ẩn bóng cung Hằng
Gió thu thổi nhẹ, hương trầm ngát bay.*

*Mùa thu đến trong ngày tao loạn
Mùa thu sang cảnh trạng bi thương
Đời chiến họa, đạo tranh đương⁽¹⁴⁾
Bút nào tả hết tang thương cảnh trần.*

⁽¹⁴⁾ **tranh đương** 爭當 (*struggling with each other*): Đấu tranh với nhau.

Đành rằng luật xoay vần Tạo Hóa
 Đành rằng điều nhơn quả trả vay
 Nhân kia ai sắp ai bày
 Ngày nay thế giới họa tai dập dồn.
 Vì tham vọng, quốc hồn⁽¹⁵⁾ diên đảo
 Vì vô minh cơ đạo khuynh nguy⁽¹⁶⁾
 Thương thay số kiếp tu trì
 Của con nữ phái nhiều khi nảo nùng.
 Nổi chiến tranh hãi hùng tan tác
 Nổi thiên thời bất trắc phong vân⁽¹⁷⁾
 Tai xa rồi đến họa gần
 Thân hình tiều tụy, tinh thần tiêu hao.
 Mẹ nhìn con, khổ đau vùi dập
 Lòng mẹ thêm tràn ngập tình thương
 Trung thu giáng bút canh trường⁽¹⁸⁾
 Dặn dò con trẻ mọi đường tu công.
 Mẹ nhắc lại cũng không xa mấy

Đạo Trời khai mới mấy mươi thu
 Người chết chóc, kẻ tội tù
 Ai đem thân đạo⁽¹⁹⁾ đền bù nước non?

Dòng máu đỏ, ngòi son⁽²⁰⁾ cũng đỏ
 Cảnh đoạ trường thêm tỏ can trường⁽²¹⁾
 Chí hùng lẫn với đau thương
 Năm mồ thiên cổ soi gương đạo đồng.⁽²²⁾

Những thảm trạng đau lòng dĩ vãng
 Kết tinh thần cho vạn tượng lai
 Giục lòng nữ kiệt, anh tài
 Xây nền thánh địa Cao Đài trung hưng.

Rồi con biết bao lần thu đến
 Mà mấy lần sứ mệnh Mẹ trao
 Phải làm sao? Phải tính sao?
 Trung hưng cho đáng nhịp cầu Bắc Nam.

Sao con mãi khổ tâm vì đạo
 Sao con còn sầu não vì đời
 Phải chặng thảm cảnh đến nơi
 Nổi đời nổi đạo, toi bời rẽ chia.

Người hướng đạo hướng về bản ngã⁽²³⁾

⁽¹⁵⁾ **quốc hồn** 國魂 (*national spirit*): Tinh thần cao quý của dân tộc un đúc qua nhiều thời đại.

⁽¹⁶⁾ **khuynh nguy** 傾危 (*in danger of collapse*): Có nguy cơ nghiêng đổ.

⁽¹⁷⁾ Câu này ý nói: Thời cuộc biến động và không sao lường trước những thay đổi bất lợi. – **thiên thời** 天時 (*weather*): Thời tiết; ở đây có thể hiểu như *thời cuộc* 時局 (*current political situation*). – **bất trắc phong vân** 不測風雲 (*unable to predict unfavourable changes*): Không thể lường trước những thay đổi bất lợi.

⁽¹⁸⁾ **canh trường** (*far into the night*): Canh chày, canh khuya, canh thâm, đêm khuya.

⁽¹⁹⁾ **thân đạo** (*life of a disciple*): Mạng sống người tu.

⁽²⁰⁾ **ngòi son** (*pen recording heroic history*): Bút chép những trang sử oanh liệt.

⁽²¹⁾ **can trường** 肝腸 (*liver and intestines; fig., courage*): Gan và ruột; lòng can đảm.

⁽²²⁾ **năm mồ thiên cổ** (*graves of martyrs*): Mộ những vị tử đạo. – **đạo đồng** (*co-religionist*): Đồng đạo. – **soi gương đạo đồng** (*as an exemplar for co-religionists*): Làm gương cho đồng đạo.

Giục⁽²⁴⁾ tín đồ rời rã ly tan
Chiến tranh, dân chịu cơ hàn⁽²⁵⁾
Chia ly, đạo phải làm than⁽²⁶⁾ như đời.

Hỡi nữ phái! Con ơi ghi nhớ
Nhớ Mẹ hằng nâng đỡ cho con
Tình em chị, dạ sắt son⁽²⁷⁾
Hiệp về một mối lo tròn phận tu.

Hỡi nữ phái cần cù học tập
Tập cho nên các cấp giáo đồ⁽²⁸⁾
Dắt dìu em chị ra vô
Trăm hoa đua nở, điểm tô thánh đường.

Hỡi nữ phái! Tình thương cao cả
Tình thương là pháp lạ vô biên
San bằng mọi lẽ chinh nghiêng
Lấp bằng những hố tư riêng trong lòng.

Nữ giáo sĩ khoan dung đức độ
Nữ tín đồ cần cố⁽²⁹⁾ đạo tâm

Dẫu bao nhiêu cảnh thăng trầm
Mối giềng đạo đức vững cầm đừng sai.

Thu Giáp Thìn sắp bày mọi lẽ
Một tình thương san sẻ cho con
Con ôi! Sứ mạng lo tròn
Mùa thu xây dựng các con nữ hiền.⁽³⁰⁾

Đạo lý vốn không riêng không biệt
Đạo lý là lẽ thiệt trên đời
Pháp môn vô lượng,⁽³¹⁾ con ơi!
Từ từ mà bước, khỏi nơi lạc lầm.

Lời Mẹ dạy canh thâm con nhớ
Chị em cùng nâng đỡ với nhau
Nữ lưu⁽³²⁾ xây dựng phong trào⁽³³⁾
Trung hưng quả kết vườn đào Nam bang.

Mẹ ban ơn các con nữ phái. Mẹ đem mối tình thương san sẻ cho tất cả các con, không trừ một con nào. Mẹ sẽ dành mọi ơn huệ để các con vững bước trong mọi bối cảnh.

(...)

Mẹ ban ơn các con. Mẹ hồi Diêu Điện.

⁽²³⁾ Câu này ý nói: Người hướng đạo ích kỷ, không có lòng vị tha vô ngã (*unselfish, non-egoistical*) lo lắng cho chúng sanh.

⁽²⁴⁾ **giục** (*urging sb*): Xui khiến, thúc đẩy.

⁽²⁵⁾ **cơ hàn** 飢寒 (*hungry and cold*): Đói lạnh.

⁽²⁶⁾ **lâm than** (*miserable, wretched*): Vất vả, cơ cực, khổ sở.

⁽²⁷⁾ **sắt son** (*faithful*): Trung trinh bền vững. (*Son*: màu đỏ thắm khó phai. *Sắt*: Kim loại cứng bền.)

⁽²⁸⁾ **giáo đồ** 教徒 (*adherents, disciples, followers*): Tín đồ 信徒 (*believers*), môn đồ 門徒 của một tôn giáo.

⁽²⁹⁾ **cố** 固 (*consolidating sth, strengthening sth*): Củng cố 鞏固, làm cho vững chắc.

⁽³⁰⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽³¹⁾ **pháp môn vô lượng** 法門無量 (*dharma methods are innumerable*): Pháp môn nhiều vô kể, không thể đếm được.

⁽³²⁾ **nữ lưu** 女流 (*women, the fair sex*): Nữ phái 女派, nữ giới 女界, tiếng gọi chung phụ nữ.

⁽³³⁾ **phong trào** 風潮 (*movement*): Hoạt động lôi cuốn đông đảo người theo.

2. TRUNG HƯNG CỐ GẮNG XÂY TÌNH BẠN

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 18-8 Giáp Thìn (Thứ Tư 23-9-1964)*

THI

*Mùa thu tao loạn⁽¹⁾ lá vàng rơi
Sống thác chưa ung nổi Đạo Trời
Vì Đạo vì Thầy toan dốc chí
Nung bầu nhiệt huyết lại bùng sôi.*

HUYỀN NGỌC TRÁC

Tệ Huynh mừng chư hiền đệ.

Tệ Huynh đến giờ này với các em trong mùa thu đông tố. Tệ Huynh cảm thấu rõ nỗi lo âu khó nhọc của các em hướng đạo, nỗi hoang mang của người tín đồ trong lúc chiến tranh ly loạn, Đạo rẽ chia. Tệ Huynh rất đau lòng.

Hồi tưởng lại, cũng mùa thu này cách đây hai mươi năm về trước,⁽²⁾ Tệ Huynh vâng sứ mạng Thầy để làm tròn bốn phận hướng đạo, mà cũng là mùa thu vĩnh biệt các em,⁽³⁾

⁽¹⁾ **tao loạn** 騷亂 (*war, disturbance*): Loạn lạc, giặc giã nhiều nhưnưng.

⁽²⁾ Từ mùa thu năm Ất Dậu (1945) đến mùa thu Giáp Thìn (1964).

⁽³⁾ Đức Huỳnh Ngọc Trác sinh năm 1898. Sau thời gian bị cầm tù tại Quảng Nam (1941-1945), ngày 01-5-1945 Ngài đi Quảng Ngãi

không trực tiếp chia vui sót khổ với các em trong sứ mạng trung hưng.

Hỡi các em hướng đạo! Tệ Huynh rất ngậm ngùi⁽⁴⁾ khi nghĩ đến tiền đồ⁽⁵⁾ Đại Đạo, nghĩ đến sứ mạng trung hưng trong tình trạng như hiện nay, không biết phải làm sao mới đúng theo chơn lý Đạo. Như thế làm sao vận trù⁽⁶⁾ kế hoạch hầu tiếp cơ thống nhất chi phái miền Nam và kịp thời ứng phó với bao nhiêu nạn tai chiến cuộc tương tàn,⁽⁷⁾ tôn giáo tương phân,⁽⁸⁾ chúng dân ly loạn?

Hỡi các em thân mến! Cuộc đời của Tệ Huynh là một cuộc đời để các em suy gẫm trong sự bày phô,⁽⁹⁾ trong những hành động của Tệ Huynh, mà đáng nhắc lại câu:

Tam Giáo tiền định phương, vạn pháp thù đồ, ngô thị

hành đạo cùng một số chức sắc. Ngày 07-7-1945 Ngài và các vị đồng đạo bị bắt. Ngày 10-7-1945 tất cả bị bắn chết tại huyện Nghĩa Hành (Quảng Ngãi). Đức Chí Tôn ban đạo quả cho Ngài Huỳnh là *Liễu Ngộ Không Tâm Chế Tai Giải Ách Bồ Tát* 了悟空心制災解厄菩薩. Giáng cơ từ năm 1955, Ngài xưng hồng danh *Liễu Tâm Chơn Nhơn* 了心真人, hay *Huỳnh Chơn Nhơn* 黃真人.

⁽⁴⁾ **ngậm ngùi**: Buồn bã, xót thương trong âm thầm, lặng lẽ.

⁽⁵⁾ **tiền đồ** 前途 (*prospects, future*): Con đường phía trước, tương lai.

⁽⁶⁾ **vận trù** 運籌 (*planning sth*): Tính toán, sắp xếp sao cho hợp lý và có hiệu quả tốt nhất.

⁽⁷⁾ **tương tàn** 相殘 (*slaughtering each other*): Tàn hại, tàn sát, giết hại lẫn nhau.

⁽⁸⁾ **tương phân** 相分 (*separating one another*): *Phân ly* 分離, chia lìa nhau.

⁽⁹⁾ **bày phô** (thị hiện 示現: *display*): Sự phô bày, để lộ ra cho nhiều người thấy.

thế;⁽¹⁰⁾

Cao Đài vị xuất thế, ngũ châu tuy đại, ngã vô gia.⁽¹¹⁾

Từ đây Tệ Huynh mong rằng các em hãy vì Thầy vì Đạo, hầu tìm những phương châm ⁽¹²⁾ để hàn gắn mọi sứt mẻ trong tình thương huynh đệ mà xây dựng nên đại sự nghiệp của Thầy và tương lai cho nhân loại.

Tệ Huynh còn muốn tâm sự nhiều, nhưng Lý Giáo Tông sắp lâm đàn.⁽¹³⁾ Vậy các em thành tâm cung nghinh.

TIẾP ĐIỂN

THI

GIÁO lý thuần chơn khá thực hành ⁽¹⁴⁾

TÔNG chi ⁽¹⁵⁾ *càng lập, Đạo càng sanh*

ĐẠI căn ⁽¹⁶⁾ *phải biết xem thời thế* ⁽¹⁷⁾

⁽¹⁰⁾ 三教前定方, 萬法殊途, 吾視體: Tam Giáo sẵn cách thức, muôn pháp khác đường, tớ xem một thể.

⁽¹¹⁾ 高臺未出世, 五洲雖大, 我無家: Cao Đài chưa ra đời, năm châu tuy rộng, ta vẫn không nhà.

⁽¹²⁾ **phương châm** 方針 (*guideline, policy*): Đường hướng, chính sách, nguyên tắc hành động.

⁽¹³⁾ **lâm đàn** 臨壇 (*arriving at the seance*): Cũng như *lâm cơ* 臨乩, *giáng đàn* 降壇, đến với đàn cơ. *Lâm* là từ dùng để tỏ lòng tôn quý (*honorific term*).

⁽¹⁴⁾ **khá thực hành** (*should implement sth*): Hãy thi hành, nên thực hiện.

⁽¹⁵⁾ Câu này ý nói: Càng lập thêm chi, càng tạo thêm phái thì đạo Cao Đài càng nảy sanh nhiều sự sai chơn truyền. – **tông chi** 宗支 (*branch*): Phái chi, chi phái.

⁽¹⁶⁾ **đại căn** 大根, **đại căn cơ** 大根基 (*great root, great basis, fig.,*

ĐẠO có thành do chí nhiệt thành.

Bần Đạo chào chư chức sắc nam nữ Lương Đài. Giờ này vì lòng khẩn nguyện của chư chức sắc nên lâm cơ ⁽¹⁸⁾ chỉ dạy những điều cần thiết cho chư hiền đệ.

Thế vận ⁽¹⁹⁾ ngày nay đang lâm vào thời đen tối hỗn loạn. Tất cả diễn biến tang thương ⁽²⁰⁾ phút chốc đã hiện lên trên cõi đời. Bần Đạo rất thương cho các hướng đạo phải trong tình trạng gian lao khổ nhọc, nào thiên tai chiến họa, nào nội khảo ngoại khảo, còn đâu năng lực để chiến thắng bối cảnh ⁽²¹⁾ mà làm tròn theo thánh ý.

Hỡi chư hiền đệ! Muốn nhẹ bớt tai họa mà cứu vớt sanh linh, Thượng Đế ban truyền Đại Đạo. Nhưng hỡi ôi! Nhơn tâm con người có tất cả yếu tố tốt đẹp để trở thành Thần Tiên, thì cũng có tất cả xấu xa để trở thành ma quỷ.

Biết tốt đẹp mà nuôi dưỡng, biết xấu xa mà chế ngự, chỉ có

person of favourable spiritual basis inherited from his former lives): Người có nền tảng tâm linh tốt đẹp thừa hưởng từ các kiếp trước (nên kiếp này dễ thức tỉnh tu hành, mau hiểu đạo lý, v.v...).

⁽¹⁷⁾ **thời thế** 時勢 (*current situation, the trend of the times*): Tình hình đang diễn ra; xu hướng đương thời.

⁽¹⁸⁾ **lâm cơ** 臨乩 (*arriving at the seance*): Cũng gọi *lâm đàn* 臨壇; đến với đàn cơ (*giáng đàn* 降壇). *Lâm* là từ dùng để tỏ lòng tôn quý (*honorific term*).

⁽¹⁹⁾ **thế vận** 世運 (*social destiny*): Vận mệnh của xã hội.

⁽²⁰⁾ **tang thương** 桑蒼 (*vicissitudes*): Nói tắt thành ngữ *tang điền [biển vi] thương hải* 桑田[變為]蒼海 (ruộng dâu biến thành biển xanh), chỉ những sự thay đổi lớn lao ở đời.

⁽²¹⁾ **bối cảnh** 背景 (*situation, circumstances*): Hoàn cảnh 環境.

kẻ thánh trí. Còn bao nhiêu kẻ khác thì sự thiện ác không phân minh, nên khó tìm được sự mẫu vi của Thượng Đế.

Thượng Đế tượng trưng tình yêu thương hơn loại với đức háo sanh, còn ma quỷ thì trái lại. Vì thế giới ngày nay đã quá xa Thượng Đế nên phải chịu họa chiến tranh trầm trọng đến thế này.

Chư hiền là chức sắc, phải hiểu để mà lèo lái con thuyền Đại Đạo trong lúc chông chênh. Hội Thánh Trung Hưng ngày nay phải chịu ảnh hưởng chung của thời cuộc.

Từ xưa Bàn Đạo đã có dạy nhiều. Chư hiền đệ cứ theo đó mà tiến hành. Vững một niềm tin để cùng hợp lại, tạo sức vạn năng⁽²²⁾ mới mong đạt thành kết quả.

Bàn Đạo tiếc vì nơi Trung Hưng thiếu người thiếu sức, nên mọi việc chưa được thực hành. Nhưng chư hiền đệ hãy an tâm, cố gắng. Lần lần qua cơn u ám sẽ trở lại bình minh xán lạn.

Về việc chư hiền khẩn nguyện xin đồng tử, dĩ nhiên đường lối Đại Đạo là dùng cơ Thiên hơn hiệp nhứt. Nhưng hiện tình bởi tham vọng của người mà cơ bút là cái họa không nhỏ, nên Bàn Đạo muốn hạn chế. Bởi chư hiền quá khẩn thiết nên Bàn Đạo chấp nhận điều thỉnh nguyện của chư hiền. Việc cần hơn hết là phải để đồng loan⁽²³⁾ tự thệ tự nguyện hy sinh trước nhứt mới đủ sức tin dùng về sau này. Chư hiền đã hiểu chẳng?

⁽²²⁾ **vạn năng** 萬能 (*omnipotent*): Toàn năng 全能, làm được mọi việc khó khăn.

⁽²³⁾ **đồng loan** (*medium*): Đồng tử phò loan, đồng tử thủ cơ.

Từ nay chư hiền đệ tuân y những điều hoạch định của Hội Thánh, những điều từ trước đến giờ Bàn Đạo đã ban truyền mà tiến bước. Đừng để sự chi phối của ngoại cảnh thêm đổ vỡ công trình. Những tiếng thị phi⁽²⁴⁾ không cần biện bạch.⁽²⁵⁾

Chư hiền đệ cố gắng làm xong sứ mạng Trung Hưng để an ủi bao nhiêu tín đồ đương sống giữa cảnh thê lương ảm đạm mà họ đương trông vào con đường cứu cánh⁽²⁶⁾ của Đại Đạo.

THI

*Đạo vẫn nơi người chớ chẳng xa
Ngay là Đạo chánh, vậy⁽²⁷⁾ tà ma
Trung Hưng cố gắng xây tình bạn⁽²⁸⁾
Nam bắc liên quan lại một nhà.*

Thôi, Bàn Đạo dạy bấy nhiêu. Chư hiền đệ suy nghiệm mà tiến hành. Bàn Đạo ban ơn cho chư hiền đệ, hiền muội. Bàn Đạo thẳng.

⁽²⁴⁾ **thị phi** 是非 (*right and wrong; praise and criticism*). Đúng và sai; nghĩa bóng là lời khen chê của dư luận.

⁽²⁵⁾ **biện bạch** 辯白, 辯白 (*offering an explanation*): Nói rõ sự tình để khỏi bị hiểu lầm, khỏi mang tiếng xấu oan uổng.

⁽²⁶⁾ **cứu cánh** 究竟 (*saving humans from samsara*): Người Hoa dịch **ba la mật đa** 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Nho là **đáo bỉ ngạn** 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác), cũng dịch là **cứu cánh**. Thế nên **cứu cánh** còn có nghĩa là **cứu độ** 究度 (*salvation*), cứu rỗi, giải thoát luân hồi sanh tử.

⁽²⁷⁾ **vậy** (*dishonest*): Không thẳng, không ngay chính.

⁽²⁸⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

3. ĐỜI MẠT KIẾP KHUYÊN AI MAU BƯỚC CHÓNG

Thánh thất Trung Khánh (Quảng Nam)
ngày 24-8 Giáp Thìn (Thứ Ba 29-9-1964)

THI

NAM bang gặp Đạo, phước cho đời
CỰC nhọc khuyên người bước đến nơi
TIÊN Phật muốn thành, lo giải thoát
ÔNG tu ông được,⁽¹⁾ gắng lên người!⁽²⁾

Bần Đạo chào chư Thiên ân, chư chức sắc, chức việc, và

⁽¹⁾ Có câu: Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không tu không đắc. Ý nói ai tu nấy được; không ai tu giùm ai được.

⁽²⁾ Bài thơ quán thủ là Nam Cực Tiên Ông 南極仙翁 (The Immortal of the South Pole). Dân gian thường biết Ngài qua hình tượng Ông Thọ (Thọ Tinh 壽星: Longevity Star). Kinh sách Đạo Giáo Trung Hoa còn gọi Ngài là: Nam Cực Hà Linh Lão Nhân 南極遐齡老人 (Long-lived Old Man of the Southern Pole); Nam Cực Hà Linh Lão Nhân Cù Tiên 南極遐齡老人耀仙 (Long-lived Old Man of the Southern Pole); Nam Cực Xung Hư Chân Quân 南極冲虚真君 (Perfected Lord of the Unfathomable Emptiness of the Southern Pole); Nam Cực Xung Hư Diệu Đạo Chân Quân Hà Linh Lão Nhân Cù Tiên 南極冲虚妙道真君遐龄老人耀仙 (Long-lived Old Man, Perfected Lord of the Wondrous Way of the Unfathomable Emptiness of the Southern Pole).



Nam Cực Tiên Ông (Ông Thọ) theo dân gian.

toàn đạo tâm nam nữ trung đàn.

Giờ này Bần Đạo đến đây ban bố ân lành cho cơ sở này được nương sống trong ơn quyền pháp. Được vậy thì mọi việc yên như bàn thạch.⁽³⁾ Bằng ⁽⁴⁾ không chịu lấy quyền pháp này mà tu, mà đặt lòng hồi hướng thì phải đứng ngoài ơn che chở trong buổi Tam Kỳ. Chư Thiên ân và chức việc gắng y hành thì vững lái êm thuyền vượt qua cơn khảo thí.

Bần Đạo cho phép toàn đàn được thanh tịnh ngồi nghe dạy.

PHÚ

*Đời mạt kiếp, sống trong ngày đen tối
Bước lối lầy, tự hối ⁽⁵⁾ cậy vào đâu?
Khắp bốn phương đồ thán ⁽⁶⁾ chịu đau sầu
Muốn giải thoát, trì châu ⁽⁷⁾ lòng ổn định.
Trong cảnh loạn, thân tâm cho thanh tịnh*

⁽³⁾ **bàn thạch** 磐石 (*a huge rock, a boulder*): Tầng đá lớn. An (*yên*) như bàn thạch 安如磐石; ổn như bàn thạch 穩如磐石; kiên như bàn thạch 堅如磐石 (*as solid as rock; fig., absolutely secure*): Tuyệt đối an toàn.

⁽⁴⁾ **bằng** (if): Nếu.

⁽⁵⁾ **tự hối** 自悔 (*repenting*): Hậu hối 後悔, ăn năn, hối hận.

⁽⁶⁾ **đồ thán** 塗炭: (*extreme distress, in utter misery*): Lầy than, khổ nhố.

⁽⁷⁾ **trì châu** 持珠 (*diligently practising meditation with a rosary*): Siêng năng công phu, thực hành pháp môn luyện châu của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Pháp môn này gồm bốn bậc từ thấp lên cao: 1/ Hồi hướng linh châu; 2/ Tướng châu; 3/ Tâm châu; 4/ Tam bảo hoàn châu.

*Mới đón nghe Thiên lệnh gọi nơi lòng
Dứt thế tình,⁽⁸⁾ muôn sự được thông dong
Ngoài cương tỏa,⁽⁹⁾ sạch trong chi ⁽¹⁰⁾ thú vị.*

*Ai kẻ biết mà để lòng suy nghĩ
Kiếp sống còn xét kỹ mấy ngày vui
Chỉ có người giải thoát sớm buông xuôi
Tay phải sạch trần, lui trò ảo vọng.*

Đời mạt kiếp khuyên ai mau bước chóng ⁽¹¹⁾
*Số phận người như giá móc, sương đeo ⁽¹²⁾
Sắp đến đây biết bao sự ngặt nghèo
Nào nước lửa, họa gieo đầy đỏi rét.*

*Đâu cũng thấy máu xương, cướp giật
Mũi Thiên oai ⁽¹³⁾ khó để tránh nơi nào
Khổ càng ngày càng chồng chất thêm cao
Cuộc vay trả biết bao tuồng góm ghiếc.*

Khuyên người sớm tìm về nơi đặc biệt

⁽⁸⁾ **thế tình** 世情 (*worldly affairs, the ways of the world*): Thế thái nhân tình 世態人情, sự đời, thế sự, tình đời, thói đời.

⁽⁹⁾ **cương tỏa** 韁鎖 (*rein and lock; fig., being tied to sth*): Dây cương ngựa và cái khóa; ám chỉ sự trói buộc.

⁽¹⁰⁾ **chi** (*so much*): Rất chi là, rất mực, nhiều lắm.

⁽¹¹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽¹²⁾ **giá**: Nước lạnh đông lại, nắng lên thì tan. **móc**: Hạt sương đọng ở đầu ngọn cỏ, trên lá cây khi nắng lên thì tan. Câu này ý nói: Mạng người không bền, mau chấm dứt như giá, như móc, như sương mai sẽ chóng tan khi nắng lên. Công Giáo dùng chữ *mỏng giòn* cũng rất hay, ví mạng người như vỏ trứng dễ vỡ nát.

⁽¹³⁾ **mũi Thiên oai**: Ý nói mũi tên, mũi đạn do luật Trời báo ứng.

Để lánh cơn tiêu diệt, được hồi sinh
Sẵn pháp quyền sớm tối đặt nơi mình
Giới hạnh nguyện, đức tin cầu thọ pháp.

Pháp linh châu sớm chiều chăm tu niệm
Chọn trong ngày để kiểm điểm thân tâm
Tràng linh châu trước ngực chắc tay cầm
Nơi miệng niệm, lần thăm: một, ba, năm, bảy, chín.

Lòng yên lặng giữ cho tận tín
Sớm hay chiều nương vịn đó mà tu
Dọn sạch lòng vào tịnh tọa công phu
Hà hít tận trung khu nơi Khí Hải.⁽¹⁴⁾

Hít xuyên thông, hà ra chậm rãi
Đẩy bắn nơ ra khỏi thân hình
Đem sâu vào cho tâm địa được anh minh.
Giữ lại đó cho thần kinh chuyển đều trong tạng phủ.⁽¹⁵⁾

⁽¹⁴⁾ **Khí Hải** 氣海 (*Qi Sea, Sea of Vital Energy*): Huyệt nằm dưới rốn 1,5 thốn 寸. Tùy cơ thể mỗi người mà thốn dài ngắn khác nhau. Xếp sát bốn ngón tay, bề ngang của chúng đo ở khớp giữa là 3 thốn. Hoặc cơ ngón tay giữa, bề dài lòng tay thứ hai (ở giữa) là 1 thốn. Hoặc đo bề ngang ngón cái, chỗ khớp thứ nhất đếm từ trên xuống là 1 thốn.



⁽¹⁵⁾ **tạng phủ** 臟腑 (*inner organs*): Tức là ngũ tạng và lục phủ. 1/ **ngũ tạng** 五臟 (*five viscera: heart, liver, spleen, lungs, and kidneys*): Năm cơ quan trong thân người, gồm tâm, can, tỳ, phế, thận 心, 肝, 脾, 肺, 腎 (tim, gan, lá lách, phổi và thận). - 2/ **lục phủ** 六腑 (*six bowels or hollow organs: stomach, gall bladder, large intestine, small intestine, bladder, and triple focus*): Vị, đởm, đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu 胃, 膽, 大腸, 小腸,

Ba mươi sáu vòng ngược xuôi đếm đủ
Ấy là xong một đại châu thiên
Nếu ai tu, ngày tháng kiên kiên⁽¹⁶⁾
Đi đứng ngồi nằm được triền miên,⁽¹⁷⁾ tay lần miệng niệm.

Lòng được định thì không còn gì nguy hiểm
Thần được an, màu nhiệm hiện nơi mình
Luyện châu này được tánh kiến tâm minh⁽¹⁸⁾
Được giải thoát khỏi bảy tình,⁽¹⁹⁾ bốn tường sắc tài tửu khí.⁽²⁰⁾

Luyện được thì danh phận người thành cao quý
Luyện được rồi ma quỷ phải kiêng

膀胱, 三焦. (Dạ dày, mật, ruột già, ruột non, bọng đái, và tam tiêu). Tam tiêu gồm miệng trên của dạ dày, phần giữa của dạ dày, và miệng trên của bọng đái.

⁽¹⁶⁾ **kiên kiên** 乾乾 (*active and vigilant*): Năng động và thận trọng. Tượng từ hào cửu tam của quẻ Càn nói: Quân tử chung nhật kiên kiên. 君子終日乾乾. Người quân tử suốt ngày năng động và thận trọng giữ mình. (*The superior man active and vigilant all the day.*)

⁽¹⁷⁾ **triền miên** 纏綿 (*lingering*): Lâu dài.

⁽¹⁸⁾ **tánh kiến tâm minh** (minh tâm kiến tánh 明心見性: *clearing the mind and seeing the nature*): Sáng lòng thấy tánh.

⁽¹⁹⁾ **bảy tình** (thất tình 七情: *the seven emotions*): Bảy tình cảm là mừng, giận, yêu, ghét, buồn, vui, sợ (hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ 喜, 怒, 愛, 惡, 哀, 樂, 懼: *joy, anger, affection, hatred, sorrow, cheerfulness, fearfulness*).

⁽²⁰⁾ **bốn tường** (tứ đố tường 四堵牆: *the four walls*): Bốn thứ giam hãm con người trong ham muốn và nghiện ngập, khiến con người mất tự do, giống như bị nhốt trong bốn tường (đố và tường đều có nghĩa là vách tường). Đó là Tửu, sắc, tài, khí 酒色財氣: *alcohol, sex, money, and drugs*), tức là rượu, sắc dục, tiền bạc, và ma túy.

Sống bình thường lòng được khỏe khỏe khoe
Được đất chở trời che, Thánh Thần phò hộ.

Chiếm kỳ công⁽²¹⁾ trong cơ tận độ
Được cứu mình mà cứu khổ cho quốc nội đồng bào
Được châu rồi đặc biệt quý biết bao
Rán luyện rán tu để sớm được vào Bồng Lai quốc độ.⁽²²⁾

(...)

Chư hiền đệ, hiền muội có phận sự chỉnh đốn nội đàn để
đón tiếp Lý Giáo Tông. Bàn Đạo chào chư liệt quý vị.

TIẾP ĐIỂN

LÝ THÁI BẠCH

Lão chào chư Thiên sắc,⁽²³⁾ chư đạo hữu, đạo muội.

THI

Trông vào cơ sở mới gầy nên⁽²⁴⁾
Trái với thời gian sức cũng bền
Công quả tuy nghèo lòng sẵn đủ
Giữa tình đồng đạo tiến đều lên.

Tiến đều lên anh em đạo hữu
Tiến đều lên mà cứu lẫn nhau
Nếu mà đâu đó một màu⁽²⁵⁾

Không giàu tiền bạc cũng giàu đạo tâm.

Đạo tâm mỗi bữa gắng vun bồi
Công quả được tròn trở lại ngôi
Một kiếp muối dưa, Trời Phật chứng
Gắng mà tu học, chớ buông trôi.

Chớ buông trôi, sau rồi hối hận
Chớ buông trôi, Thầy giận Mẹ phiền
Buông trôi không nể pháp quyền
Lão đành xóa sổ, cung Tiên khó về.

Về với nhơn sanh khó phụ lòng
Phụ lòng đâu đó cũng không xong
Con đường giáo hóa nay hình hiện
Định tĩnh mà xem trở lại lòng.

Trở lại lòng, đừng buông xa nữa
Trở lại lòng, đừng dựa nhờ ai
Lòng mình chính thật Cao Đài⁽²⁶⁾
Cao Đài đâu phải bên ngoài mà theo.

Theo ai, ai cũng, cũng như ai
Đạo đức đâu tranh cậy ở tài
Muốn thật cho ra người đạo hạnh
Cũng đành ngơ mắt, lấp hai tai.

⁽²¹⁾ **kỳ công** 奇功 (*an extraordinary accomplishment*): Công trạng phi thường.

⁽²²⁾ **quốc độ** 國土: Cõi, miền (*realm*). – **Bồng Lai quốc độ**: Cõi Bồng Lai, cõi Tiên.

⁽²³⁾ **Thiên sắc** 天色: Thiên phong chức sắc.

⁽²⁴⁾ Thánh thất Trung Khánh được thành lập năm 1964.

⁽²⁵⁾ **một màu** (*unanimous*): Muôn người như một, đồng lòng, không khác.

⁽²⁶⁾ **Lòng mình chính thật Cao Đài**: Thầy dạy: “Cao Đài vốn ở lòng con đó / Bỏ tánh tham si sẽ gặp Thầy.” (Hội Thánh Chơn Lý, Tòa Thánh Định Tường, *Thiên Đạo Chơn Truyền*, quyển 1, đàn ngày 18-7 Nhâm Thân, Thứ Sáu 19-8-1932)

Lấp hai tai, tiếng ngoài tranh luận
Lấp hai tai, mới thuận lòng Trời
Khuyên nhau sớm biết nghe lời
Sao dời vật đổi,⁽²⁷⁾ lòng thời an nhiên.⁽²⁸⁾

An nhiên chờ đợi một ngày thành
Mặc thế thị phi ⁽²⁹⁾ với cạnh tranh
Công đó lòng này, Thầy, Lão chứng
Đơn thuần đồng đức vẻ thanh thanh.⁽³⁰⁾

Thanh cao quân tử thử coi nào
Giành giật làm gì luận thấp cao
Đức lẫn tài nên trao sứ mạng
Tài nương ở đức mới tương giao.

(...)

KỆ LINH CHÂU

Vận chuyển càn khôn một khí lành
Linh căn nương tựa được hồi sinh
Tam Kỳ đại xá khai môn đảnh
Thần khí giao hòa tánh thiện minh.

Thôi, Lão chào chư hiền đệ, hiền muội. Lão thăng.

Lão một lần nữa ban bố hồng từ ⁽³¹⁾ cho nơi thánh địa, ban ơn cho toàn đạo sống trong sự an bình của quyền pháp nơi Thầy, ban oai nghi cho các vị lễ sanh để cầu xin xá giảm.

⁽²⁷⁾ **sao dời vật đổi**: Vật đổi sao dời (vật hoá tinh di 物換星移: *the change that accompanies the passage of time; circumstances change over the years; things change with the passing of years*). Những việc trên đời thay đổi theo thời gian.

⁽²⁸⁾ **an nhiên** 安然 (*calm, peaceful*): Thản nhiên, bình thản, an ổn.

⁽²⁹⁾ **thị phi** 是非 (*right and wrong; praise and criticism*). Đúng và sai; nghĩa bóng là lời khen chê của dư luận. Đức Giáo Tông Vô Vi Lý Thái Bạch dạy: “*Những tiếng thị phi không cần biện bạch.*” (Trung Hưng Bửu Tòa, 18-8 Giáp Thìn, Thứ Tư 23-9-1964)

⁽³⁰⁾ **thanh thanh** 清清 (*clear, quiet, pure, just and honest*): Trong trẻo, thanh tĩnh, thanh khiết, công bình và chánh trực.

⁽³¹⁾ **hồng từ** 洪慈 (*great mercy*): Tình thương bao la.

4. MAY GẶP THẦY RÁN SỨC MÀ TU

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 01-7 Ất Tỵ (Thứ Tư 28-7-1965)*

THI

*BÁO đi bảo lại cũng còn nguyên ⁽¹⁾
THỌ pháp thừa ân ⁽²⁾ gắng chí bền
THÁNH quả ngày về Thầy Mẹ thương
NƯƠNG theo quyền pháp mạnh mau lên.*

Bản Nương chào mừng chư Thiên ân, chư đạo tâm nam nữ. Bản Nương xin mời an vị.

BÀI

*Trái mấy hồng ân cao đã rười
Khuyên đạo tâm trên dưới đồng tâm
Từ đây ai cũng chí chăm
Dặn lòng trong sạch để cầm pháp tu.
Gắng, gắng nữa công phu, công quả
Gắng, gắng thêm ơn trả nợ đền
Chung cùng lớn nhỏ tiến lên
Quyền cao vị xứng Ơn Trên đợi chờ.*

⁽¹⁾ Câu này ý nói: Ơn Trên dạy đã nhiều nhưng môn sanh vẫn chưa sửa đổi được, còn nguyên những lỗi lầm.

⁽²⁾ **thừa ân** 乘恩: Thọ ơn, chịu ơn, mang ơn.

*Nếu, nếu ai còn ngờ còn giận
Biết, biết ai còn giận còn hờn
Ghé nhà thăm viếng, nhắc khuyên
Để mà cởi mở oan khiên cho người.*

*Những lời cũ đừng bươi đừng móc
Những thù xưa nên cắt nên thôi
Tình thương chung sửa đắp bồi
Giới quy, hành đạo trau dồi cho cao.*

*Cùng một Đạo, đồng lao cộng khổ ⁽³⁾
Rủi bề nào đừng đổ thừa ai
Việc nhà việc đạo hai vai
Cho cân cho xứng mới tài mới khôn.*

*Làm sao cứu phần hồn giải thoát
Làm sao đừng lằm lạc, đọa sa
Bên kia bờ giác mau qua
Để cùng Thầy Mẹ, chúng ta sum vầy.*

*Thương phận gái đọa đầy nhiều kiếp
Gặp hội này có dịp thoát thân
Trần duyên cởi mở, buông lãn
Con khôn cháu lém chia phần nó lo.*

*Đừng mển của bo bo giữ chặt
Chớ mê đời mà gặp khổ đau
Dầu cho quyền quý sang giàu
Vô thường ⁽⁴⁾ khi đến, đem nào được theo.*

⁽³⁾ **đồng lao cộng khổ** 同勞共苦 (*sharing hardship*): Cùng nhau chia sẻ khổ nhọc.

⁽⁴⁾ **vô thường** 無常 (*impermanent; death, passing away*): 1/ Không

Rủi nằm trong cảnh nghèo vận túng
Cũng đừng nên lạm dụng đa đoan
Số phần vinh nhục phải mang
Nhân nào quả nấy, tính toán sẽ thành.

Nghèo xách mủng⁽⁵⁾ chạy quanh cầu cạnh
Giàu những trò kiêu hãnh chẳng kiêng
Nghèo kia một gánh nãi phiền
Giàu kia một mối tiền khiên sau này.⁽⁶⁾

May gặp Đạo lo xây công đức
May gặp Thầy rán sức mà tu⁽⁷⁾
Đừng toan kết oán gây thù
Hỏa lò nguyên tử khó bù được đâu.

Ngày sắp đến, năm châu chết chết
Ngày sắp đây, hết hết không còn
Dầu cho đại địa,⁽⁸⁾ núi non
Cũng tiêu cũng đổ cũng mòn, lựa thân.⁽⁹⁾

bền vững lâu dài. 2/ Cái chết. – **vô thường đại quỷ** 無常大鬼 (*the demon of death*): Quỷ vô thường, thần chết; ám chỉ cái chết. *Vô thường đại quỷ bất kỳ nhi đáo.* 無常大鬼不期而到. Quỷ vô thường không hẹn mà đến. (Ý nói cái chết đến bất ngờ, không ai biết trước.) *Đại Bát Niết Bàn Kinh* 大般涅槃經 có câu: *Vô thường đại quỷ tình cầu nan thoát.* 無常大鬼情求難脫. Hết lòng cầu xin cũng khó thoát được thần chết.

⁽⁵⁾ **mủng** (*small bamboo basket*): Thúng nhỏ.

⁽⁶⁾ Câu này ý nói: Ngày nay nếu lạm dụng sự giàu có mà gây tội lỗi thì đời sau sẽ chịu quả báo xấu.

⁽⁷⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽⁸⁾ **đại địa** 大地 (*earth*): Đất bằng.

⁽⁹⁾ **lựa thân** (*much less the body, still less the body*): Lựa là, lựa là,

Chết chết chết, mười phần còn một
Nguy nguy nguy, cùng tột chỗ nguy
Nước dâng lửa biển đó đây
Bom rơi đạn lạc Đông Tây nhộn nhàng.

Muốn tránh thân,⁽¹⁰⁾ không đành mà chạy
Biết ăn năn, có lạ cũng rời
Này này, ó chị em ơi!
Trời che đất chở mới ngời được yên.

Tu, tu đi, cho siêng cho lẹ
Tu, tu đi, cho Mẹ xin giùm
Tu đi mới thoát miệng hùm
Tu đi mới thoát gông cùm hỏa khanh.⁽¹¹⁾

Chị em phải cho lạnh cho tỉnh
Cho chị em biết lệnh Trời rao
Họa tai có thoát chỗ nào
Chui trong hang thẳm, nó vào như không.

Ngày gấp rút nghĩ đông⁽¹²⁾ chi nữa
Việc đáo đầu dựa cửa trần ai⁽¹³⁾
Phát tâm sám hối từ đây

huống chi là tẩm thân.

⁽¹⁰⁾ **tránh thân** (*avoiding harm to the body*): Tránh tai họa cho thân.

⁽¹¹⁾ **hỏa khanh** 火坑 (*pit of fire; fig., living hell*): Hàm lửa; nghĩa bóng là địa ngục trần gian.

⁽¹²⁾ **đông**: Đông dài, lan man.

⁽¹³⁾ Câu này ý nói: Ngày tận thế đã cận kề lắm rồi. – **đáo đầu** 到頭 (*to the end of sth, at the end of sth, in the end, coming to an end*): Rốt cuộc, chung cuộc, đến lúc kết thúc.

Đặt thân trong Mẹ, họa may an toàn.

Nữ phái còn nghinh ngang lấm ả⁽¹⁴⁾

Nữ phái còn rời rã lấm ai

Còn đương chưng sắc khoe tài

Còn chơi ca kịch, bạc bài không thôi.

Còn ăn không ngời rồi, nói nhảm

Còn ý thân, cậy bám vào người

Quy hương cúng nước biếng lười

Tụm năm tụm bảy nói lời bâng quơ.

Sao không quý ngày giờ vàng bạc

Sao không lo tuổi hạc chiêm bao⁽¹⁵⁾

Giới quy chẳng lấy làm hào⁽¹⁶⁾

Sân si cứ thích bước vào mà chi.

Xin chị em từ bi, tha lỗi

Vì nóng lòng cho hội lập công

Vì thương nên muốn khai thông

Để lời hơi quá, mịch lòng chị em.

Chư tu sĩ phải nên lập hạnh

Học và tu cho mạnh mẽ coi

Đứng đi đứng đắn hẳn hòi

Đừng ganh ố⁽¹⁷⁾ bạn, đừng đòi người qua.⁽¹⁸⁾

Có sai, mau ăn năn sám hối

Có lỗi, mau cải đổi gấp đi

Giữa nhau phải kính phải vì

Đừng lời lẽ với ý lì nghịch ngang.

Chị em như một tràng chuỗi hạt

Lấy tình thương mà cột giữ nhau

Chung quanh đạo hữu, đồng bào

Trông ra cũng đẹp, trông vào cũng xinh.

Đây chị em, lấy tình mà dạy

Xúm xít nhau đặt lại vấn đề

Tình xưa, chị ấy chưa về

Chưa về nhưng một lời thề chớ khinh.

Từ hạnh giới, sửa mình đứng đắn

Vâng lời trên, khi dạy khi bày

Lễ nghi nghiêm chỉnh trong ngoài

Bớt lời vô ích, đừng sai luật điều.

Trung thành bạn, thương yêu nghe dặn

Đặt lòng tu hứa hẹn từ đây

Chị em hàng ngũ dựng xây

Trước sau có bạn có Thầy giúp cho.

Chánh trị sự chăm lo đôn đốc

Phó và thông⁽¹⁹⁾ phải đốc sức vào

Xã nào xã⁽²⁰⁾ nấy được cao

⁽¹⁴⁾ ả: Chữ dùng gọi người đàn bà kém đoan trang, đức hạnh.

⁽¹⁵⁾ Câu này ý nói: Sao không lo lắng rằng tuổi già sớm chết (như chiêm bao ngắn ngủi).

⁽¹⁶⁾ Câu này ý nói: Không lấy giới quy để bảo vệ mình khỏi phạm lỗi. – hào 壕 (trench): Hào sâu đào quanh thành để bảo vệ thành.

⁽¹⁷⁾ ganh ố (hating sb): Ganh ghét.

⁽¹⁸⁾ đòi người qua [sic]: Không rõ là nghĩa gì. Chữ “qua” không vần với chữ “ăn” câu dưới; nên e là sao chép lầm. Xin tồn nghi.

⁽¹⁹⁾ phó và thông: Tức là phó trị sự và thông sự.

⁽²⁰⁾ xã: Tức là xã đạo.

Pháp quyền bao bọc, thành rào chở che.

Tuyệt⁽²¹⁾ xin đừng còn phe còn phái
Tuyệt xin đừng kinh cãi⁽²²⁾ bất thông
Xây xong sơ bộ đại đồng
Được vậy thì Mẹ vui lòng cho con.

(...)

Tai biến đến, không lâu mấy nữa
Thương chị em chưa sửa kịp ngày
Rủi mà thấm đấng dầm cay
Nỡ nào nhắm mắt bịt tai cho đành.

Chị em phải chạy nhanh cho kíp⁽²³⁾
Thúc giục nhau đón kíp hồng ân
Trái lòng thương mấy xa gần
Đéo mềm với bạn, ân cần nhủ khuyên.

Đừng lớn giọng, bạn phiền bạn trách
Mà tình thân bị rách bị mòn
Thiên ân nhiệm vụ được tròn
Công này phải lượm phải bòn dài lâu.

Bản Nương xin chào chung.

⁽²¹⁾ **tuyệt** (*absolutely*): Tuyệt nhiên 絕然, tuyệt đối 絕對.

⁽²²⁾ **kinh cãi**: Chống đối và cãi cọ.

⁽²³⁾ **chạy nhanh**: Ý nói đừng tu hành lơ là, biếng nhác. – **cho kíp**: Cho mau, cho gấp.

5. PHẢI LUÔN KHẮC KỶ PHỤC LỄ, TỰ NÂNG MÌNH NGANG HÀNG CÙNG QUYỀN PHÁP

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 15-10 Ất Tỵ (Chủ Nhật 07-11-1965)

THI

QUAN san tách dậm đến đàn trung⁽¹⁾
THÁNH chỉ ban trao khách bá tòng⁽²⁾
ĐẾ Đạo⁽³⁾ Kỳ Ba hưng⁽⁴⁾ chánh pháp

⁽¹⁾ **quan san** 關山 (*mountain pass and mountain; fig., a faraway journey*): Cửa ải và núi; nghĩa bóng là đường xa, đi xa. – **tách dậm** (*starting a long journey*): Đồng nghĩa tách chừng, tách miền, tách ngàn. Lên đường đi xa. – **đàn trung** 壇中 (*at the evocation seance*): Trong đàn cầu cơ. – **Quan san tách dậm đến đàn trung** (*Leaving the faraway heaven for the evocation seance*): Rời cõi thượng giới xa xôi lên đường đến với đàn cơ.

⁽²⁾ **thánh chỉ** 聖旨 (*holy edict; God's edict*): Chiếu chỉ 詔旨 của Thượng Đế; văn bản truyền lệnh của Thượng Đế. – **bá, bách** 柏 (*cypress*) là cây bách. **tùng, tòng** 松 (*pine*) là cây thông. Tùng bách là hai loại cây chịu được tuyết lạnh, không rụng lá, quanh năm lá xanh (*evergreen*) – **khách bá tòng** (*person of a stable will*): Người trung kiên, ý chí vững bền (*stable*) trước mọi trở lực; người một lòng sống chết với Đạo với Thầy.

⁽³⁾ **Đế Đạo** 帝道 (*the Way of Heaven*): Đạo Trời, Thiên Đạo.

⁽⁴⁾ **hưng chánh pháp** 興正法 (*invigorating the true dharma*): Chấn

QUÂN minh sứ mạng cứu đời cùng.⁽⁵⁾

Chào chư Thiên phong chức sắc, đạo tràng⁽⁶⁾ nam nữ.

Giờ này chính là giờ kỷ niệm khai Đạo đệ tam thập cửu chu niên⁽⁷⁾ để ôn lại một quá trình xây dựng Đạo Trung Nam Bắc, và cũng là giờ mà tất cả nhơn sanh Cao Đài Giáo không một ai có thể phủ nhận giai đoạn lịch sử oai hùng bởi bao can trường khí phách, bởi bao giọt máu của chư Thánh tông đồ toàn đạo xây nên. Lại nữa, cũng giờ này mà chín năm về trước, tại nơi đây đã đặt viên đá đầu tiên xây dựng ngôi Bửu Tòa nguy nga tráng lệ này.

Hỡi chư hiền! Có rõ tại sao hôm nay Bản Thánh nhắc lại hai việc đó? Phải chăng Bản Thánh muốn cho tất cả chúng ta dù ở địa vị nào, hoàn cảnh nào, làm việc gì, ở hay đi, cũng đều

hung 振興, *phục hưng* 復興, *trung hưng* 中興 chánh pháp; làm cho chánh pháp lấy lại sinh lực (*vital energy*).

⁽⁵⁾ **quân** 君 (*an honorific term for addressing a man*): Từ tôn kính gọi người đàn ông. Như: *chư quân* 諸君 (các ngài); *Nguyễn quân* 阮君 (ông Nguyễn). – **minh** 明 (*understanding sth*): Hiểu rõ. – **quân minh sứ mạng** 君明使命 (*You should understand your mission*): Các vị hãy hiểu rõ sứ mạng của mình. – **đời cùng** (*the world at its last phase*): *Mạt thế* 末世, đời tàn, đời cuối cùng (sắp tận diệt).

⁽⁶⁾ **đạo tràng, đạo trường** 道場 (*religious site*): Chỗ tu học, nơi sinh hoạt tôn giáo (chùa, thất, thánh đường, thiền viện, tu viện...).

⁽⁷⁾ **kỷ niệm khai Đạo đệ tam thập cửu chu niên** (*the thirty-ninth anniversary of the Caodai inauguration*): Kỷ niệm ba mươi chín năm khai Đạo (1926-1965).

“ôn cố nhi tri tân”⁽⁸⁾ để tránh các khuyết điểm, học theo kinh nghiệm đã qua, bổ túc cho bước tiến hành hiện tại và tương lai. Nhưng Bản Thánh cần nhấn mạnh nơi lòng bác ái vị tha, hạnh khoan dung đại độ,⁽⁹⁾ chí hy sinh vì đại cuộc của các bậc hướng đạo cùng đức tin mạnh mẽ tha thiết của toàn đạo lúc bấy giờ. Mong chư hiền cảm thông ý Bản Thánh mà điều hành cơ đạo.

Bản Thánh xin lui. Chư hiền thành tâm tiếp nghinh Lý Giáo Tông.

TIẾP ĐIỂN

THI

Lý triết mầu vi thức tỉnh hồn

THÁI bình lập trụ tại sanh môn⁽¹⁰⁾

BẠCH tâm⁽¹¹⁾ *mới thấu đời chơn nguy*

Giáng dạy chư Nho đạo pháp tôn.⁽¹²⁾

⁽⁸⁾ **ôn cố nhi tri tân** 溫故而知新 (*reviewing the old to know the new; recalling the past to understand the future*): Ôn lại việc cũ để biết việc mới. (*Luận Ngữ* 2:11)

⁽⁹⁾ **đại độ** 大度 (*generous*): Có lòng dạ rộng rãi.

⁽¹⁰⁾ **lập trụ** 立住 (*being established and existing*): Được tạo lập và tồn tại. – **sanh môn**: Môn sanh 門生 (*disciple, follower, adherent*), học trò, *đồ đệ* 徒弟, *môn đồ* 門徒, học trò. (Đạo ngữ cho phù hợp luật thơ.)

⁽¹¹⁾ **bạch tâm** 白心 (*unbiased mind*): Lòng trong sạch, *hư tâm* 虛心, lòng rỗng rang, lòng không thành kiến, lòng không cố chấp.

⁽¹²⁾ **chư nho, chư nhu** 諸儒: *Chư sĩ* 諸士, các vị môn sanh. Từ xưng hô trang trọng để gọi những người có phẩm hạnh, có học vấn, hoặc đang tu học. – **đạo pháp tôn** (*observing the Caodai dharma power*): Tôn trọng, giữ gìn quyền pháp trong nhà đạo.

Bần Đạo chào chư hiền hữu cùng toàn đạo.

Bần Đạo rất hài lòng. Hôm nay, Hội Thánh Trung Hưng⁽¹³⁾ thiết lễ kỷ niệm khai Đạo đệ tam thập cửu chu niên được đông đủ vui vầy.

Hỡi chư hiền và toàn đạo! Bần Đạo muốn nhắc lại ngày này đầy cả nỗi hân hoan vui sướng; thấy rõ rệt một nền tân pháp cao siêu màu nhiệm mà Thượng Đế đã dành cho dân tộc Việt Nam được ơn tiếp thụ đầu tiên để làm một bửu vật vô giá đối với cộng đồng quốc tế.

Ngày rằm tháng 10⁽¹⁴⁾ là ngày đánh dấu sự hình thành mối đạo Cao Đài nói chung; còn riêng nơi này, ngày rằm tháng 10 cũng là ngày Hội Thánh Trung Hưng hình hiện vậy.⁽¹⁵⁾

⁽¹³⁾ **Hội Thánh Trung Hưng:** Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài cũng là Hội Thánh Trung Hưng. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 04-3 Quý Mão (Thứ Năm 28-3-1963), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Và Thầy cũng nhắc lại các con: Sự thành lập Trung Hưng Thánh Tòa và Hội Thánh Trung Hưng, thánh ý định từ trước. Nhưng đến năm Bính Thân [1956] mới hoàn thành và Thầy chỉ dùng tên Trung Hưng Bửu Tòa và Hội Thánh Truyền Giáo để đảm đương cơ đạo trung hưng.*”

⁽¹⁴⁾ Lễ Khai Minh Đại Đạo để công khai hóa đạo Cao Đài trước nhơn sanh ngày 15-10 Bính Dần (Thứ Sáu 19-11-1926). Đại lễ tổ chức tại thánh thất Thiên Lâm (Thiên Lâm Tự) ở Gò Kén, làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh.

⁽¹⁵⁾ Ngày 15-10 Ất Mùi (Thứ Hai 28-11-1955), lễ trí thạch xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa được tổ chức trang trọng tại thành phố Đà Nẵng. Ngày 01-6 Bính Thân (Chủ Nhật 08-7-1956), lễ khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa được tổ chức trọng thể tại số 17 đường Nguyễn Hoàng (khoảng năm 1972 vì nhà cửa trên đường

THI

*Nặng gánh nhơn sanh giữa bể trần
Sóng đời gió đập khách phân vân⁽¹⁶⁾
Nhưng trang⁽¹⁷⁾ hướng đạo thân vì Đạo
Vững lái tay chèo lướt dặm ngàn.⁽¹⁸⁾*

Về công việc của Hội Thánh thì rất bề bộn nhưng bây giờ Bần Đạo nói đại khái các điều quan trọng để kịp thời ứng phó và vững tiến ngày mai.

1. Các hiền đã từng đóng vai Thiên ân quyền pháp thì phẩm vị của người Thiên ân phải thế nào? Nên nhớ đây là hàng giáo phẩm của Hội Thánh Trung Hưng hay của nền tân pháp, lẽ cố nhiên⁽¹⁹⁾ chư Thiên ân, chức sắc khắp các cấp đều phải tuân y theo một chương trình, một đường lối duy nhất

Nguyễn Hoàng tăng thêm nên đánh số lại là 35; từ sau tháng 4-1975 đến nay là số 63 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Dịp này, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài chính thức thành lập với vị chủ trương tài đức là ngài Huệ Lương Trần Văn Quế (1902-1980), đặc quả Quảng Đức Chơn Tiên (1981).

⁽¹⁶⁾ **khách:** Khách trần, người đời, thế nhơn 世人. – **phân vân** 紛紜 (*bewildered and unable to make a decision*): Hoang mang, rối trí, không thể quyết định.

⁽¹⁷⁾ **trang:** Bạc, hạng, vị, đẳng. Td: *Trang hảo hán, trang hào kiệt.* – *Chẳng trang đài các cũng hàng trâm anh.* (Lục Vân Tiên)

⁽¹⁸⁾ **dặm ngàn** (thiên lý 千里: *a thousand miles; fig., a long distance*): Một ngàn dặm; nghĩa bóng là đường xa xôi cách trở.

⁽¹⁹⁾ **cố nhiên** 固然 (*definitely, undoubtedly*): Dĩ nhiên 已然, đương nhiên 當然, tất nhiên 必然.

để hướng đạo nhơn sanh trong hồi tai biến.⁽²⁰⁾

Muốn vậy, tất nhiên con người hướng đạo phải nhẫn nhục, hy sinh, bao dung, hỷ xả, nung nấu can trường, học hạnh khiêm nhường của Thầy mà dìu dắt con cái Thầy về nơi an lạc; phải nương theo Lục Hòa, thông Bát Chánh Đạo, thực hiện Tứ Đại Điều Quy.⁽²¹⁾ Có vậy mới có thể đảm đương sứ mạng được.

Đáng ra ⁽²²⁾ chức sắc một năm vào tịnh tu ba tháng để nghỉ ngơi thân thể, trau dồi kiến thức, an dưỡng tinh thần sau chín tháng hành sự khó nhọc. Nghĩa là tu học hành đạo song song tiến bước. Nhưng hiện tại, hoàn cảnh đặc biệt của Hội Thánh chưa có thể thực hiện được thì ít ra chư hiền cũng **phải luôn khắc kỷ phục lễ, tự nâng mình ngang hàng cùng quyền pháp.**⁽²³⁾ Rồi ngày tới đây, Hội Thánh sẽ thực

⁽²⁰⁾ **tai biến** 災變 (*catastrophic change*): Biến động dữ dội ở phạm vi rộng lớn.

⁽²¹⁾ **Lục Hòa, Bát Chánh Đạo, Tứ Đại Điều Quy**: Xem Phụ Đính cuối bài thánh giáo này.

⁽²²⁾ **đáng ra**: Đáng lý, đáng lẽ, lẽ ra thì.

⁽²³⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.
- **khắc kỷ phục lễ** 克己復禮 (*restraining oneself and observing propriety*): Kềm chế bản thân và giữ đúng lễ. (Theo Luận Ngữ 12 :1, thầy Nhan Hồi hỏi về đức Nhân 仁 (*humaneness*); Đức Khổng Tử trả lời: *Khắc kỷ phục lễ vi nhân*. (Kềm chế bản thân và giữ đúng lễ là nhân.) Thầy Nhan Hồi hỏi về cách thực hành. Đức Khổng đáp: *Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*. 非禮勿視, 非禮勿聽, 非禮勿言, 非禮勿動. (*Do not watch what is contrary to propriety; do not listen to what is contrary to propriety; do not say what is contrary to propriety; do not do what is contrary to propriety*: Không hợp lễ thì đừng nhìn; không hợp

hiện điều quan hệ trên.

2. Hội Thánh cần lưu ý đến việc đôn đốc, an ủi đạo hữu, khích lệ tinh thần tu học, nhất là các khu định cư.⁽²⁴⁾

Hội Thánh phải luôn có sự hướng dẫn, bảo trợ để toàn đạo biết đặt danh nghĩa đạo đức lên trên quyền lợi cá nhân. Không nên vì đôi chút quyền lợi nhỏ mọn mà làm thương tổn đến danh nghĩa Giáo Hội và quốc gia, nhất là đối với quốc tế, họ xem thường.

Ta tuy nghèo về vật chất chứ sẵn có một truyền thống văn hóa, một tinh thần đạo đức cố hữu.⁽²⁵⁾ Một dân tộc đã sẵn có tinh thần cao quý ấy, ta không những không nên làm tiêu mất mà còn phải cố sức tài bồi.⁽²⁶⁾ Huống chi ta vừa là một công dân, vừa là một tín đồ Cao Đài. Ôi, nghĩa vụ vô cùng quan trọng!

Chư đạo hữu nên nhớ rằng nơi định cư hiện giờ là nơi

lễ thì đừng nghe; không hợp lễ thì đừng nói; không hợp lễ thì đừng làm.)

⁽²⁴⁾ **khu định cư** (*định cư khu* 定居區: *a settlement*): Khu vực tập trung những người dân chạy loạn để giúp họ ổn định việc tạm cư. Nơi nào nhỏ gọi là điểm định cư (*định cư điểm* 定居點). Những người định cư (*định cư giả* 定居者: *settlers*) thường được chánh quyền, các tôn giáo, các tổ chức từ thiện, v.v... đến cứu trợ, giúp đỡ tiền bạc, lương thực, quần áo, và chỗ ở. Vào giữa thập niên 1960, chiến tranh lan rộng, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài lập các khu định cư ở các địa phương như: Hội An (tỉnh Quảng Nam), Vườn Lài (thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Tín), Cẩm Lệ (quận Hòa Vang, Đà Nẵng), v.v...

⁽²⁵⁾ **cố hữu** 故有 (*available*): Vốn có từ trước, sẵn có.

⁽²⁶⁾ **tài bồi** 栽培 (*improving sth*): Vun bồi cho tốt thêm.

sống tạm thời. Chớ một ngày gần đây, đất nước thanh bình, đạo hữu sẽ về nơi quê hương xây dựng lại thánh xá,⁽²⁷⁾ thánh thất và chung nhau vui sống dưới vòm trời đạo lý.

3. Thanh niên thế hệ trẻ trung, sống động, vui tươi, hoạt bát, dễ theo đuổi ⁽²⁸⁾ sứ mạng Hưng Đạo Đoàn.⁽²⁹⁾ Có hưng đạo ⁽³⁰⁾ mới là cứu cánh.⁽³¹⁾ Còn tham gia các việc từ thiện xã hội, đó là một nghĩa cử ⁽³²⁾ tùy cảnh tùy thời và cũng để tập rèn thanh niên quen theo nếp sống hòa đồng với mọi người, để biểu dương ⁽³³⁾ tinh thần Thanh Niên Hưng Đạo, chứ

⁽²⁷⁾ **thánh xá** 聖舍: Trong hệ thống hành chánh của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, bên dưới họ đạo (có thánh thất) là xã đạo trực thuộc họ đạo. Một họ đạo có thể có vài xã đạo. Đứng đầu xã đạo là Chánh Trị Sự. Xã đạo nào có điều kiện xây dựng nơi thờ tự thì cất thánh xá. Xã đạo nào chưa có thánh xá thì có thể tạm sinh hoạt tại một nhà đạo hữu. Bởi vậy, chẳng hạn, năm 2021, tỉnh Quảng Nam có hai mươi một họ đạo với hơn một trăm xã đạo nhưng chỉ có mười ba thánh xá.

⁽²⁸⁾ **theo đuổi** (*pursuing sth*): Kiên trì làm điều gì cho tới khi đạt mục đích.

⁽²⁹⁾ **Hưng Đạo Đoàn**: Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

⁽³⁰⁾ **hưng đạo** 興道 (*invigorating a religion*): Hưng giáo 興教, chấn hưng 振興 nền đạo, làm cho tôn giáo phát triển.

⁽³¹⁾ **cứu cánh** 究竟 (*final aim*): Mục đích cuối cùng. – **Có hưng đạo mới là cứu cánh**: Có chấn hưng cho đạo Cao Đài mới là mục đích cuối cùng [của Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn]. (*To save humans from samsara, invigorating Caodaism is the final aim [of the Youth Union for Invigorating Caodaism].*)

⁽³²⁾ **nghĩa cử** 義舉 (*magnanimous act undertaken for the public good*): Việc làm vị tha giúp đời.

⁽³³⁾ **biểu dương** 表揚 (*commending sb/sth; formally praising sb/sth in public*): Công khai khen ngợi để mọi người đều biết.

không thể lấy phương tiện làm mục đích hoặc lấy mục đích làm phương tiện,⁽³⁴⁾ mà phải có hoài bão ⁽³⁵⁾ lớn lao và xa xăm. Phải luôn luôn nhớ câu “*Nhiệm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhiệm . . .*” ⁽³⁶⁾ mà làm hướng tiến.

4. Về bản tổng kết tu học hành đạo của Hội Thánh, Bần Đạo cũng thấy được sức cố gắng cùng lòng ưu tư của chư hiền và đức tin của toàn đạo, mặc dù toàn đạo đều gặp hoàn cảnh khó khăn, phải chung chịu cảnh huống ⁽³⁷⁾ đau thương, tan tác cùng đồng bào. Bần Đạo cũng luôn luôn cảm thông nỗi lòng trọn tin, trọn kính, dảm hy sinh tất cả để tìm về sống tự do, đạo đức.

5. Về tu sĩ, hiện nay tuy hình thức gần như tan rã, tinh thần yếu đuối, chán nản bi quan. Nhưng chư tu sĩ phải biết sẽ được phục hồi, vì lịch sử cổ kim cho ta thấy tất cả vạn sự, vạn vật đều do con số không mà có ức triệu; rồi cũng từ ức triệu trở về số không. (. . .)

Phần đông chư tu sĩ muốn sống tự do bằng cách nào? Vì tu sĩ là con người giải thoát, tự do có thể đi đúng theo quy luật của Giáo Hội được không? Nếu không, tất nhiên không bao giờ được. Tự do không phải là sự quyết định của tâm linh,

⁽³⁴⁾ “*không thể lấy phương tiện làm mục đích hoặc lấy mục đích làm phương tiện*” – Lời này giúp xác định “cứu cánh” nói ở trên có nghĩa là “mục đích cuối cùng”. (*Cứu cánh* có nhiều nghĩa.)

⁽³⁵⁾ **hoài bão** 懷抱 (*ideal, aspiration*): Lý tưởng, ước vọng cao đẹp.

⁽³⁶⁾ **Nhiệm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhiệm . . .**: Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.

⁽³⁷⁾ **cảnh huống** 景況 (*circumstances, situation*): Cảnh ngộ và tình huống, hoàn cảnh, tình thế.

cũng không phải là sự quyết định của luật pháp kiềm thúc buộc ràng, mà ta cũng không thể phủ nhận mọi quy ước đã có.

Các tu sĩ theo đường lối của Hội Thánh vừa rồi cũng tạm thời giải quyết qua một giai đoạn, chứ hoàn cảnh và con người của tu sĩ hiện thời không dễ gì đòi hỏi hơn nữa. Số số căn căn,⁽³⁸⁾ biết làm sao đó, chư hiền!

THI

*Đau lòng đứng trước buổi đời suy
Khổ nỗi nhân sinh mãi cứ tùy⁽³⁹⁾
Lòn lỏi dần thân vào trí lực
Thảm thương một kiếp chớ nên chi.*

BÀI

*Cờ Đạo tung trên nền trời mới
Phước Kỳ Ba phát phới⁽⁴⁰⁾ Á Âu
Pháp linh thanh thủy một bầu
Cứu an nhân loại âu sâu đêm đông.*

*Kìa một dải non sông gấm vóc
Nọ nhân gian lãn lóc khổ nguy
Chừ⁽⁴¹⁾ ai giục trống phát kỳ⁽⁴²⁾*

⁽³⁸⁾ **số số căn căn:** Tức là căn số và căn số. Ý nói người xuất gia làm tu sĩ cần có căn tu, có số mệnh tu hành. Bằng không, rất khó thoát áo tu sĩ suốt đời và giữ trọn giới luật dòng tu trọn vẹn.

⁽³⁹⁾ **cứ tùy** (*still following sth*): Cứ theo đuổi (tham dục).

⁽⁴⁰⁾ **phất phới:** Phấp phới, đưa tới đưa lui theo gió.

⁽⁴¹⁾ **chừ** (*now, at present*): Bây giờ, lúc này.

⁽⁴²⁾ **phất kỳ** (*waving a flag*): Phất cờ.

Ai đem chân lý từ bi quảng truyền.

*Phải chăng những trung kiên hướng đạo
Cùng thanh niên hoài bão vì Đoàn⁽⁴³⁾
Chung nhau sứ mạng phải toan⁽⁴⁴⁾
Kề vai xốc gánh, dọc ngang vẫy vùng.*

*Bầu máu nóng giục trang nghĩa sĩ⁽⁴⁵⁾
Quả tim vàng chung thủy một phen
Xông pha chẳng nệ trắng đen⁽⁴⁶⁾
Không làm những việc nhát hèn thế gian.*

*Hướng đạo lo đàng hoàng tiến tới
Tín đồ xong chờ đợi lệnh trên⁽⁴⁷⁾
Dù cho cách trở đôi bên⁽⁴⁸⁾
Trọn tin quyền Đạo, vững bền chí tu.*

*Vùng mây án lờ lu bóng nguyệt
Ánh thái dương xé tuyết vạch mây
Đông Tây này hỡi Đông Tây!⁽⁴⁹⁾*

⁽⁴³⁾ **Đoàn:** Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn.

⁽⁴⁴⁾ **phải toan:** Phải toan tính, lo liệu, lo toan.

⁽⁴⁵⁾ **nghĩa sĩ** 義士 (*high-minded and righteous person*): Người chí lớn và làm việc nghĩa hiệp giúp đời, giúp người.

⁽⁴⁶⁾ **chẳng nệ trắng đen** (*regardless of pleasure or displeasure*): Chẳng nề (không quản ngại) sướng khổ.

⁽⁴⁷⁾ Có lẽ câu này ý nói: Lo xong trách nhiệm với tín đồ thì bậc hướng đạo chờ Ông Trên chỉ dạy thêm.

⁽⁴⁸⁾ Có lẽ câu này ý nói: Mặc dù có lúc không thông công được với Ông Trên.

⁽⁴⁹⁾ Câu này ý nói: Hỡi tất cả mọi người khắp nơi trong nhà đạo. (**Đông Tây:** Bên Đông và bên Tây, ý nói khắp nơi.)

Núi kia biển nọ ⁽⁵⁰⁾ lòng này tính sao?
 Đây hẳn thật chiêm bao mộng寐
 Đây chắc là hiệp sĩ lân bang? ⁽⁵¹⁾
 Ấ Ấu chung bước một đàng
 Thanh bình quốc độ, ⁽⁵²⁾ nhịp đàn vui chung?
 Hỡi thanh niên, anh hùng hào kiệt!
 Nhiệt huyết ⁽⁵³⁾ sôi, dũng liệt ⁽⁵⁴⁾ cũng sôi
 Đáng trang nam tử trên đời
 Thân sinh bầy thước ⁽⁵⁵⁾ đứng ngời sao an.
 Kia khắp cõi họa tràn diễn tiến
 Nay giang sơn chính biến ⁽⁵⁶⁾ kéo dài
 Phận trai này hỡi phận trai!
 Phong sương há nệ, chông gai nào sòn. ⁽⁵⁷⁾
 Chí tang bồng ⁽⁵⁸⁾ giữa cơn đời đạo ⁽⁵⁹⁾

Nợ tu mi ⁽⁶⁰⁾ lãnh đạo tiên phong
 Noi theo truyền thống Lạc Hồng
 Tinh thần bất diệt mở màn từ năm. ⁽⁶¹⁾
 Hưng Đạo Đoàn chí lăm ⁽⁶²⁾ tiến đạo
 Mạnh thân tâm cải tạo cho nhanh
 Nêu cao gương sáng đàn anh
 Hy sinh vì Đạo thanh danh mãi còn.
 Phần đạo hữu gắng bòn ⁽⁶³⁾ công quả
 Chí quyết tu mài giữa tinh thần
 Đương hồi sóng nước bủa giăng
 Ông Cha ⁽⁶⁴⁾ che chở lần lần sẽ qua.
 Một tu chùa, hai là tu thị ⁽⁶⁵⁾

⁽⁵⁰⁾ **núi kia biển nọ**: Ý nói cõi giang sơn, đất nước.
⁽⁵¹⁾ Có lẽ câu này hàm ý cảnh tỉnh: Chớ nên vọng tưởng lòng tốt của nước láng giềng. – **lân bang** 鄰邦 (*neighbouring country*): Nước láng giềng.
⁽⁵²⁾ **quốc độ, quốc thổ** 國土 (*territory, country*): Đất đai quốc gia, lãnh thổ quốc gia.
⁽⁵³⁾ **nhiệt huyết** 熱血 (*hot blood; fig., enthusiasm*): Máu nóng, lòng hăng hái.
⁽⁵⁴⁾ **dũng liệt** 勇烈 (*courageous and unyielding*): Dũng cảm 勇敢 và trung liệt 剛烈; can đảm và bất khuất.
⁽⁵⁵⁾ **thân sinh bầy thước**: Bậc *trượng phu* 丈夫, nam nhi khí tiết.
⁽⁵⁶⁾ **chính biến** 政變 (*political fluctuation*): Biến động chính trị.
⁽⁵⁷⁾ **nệ**: Nề hà, quản ngại. – **sòn** (*losing heart*): Sòn lòng, nao núng.
⁽⁵⁸⁾ **tang bồng** 桑蓬: Nói đủ là *tang hồ bồng thi* 桑弧蓬矢 (cây cung

bằng gỗ dâu và mũi tên bằng cỏ bồng), chỉ sự vung vẩy bốn phương của kẻ nam nhi. Ở Trung Hoa thời xưa, nhà quyền quý sinh con trai thì người cha lấy cung dâu và tên bồng (*a bow made of mulberry tree and an arrow made of fleabane*) bắn đi bốn phương.

⁽⁵⁹⁾ **giữa cơn đời đạo**: Giữa lúc xã hội thế gian và cộng đồng các tôn giáo đều rối ren.
⁽⁶⁰⁾ **tu mi** 鬚眉 (*beard and eyebrows; fig., man*): râu và lông mày, ám chỉ đàn ông. (Phụ nữ không có râu, lại thường cạo sạch lông mày để vẽ hay xăm cho đẹp.)
⁽⁶¹⁾ **mở màn từ năm**: Khởi đầu từ năm 1964, khi Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tổ chức *Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn*. Xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.
⁽⁶²⁾ **lăm** (*intending to do sth*): Lăm lăm, rắp toan, có ý định làm gì.
⁽⁶³⁾ **bòn** (*picking every smallest bit*): Bòn mót, nhặt nhạnh từng chút mây mún, không bỏ sót.
⁽⁶⁴⁾ **Cha** (*Thiên Phụ* 天父: *Heavenly Father*): Cha Trời (Thượng Đế).
⁽⁶⁵⁾ Câu này ý nói: Có hai đường tu là xuất gia (tu chùa) và làm cư sĩ

Dù ở đâu, miễn chí quyết tu ⁽⁶⁶⁾
Thế gian là chốn trần tù ⁽⁶⁷⁾
Ao thu phẳng lặng, ánh thu rạng ngời. ⁽⁶⁸⁾
Khuyên ai ghi nhớ mấy lời.

Thôi, Bần Đạo để lời vấn an ⁽⁶⁹⁾ chư Thiên phong chức sắc

tại gia (tu thị, tu giữa chợ đời).

⁽⁶⁶⁾ Câu này ý nói: Dù tu ở nhà hay xuất gia vẫn được, miễn là ý chí cương quyết lo tu hành chơn chánh thì đều thành đạo.

⁽⁶⁷⁾ **trần tù** 塵囚 (the world as compared to a prison): Ngục tù thế gian. Cảnh thế gian ràng buộc làm con người mất tự do (vì chủ nợn ông bị lục đục, thất tình sai khiến), vì thế cõi trần ví như chốn lao tù.

⁽⁶⁸⁾ Câu này và câu trên ý nói: Sống giữa cõi trần tù xáo trộn, người tu cần giữ được lòng bình thản, phẳng lặng như mặt nước ao mùa thu thanh tĩnh, giữ tâm đạo như vầng trăng thu sáng ngời.

⁽⁶⁹⁾ **vấn an** 問安 (giving regards to sb): Hỏi thăm sức khỏe. Từ này thường dùng khi người dưới nói với người trên, tỏ lòng kính trọng bậc lớn tuổi (paying one's respect to elders). Thế mà Đức Lý “vấn an” các vị hướng đạo, tức là khiêm tốn với đàn em trần thế, nêu gương hạ mình (như Chúa cúi xuống rửa chân môn đồ), để mong đàn em trần thế biết bỏ cái ta phàm ngã; đồng thời Ngài còn kín đáo tỏ lòng tôn trọng sứ mạng Kỳ Ba mà các bậc hướng đạo Cao Đài đang gánh vác. “Bần Đạo để lời vấn an...” – Lời này khiến chúng ta xúc động, nhớ lại rằng tại Thiên Lý Đàn (Sài Gòn), vào giờ Tuất, 07-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật, 23-02-1969), Đức Giáo Tông dạy các bậc hướng đạo trong Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam như sau: “Việc đầu tiên của người sứ mạng Lương Đài trong Cơ Quan, tuy không là hàng giáo phẩm Thiên phong của Tòa Thánh, Hội Thánh đã có trong đạo luật hiện giờ, nhưng so lại Thiên chức này, Bần Đạo cũng phải nể nang về phần hy sinh hành đạo của chư hiền đệ, hiền muội mà chớ.” Với lời lẽ này, Đức Lý ngụ ý khuyên dạy chúng ta điều gì? Tuy mang thân

đạo tràng nam nữ có mặt cũng như vắng mặt khắp trong lãnh vực Đạo Trời. Bần Đạo chào chư hiền. Bần Đạo thăng.

PHỤ ĐÍNH

I. Lục Hòa 六和 (the Six Harmonies) là sáu nguyên tắc hòa hiệp của người tu học trong một tập thể, gồm:

1. *Thân hòa cộng trú* 身和共住 (harmony in activity to live together): Hòa hiệp trong sinh hoạt để sống chung với nhau.

2. *Khẩu hòa vô tránh* 口和無諍 (harmony in speech to avoid argument): Hòa hiệp trong lời nói để không tranh cãi.

3. *Ý hòa đồng sự* 意和同事 (harmony in mind to collaborate together): Hòa hiệp trong tâm ý để hợp tác với nhau.

4. *Giới hòa đồng tu* 戒和同修 (harmony in precepts observance for self-cultivation along with others): Hòa hiệp trong giới luật để cùng tu với nhau.

5. *Kiến hòa đồng giải* 見和同解 (harmony in expounding viewpoints): Hòa hiệp trong khi trình bày ý kiến.

6. *Lợi hòa đồng quân* 利和同均 (harmony in equally sharing advantages): Hòa hiệp trong sự chia đều lợi ích.

*

phàm trí tục, nhưng các bậc hướng đạo vì đang gánh vác sứ mạng Kỳ Ba nên Đức Lý là vị Đại Tiên Trưởng rất cao trọng cũng “phải nể nang” các vị. Thế thì nên nghĩ ngược lại: Bậc hướng đạo Kỳ Ba luôn luôn ý thức và tận tâm tận lực với sứ mạng để thật sự xứng đáng với tấm lòng Đức Lý “nể nang” mình.

II. Bát Chánh Đạo 八正道 (*the Eightfold Right Path*) là con đường chơn chánh gồm tám yếu tố:

1. *Chánh kiến* 正見 (*right views*): Thấy và biết đúng như sự thật khách quan, không để tập quán, thành kiến, dục vọng ngăn che hay làm sai lạc.

2. *Chánh tư duy* 正思惟 (*right thoughts*): Suy nghĩ chơn chánh.

3. *Chánh ngữ* 正語 (*right speech*): Lời nói chơn chánh.

4. *Chánh nghiệp* 正業 (*right karma*): Hành vi chơn chánh để không chuốc lấy nghiệp xấu.

5. *Chánh mạng* 正命 (*right livelihood*): Mưu sinh chơn chánh.

6. *Chánh tinh tấn* 正精進 (*right zeal for progress*): Hăng hái sửa mình, siêng năng tu tập để luôn tiến bộ trên đường tu.

7. *Chánh niệm* 正念 (*right mindfulness*): Luôn tâm niệm điều chơn chánh.

8. *Chánh định* 正定 (*right concentration*): Tập trung tư tưởng vào điều chơn chánh.

*

III. Tứ Đại Điều Quy 四大條規 (*the Four Great Rules*) được diễn giải trong Tân Luật (Chương 5, Điều Thứ Hai Mười Hai) như sau:

1. Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2. Chớ khoe tài, đừng cao ngạo. Quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên đạo. Đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người hiền.

3. Bạc tiền xuất nhập phân minh. Đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dể. Trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4. Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngồi xem không để lời hòa giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân. Đừng lấy ý riêng mà trái trên dể dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

*

IV. Hưng Đạo Đoàn: Tức là Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn (*the Youth Union for Invigorating Caodaism*).

Thứ Hai 20-4-1964, các tiền bối Lương Vĩnh Thuật (1918-1982), Trịnh Trung Tín (1909-2007), Nguyễn Khoa Trường (1925-2013), Huỳnh Thanh (1921-1985), và Trương Sư Xuyên (1924-1990) gửi đơn đến Phủ Đặc Ủy Thanh Niên Và Thể Thao (ở Sài Gòn) xin thành lập “Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn”.

Thứ Tư 04-11-1964, Phủ Đặc Ủy ra nghị định số 314-ĐUTNTT-TN9 (ông Nguyễn Văn Kiểu ký) cho phép thành lập Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn và được hoạt động toàn quốc.⁽⁷⁰⁾

Trụ sở Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo đặt tại Trung Hưng Bửu Tòa, số 17 Nguyễn Hoàng, Đà Nẵng (khoảng năm

⁽⁷⁰⁾ Huệ Khải rất cảm ơn hiền huynh Nguyễn Sanh đã cho mượn tuần báo *Nhân Sinh* số 19 (ngày 19-12-1964), nhờ vậy tìm được toàn văn nội dung nghị định thành lập Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn (in ở trang 4 tuần san).

1972, vì nhà cửa trên đường Nguyễn Hoàng tăng thêm nên đánh số lại là 35). Từ sau tháng 4-1975 đến nay, địa chỉ Trung Hưng Bửu Tòa là số 63 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Thế rồi đường Hải Phòng lại được nối dài do nghị quyết số 05/1999/NQ-HĐND, ngày 10-7-1999, của Hội Đồng Nhân Dân thành phố Đà Nẵng, như quy định ở mục 3, nguyên văn: “*Đoạn Hải Phòng nối dài đến giáp đường Điện Biên Phủ đặt tiếp tên HẢI PHÒNG.*”

Lô đất phía sau Trung Hưng Bửu Tòa rất rộng, được cấp số theo đại lộ Thống Nhất là số 12. Năm 1967, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài xin phép thành lập Trung Tâm Bảo Trợ Thiếu Niên Hưng Đạo trên phần đất của Hội Thánh nhưng phần đất này không đâu lưng với Trung Hưng Bửu Tòa, vẫn đánh số 12 Thống Nhất.

Năm 1968, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài xây dựng thêm một dãy nhà nằm phía sau Trung Hưng Bửu Tòa, mặt tiền xoay về đường Thống Nhất. Nhà in Trung Hưng (do Giáo Sư Ngọc Dinh Thanh làm giám đốc) và văn phòng Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo được bố trí ở dãy nhà này, và được đánh số 12b Thống Nhất.

Giữa hai phần đất đánh số 12 và 12b có lối đi rất rộng. Năm 1972 Hội Thánh cho xây tường, đặt cổng lớn ốp đá xám (thường gọi là cổng sau Hội Thánh) để mọi người từ đại lộ Thống Nhất có thể đi vào khuôn viên Trung Hưng Bửu Tòa. Nay vẫn còn thấy cổng này.

Khi nhà cửa trên đại lộ Thống Nhất tăng nhiều thêm thì đánh số lại, nên vào năm 1972 địa chỉ nhà in Trung Hưng

xuất hiện trên tập san *Tin Đạo* của Hội Thánh là số 24. Năm 1978 nhà in Trung Hưng bị quốc hữu hóa.

Tháng 5-1987, đại lộ Thống Nhất đổi thành đại lộ Lê Duẩn, và vị trí cũ của nhà in Trung Hưng ngày nay là số 84.⁽⁷¹⁾

*

V. Nhiệm trọng nhi đạo viễn 任重道遠 nghĩa là gánh nặng trách nhiệm đặt trên vai mà đường thì xa. (*The responsibility burden is heavy and the road is long*) – **Nhân dĩ vi kỷ nhiệm** ... 仁以爲己任 ... nghĩa là lấy việc thực hiện đức nhân làm trách nhiệm bản thân (*taking humaneness as one's responsibility*).

Hai câu này nói tắt lời thầy Tăng Sâm chép trong *Luận Ngữ 8:7*, nguyên văn như sau:

Tăng Tử viết: “*Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhiệm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỷ nhiệm, bất diệc trọng hồ? Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hồ?*” 曾子曰: “士, 不可以不弘毅, 任重而道遠. 仁以爲己任, 不亦重乎? 死而後已, 不亦遠乎?”

Tăng Tử nói: “Kẻ sĩ không thể không cương cường, quyết tâm, là vì nhiệm vụ nặng mà đường xa. Nhận lãnh nhiệm vụ làm điều nhân, như vậy chẳng nặng sao? Thi hành nhiệm vụ này cho đến chết mới thôi, như vậy đường chẳng xa sao?”

⁽⁷¹⁾ Huệ Khải rất cảm ơn hiền huynh Lê Sanh Thái Tuấn Thanh (Trưởng Ban Cai Quản thánh thất Trung Đồng, Đà Nẵng) đã chỉ dẫn các thông tin liên quan các số nhà trên đường Nguyễn Hoàng (nay là Hải Phòng) và đại lộ Thống Nhất (nay là Lê Duẩn).

6. LO ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC THANH NHÂN DÀI LÂU

Thánh thất Trung Thành (Đà Nẵng)
ngày 13-3 Bính Ngọ (Thứ Ba 03-5-1966)

HẢI TRIỀU THÁNH NHƠN

Bần Đạo chào chư Thiên ân, đạo tâm nam nữ đấng đấng.⁽¹⁾
An tịnh nghe dạy.

THI

Thuyền đạo ra khơi vững lái lèo
Cùng nhau nhứt trí gắng bơi chèo
Bên kia bờ giác đà trông thấy
Có ngại gì đâu phải bỏ neo.

Bỏ neo chưa chắc nghỉ, ngồi yên
Sóng gió gần kia, lướt lẹ thuyền!
Đến bến ngại gì cơn bão táp
Nếu mà dọ dự, khổ liên miên.

BÀI

Liên miên nổi khổ không ngừng
Đời tàn tai họa từng bừng chẳng thôi
Muốn cho kiếm chỗ yên ngồi

⁽¹⁾ **đấng đấng** 等等 (everyone): Hết thảy mọi người.

Lẹ chơn chút nữa, vị ngôi vững vàng.

Cuộc đời mãi mãi tân toan ⁽²⁾
Sống còn ai khỏi làm than ⁽³⁾ kiếp người
Muốn cho ngàn thuở yên vui
Phăng dây đạo pháp tới lui cửa lành.

Đây Bần Đạo chỉ rành cho biết
Phải có gan mà quyết lấy lòng
Rối ren mới gỡ được xong
Nếu còn dọ dự, trong vòng tử sanh.⁽⁴⁾

Đời nhiều lúc phân tranh tiêu diệt
Ai thấu cơ hư thiệt mà lường
Liên miên chông chất tai ương
Nhơn sanh lúng túng trong trường lợi danh.

Mãi mãi cứ chạy quanh xin xỏ
Mãi mãi toan trông ngó đó đây
Bao lâu cho túi được đầy
Hay là phải chịu họa lây tội tràn.

Chết, chết hết, trần gian lập lại ⁽⁵⁾
Khổ khổ chông, oan trái mới tiêu
Lợi trong thế sự càng nhiều
Thì thân tên đạn trăm chiều đâm sâu.

Đã biết là bể dâu ⁽⁶⁾ thay đổi

⁽²⁾ **tân toan** 辛酸 (miserable): Cay (tân) và chua (toan); khổ sở.

⁽³⁾ **lâm than** (miserable, wretched): Vất vả, cơ cực, khổ sở.

⁽⁴⁾ Câu này ý nói: Nếu còn do dự, không tu tịnh (phăng dây đạo pháp) thì còn trong vòng sống chết, luân hồi.

⁽⁵⁾ **lập lại** (reconstructing sth): Tái tạo.

Đã biết rằng mây nổi rồi tan
Hơi mô ⁽⁷⁾ nói chuyện dinh hoàn ⁽⁸⁾
Lo đường đạo đức thanh nhàn dài lâu.⁽⁹⁾

Ngồi mà luyện linh châu ⁽¹⁰⁾ mới biết
Lòng được an, khí huyết được đều
Hồn mình bay bổng cao siêu
Kề tai nghe được Thiên điều dạy khuyên.

Khuyên ta quay về miền thanh tịnh
Dạy ta nhiều pháp kín ⁽¹¹⁾ độ đời
Công ta nhờ đó tỏ ngời
Tâm ta nương đó, đất trời huyền thông.

Lần lần thử đôi vòng ⁽¹²⁾ thì biết
Biết lần lần hư thiệt chẳng sai
Biết ta trong pháp Cao Đài
Không sanh không diệt, không ngoài không trong.

Châu đã tỏ, phá vòng u ám
Châu đã minh, thông cảm mạng Trời
Châu lòng lặng bật tiếng hơi
Thì thân nào sợ đất trời đảo điên.

Muốn cho giặc được yên được dứt
Phải dụng công điều tức, điều thần
Mình mà làm chủ được thân
Khác chi muôn tạ hồn cân nhích bằng.

Ngồi thanh tịnh mà phăng trở lại
Mới thấy mình lầm sai ⁽¹³⁾ bước xa
Muốn cho đâu đó được hòa
Trước tiên mình phải quy gia điều thần.

Hôm nay ngày viên tịch của Ngô Cao Tiên, Bàn Đạo đến cùng chư hiền chung mừng Người trọn nên quyền pháp.

Ngày viên tịch của Người để cho ta một vài kỷ niệm. Người vì đời mà đến. Người chẳng dùng pháp môn hữu vi để gọt cho méo nên tròn, nhưng Người dùng tâm thanh tịnh để hiện thân lành mạnh hầu giáo hóa muôn đời, nên chẳng nói bằng lời, mà dạy người bằng nét thanh cao, bằng thân giáo. Người đi về còn để lại những dấu vết làm cơ chỉ ⁽¹⁴⁾ cho đời. Con đường vô vi mỗi ngày càng thêm rộng lớn. Kỷ niệm Người không phải hoa thơm quả ngọt, sáp ⁽¹⁵⁾ đốt hương xông, mà phải học Người nét na, lời dạy lẽ phải.

Bàn Đạo chào. Thăng.

⁽¹³⁾ **lầm sai**: Sai lầm (*fault, mistake*).

⁽¹⁴⁾ **cơ chỉ** 基趾 (*basis, foundation*): Nền móng, nền tảng, căn bản.

⁽¹⁵⁾ **sáp** (lạp chúc 蠟燭: *candle*): nến, đèn sáp, đèn cầy.

⁽⁶⁾ **bể dâu** (*tang hải 桑海: life's vicissitude*): Biển dâu, dâu bể, dâu biển; nghĩa bóng là biến cố hay thay đổi lớn lao ở đời.

⁽⁷⁾ **hơi mô**: Hơi đâu; đừng tốn hơi nhọc sức vô ích.

⁽⁸⁾ **nói chuyện dinh hoàn**: Nói chuyện thể sự (vô ích đối với người tu, không biết dành thời gian mà lo tu học).

⁽⁹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽¹⁰⁾ Pháp môn luyện châu của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài gồm bốn bậc từ thấp lên cao: 1/ Hồi hướng linh châu; 2/ Tướng châu; 3/ Tâm châu; 4/ Tam bảo hoàn châu.

⁽¹¹⁾ **pháp kín** (*bí pháp 秘法: secret method of inner self-cultivation*): Phương pháp tu luyện chỉ truyền riêng cho người được tuyển chọn, không truyền dạy rộng rãi.

⁽¹²⁾ Vòng tiểu châu thiên và vòng đại châu thiên.

7. Ý NGHĨA PHỤC SINH VÀ SỨ MẠNG TRUNG HƯNG

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 15-01 Đinh Mùi (Thứ Năm 23-02-1967)*

THI

*HƯNG phế⁽¹⁾ nhà Nam trái mẩy phen
ĐẠO Trời Âu Á vẫn chung đèn
ĐẠI công đại chí vì hơn loại
VƯƠNG bá mà chi, lẩn với chen.*

Bản Thánh chào chư Thiên phong chức sắc Lương Đài và toàn thể đạo tâm nam nữ.

Hôm nay giữa tiết xuân về, Bản Thánh rất hân hoan. Ôn xuân lại đến với Hội Thánh Trung Hưng⁽²⁾ trong dịp này.

Hỡi chư hiền và toàn đạo! Phải chăng mỗi độ xuân về là

(1) **hưng phế** 興廢 (*rise and decline*): Thịnh vượng và suy tàn.

(2) **Hội Thánh Trung Hưng**: Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài cũng là Hội Thánh Trung Hưng. Tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài, ngày 04-3 Quý Mão (Thứ Năm 28-3-1963), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: “*Và Thầy cũng nhắc lại các con: Sự thành lập Trung Hưng Thánh Tòa và Hội Thánh Trung Hưng, thánh ý định từ trước. Nhưng đến năm Bính Thân [1956] mới hoàn thành và Thầy chỉ dùng tên Trung Hưng Bửu Tòa và Hội Thánh Truyền Giáo để đảm đương cơ đạo trung hưng.*”

thêm sức sống động, thêm sức phục sinh⁽³⁾ cho Giáo Hội? Vì thế mà Bản Thánh muốn sao cho chư hiền cùng toàn đạo cảm thông lời Bản Thánh với **ý nghĩa phục sinh** là thế nào, **sứ mạng trung hưng**⁽⁴⁾ là làm sao.

Chư hiền ôi! Bản Thánh vẫn thấy công trình khó nhọc của chư hiền. Chư hiền đã gắng công vì đại nghiệp⁽⁵⁾ ở trong một tình cảnh vô cùng khó khăn. Khó khăn không phải chỉ vì chiến tranh tàn phá mà vì trên phương diện tinh thần cũng làm cho chi phối. Hoàn cảnh đã thế mà chư hiền vẫn hết sức mình đưa cơ đạo đến ngày nay. Bản Thánh rất mừng.

Tuy vậy, nếu đứng về bình diện⁽⁶⁾ Giáo Hội mà thấy, thì đó mới chỉ là một phương diện thôi; còn đi sâu vào nội bộ mà nhắm vào thực tại, thì ôi thôi, còn lắm ngổn ngang!

Hỡi chư hiền! Hãy ý thức vấn đề sứ mạng trung hưng cho rõ ràng, kỹ càng và cao sâu, hầu giữa nhau có sự nhận thấy duy nhất.

Đạo vẫn có trước khi chưa có trời đất và loài người. Ngày xưa thì hướng về siêu nhiên (tâm linh); ngày nay quá hướng về thực tại xã hội (vật chất) làm cho chệnh lệch, gây ra đại loạn. Tôn giáo Cao Đài có sứ mạng trung hưng, nghĩa là làm thế nào tâm vật bình hành.⁽⁷⁾

(3) **phục sinh** 復生 (*reviving sth*): Phục hồi sức sống.

(4) Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

(5) **đại nghiệp** 大業 (*great cause*): Sự nghiệp to tát.

(6) **bình diện** 平面 (*aspect*): Phương diện, khía cạnh.

(7) **tâm vật bình hành** 心物平行 (*the parallelism of spirituality and materiality*): Tâm linh và vật chất không loại trừ nhau. Cả hai

Trung là vừa phải. Trung là thuận ý Trời, hợp lòng người. Trung hưng không phải bó hẹp trong một phạm vi nào mà nó lại còn có sứ mạng trung hưng cho tất cả.

Ngày xưa Nghiêu, Thuấn,⁽⁸⁾ Võ, Thang ⁽⁹⁾ đã biết áp dụng đạo trung nên cảnh thế thái bình, nhân dân an lạc. Vậy, ngày nay chư hướng đạo cũng phải biết thời trung ⁽¹⁰⁾ mà xử sự, để cho trên dưới trong ngoài được cảm thông.

Hơn nữa, dân tộc Việt Nam đã được đặc ân ⁽¹¹⁾ làm dân thánh ở đất thánh. Đạo Cao Đài xuất hiện ở Việt Nam không phải là một việc ngẫu nhiên mà là Thiên thơ tiền định. Một dân tộc đã từng tranh đấu quyền lợi cho đất nước, đã hy sinh vì chơn lý. Khí phách hào hùng, kiên quyết ấy đã tô đậm giang sơn trên dòng máu lịch sử. Thế mà ngót hai mươi năm gần đây, đất nước đành nhuộm màu tang tóc. Đứng trước

bình đẳng và song hành để hỗ trợ nhau. Không vì tâm mà bỏ vật; cũng không vì vật mà bỏ tâm. (*Spirituality and materiality do not conquer each other. They are of equal rank and run parallelly to support each other. Do not give up spirituality for the sake of materiality, and vice versa.*)

⁽⁸⁾ **Nghiêu, Thuấn** 堯舜 (*two mythical sage emperors Shun and Yao*): Hai vị thánh vương Nghiêu và Thuấn thời thượng cổ trong huyền sử Trung Hoa. Thời của hai vị là thời thánh đức.

⁽⁹⁾ **Võ, Thang** 禹湯 (*two sage emperors Yu and Tang*): Vua Đại Vũ (Vũ) 大禹 và vua Thành Thang 成湯. Vua Vũ tiếp nối vua Thuấn sáng lập nhà Hạ 夏. Nhà Hạ suy vong thì vua Thang sáng lập nhà Thương 商. Vũ và Thang là hai vị minh quân, hiền đức.

⁽¹⁰⁾ **thời trung** 時中 (*neither excessive nor inadequate*): Không thái quá cũng không bất cập (*ký bất thái quá, hựu vô bất cập* 既不太過, 又無不及).

⁽¹¹⁾ **đặc ân** 特恩 (*special favour*):Ơn huệ đặc biệt.

cảnh tang thương ấy, sứ mạng Cao Đài phải làm sao cho non sông trở lại được thanh bình, thì nhân dân mới thấy sứ mạng Cao Đài vô cùng quan hệ.

Nói thế, chư hướng đạo phải tự thấy nhiệm vụ là đặt mình trong quyền pháp Giáo Hội.

THI

*Thế cuộc chuyển xoay đó hỡi ai
Trung hưng sứ mạng ấy Cao Đài
Non sông một dải tình thêm nặng
Đời đạo đôi vai nghĩa lại dày.*

Giờ đây Bản Thánh nhắc lại: Chư hướng đạo suy nghĩ kỹ về vai trò lãnh đạo, về sứ mạng chấn hưng đạo đức uy nghi. Một phần là vì đức tin về Thiên Liêng bị vữa,⁽¹²⁾ gây thêm tai hại lớn lao cho cơ đạo. Một phần nữa là vì cơ bút. Nhờ cơ bút mà nên, mà cũng có khi vì sự áp dụng chưa hợp thời thì cơ bút trở thành chướng ngại.

Vì chư hướng đạo còn nặng cái tình. Tuy chư hiền đã hy sinh rất nhiều, nhưng chưa đủ để nêu gương hướng đạo. Chư hướng đạo nên cố gắng hết sức rèn luyện thân tâm. Phải luôn luôn hướng về Hội Thánh. Dù đi đâu hay ở đâu, cũng thấy mình là chức sắc Hội Thánh. Nên trọng ⁽¹³⁾ quyền lực Hội Thánh để cho guồng máy Hội Thánh được suốt thông, chớ không nên quá thiên về địa phương hoặc vài danh nghĩa nhỏ hẹp làm chi phối quyền lực Hội Thánh. Nên xoa dịu bớt cái

⁽¹²⁾ **bị vữa** (*rotten*): Hư hỏng, phân rã, không còn nguyên vẹn.

⁽¹³⁾ **trọng** (*respecting sth*): Tôn trọng.

anh hùng tính, cái địa phương quyền, thì vai ⁽¹⁴⁾ hướng đạo mới đúng là bậc Thiên sứ.

Lẽ thứ nữa, vì nhơn tâm bất nhứt ⁽¹⁵⁾ làm cho cơ đạo phải ngửa nghiêng, cơ hồ như khuynh diệt.⁽¹⁶⁾ Nếu tình trạng này không sớm chấm dứt, chư hướng đạo không sớm cùng nhau xây dựng một hướng tiến, vạch định một đường lối để hướng đạo nhơn sanh thì thử hỏi sứ mạng Thiên ân của chư hiền nó ra làm sao? Và Hội Thánh như thế nào?

Thôi, Bản Thánh hôm nay đến cùng chư hiền và toàn đạo với cái xuân đạo lý, mong chư hiền sớm sớm trở về cùng nhiệm vụ. Bản Thánh ban ơn chung toàn đạo vui khỏe trong ân Thầy. Chư hiền tiếp Giáo Tông. Bản Thánh chào.

TIẾP ĐIỂN THI

*Lý triết Đông Tây vẫn một đường
Giáo đồ hướng đạo ở tình thương
Tông chi tuy có vì nhơn ngã ⁽¹⁷⁾
Giảng dạy Trung Hưng trở gót bươn.⁽¹⁸⁾*

⁽¹⁴⁾ **vai**: Hàng, bậc, trang.

⁽¹⁵⁾ **bất nhứt** 不一 (*varying; differing*): Hay thay đổi; khác nhau, không tương đồng, không đồng nhứt.

⁽¹⁶⁾ **khuynh diệt** 傾滅 (*collapsing and vanishing*): Nghiêng đổ (khuynh) và mất đi (diệt).

⁽¹⁷⁾ Câu này ý nói: Tuy rằng bởi lẽ chấp người chấp ta (*nhân ngã*) mà đạo Cao Đài chia ra nhiều phái. – **tông chi** 宗支 (*branch*): Phái chi, chi phái, nhánh nhóc. – **nhơn ngã** 人我 (*tha nhân dữ ngã* 他人與我: *the other and oneself*): Người khác và mình.

Bản Đạo chào chư hiền cùng toàn đạo. Giờ này Bản Đạo về cùng Hội Thánh Trung Hưng trong dịp thượng nguơn Đỉnh Vị ⁽¹⁹⁾ với sứ mạng trọng đại của Giáo Hội hiện thời.

Xuân đã về cùng toàn đạo trong niềm tin Thượng Đế chí minh,⁽²⁰⁾ thì Bản Đạo cũng đến với toàn đạo trong tình thiêng liêng cao cả.

Hỡi chư hiền cùng toàn đạo! Cơ đời sự thế còn biến chuyển thì cơ đạo để gì yên tịnh, nhưng không vì thế mà xao lãng đức tin, kém phần công phu tu học. Dầu sao năm qua chư hiền cũng xây dựng rất nhiều trên cơ sở,⁽²¹⁾ cũng đã đặt mình vào quyền pháp Giáo Hội. Toàn đạo cũng đóng công xây dựng không ít cho Giáo Hội.

Nhìn lại khắp các tỉnh từ vai hướng đạo đến toàn đạo cùng tạo nên những thành quả tốt đẹp đáng khen. Song cơ đạo hôm nay phải đòi hỏi ở chư hiền rất nhiều sự cố gắng hy sinh nhẫn nại và tinh tiến hơn nữa, vất vả mọi khía cạnh, san bằng mọi mâu thuẫn bất đồng, vứt bỏ mọi cái gì hẹp hòi để phụng sự cho Giáo Hội.

Chư hiền ôi! Kia thế cờ còn trong nước tiến thoái lưỡng nan, nhưng cũng sắp hết bàn cờ. Chính Thầy mới có quyền quyết định kết liễu vào ngày mai. Hiện giờ đời còn chinh chiến, nhơn sanh còn đau khổ thì cơ đạo chưa được thỏa

⁽¹⁸⁾ **trở gót bươn** (*raising one's feet and stepping fast forward*): Giở chân cao lên (*trở gót*) mà bước tới nhanh (*bươn*).

⁽¹⁹⁾ **thượng nguơn** 上元: Rằm tháng Giêng. – **Đỉnh Vị** 丁未: Năm Đỉnh Mùi (1967).

⁽²⁰⁾ **chí minh** 至明: Rất sáng suốt.

⁽²¹⁾ **cơ sở** 基礎 (*basis*): Căn bản.

mãn mong muốn của chư hiền và toàn đạo.

Tuy nhiên, công đầu của Hội Thánh Trung Hưng vẫn nghiêm nhiên vươn mình đứng dậy trước cơn vũ bão. Chư hiền đã cùng nhau chặn đứng mọi đổ vỡ, cùng nhau chém sóng đưa thuyền trung hưng lướt xông trên muôn dặm trùng dương, thì nên giải cho nhau một nước cờ, chỉ cho nhau điều nên lẽ phải, chứ không lấy lý gì hay một khía cạnh nào mà lui dần về nhiệm sở địa phương, phân quyền Hội Thánh. Ấy là điều đáng lo, mà cũng đáng buồn.

(..)

Bần Đạo ban ơn chung cho tất cả chư hiền cùng toàn đạo một năm tinh tiến. Bần Đạo lui.

8. KHI ƠN ĐÃ ĐẾN THÌ LÒNG CON KHỎE KHOẢN NHỆ NHÀNG

*Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 15-8 Mậu Thân (Chủ Nhật 06-10-1968)*

TIẾP ĐIỂN THI

*VÔ vi vô sự tiểu Thần Tiên
CỤC lạc là đâu các nữ hiền?
TỬ tốn thân hòa trên mển dưới
TÔN ty lễ độ mới cao quyền.*

Mẹ mừng các con nam nữ nơi đàn và gởi đến những nơi các con đương lo tu học lập công một lòng cùng Đạo.

Hôm nay Mẹ đến chứng kiến lòng thành của mỗi con mà Mẹ cũng ban cho các con có một quyền pháp để bảo đảm lẫn nhau được sống, đồng nhịp nhàng từng trái tim đập đúng theo lẽ Đạo.

Các con khổ hạnh nhiều, đường lối quanh co đã từng vượt qua khúc quanh lầy lội. Mẹ cũng thương tình cho những con khi khúc lòng tê liệt giọt lệ trong lúc âm thầm. Khổ của con là khổ con đã gây ra nhiều kiếp. Con đã từng khóc lên nức nở, nước mắt con trào chảy đã thành sông. Con khổ lắm rồi!

Mẹ đến đây con không còn đau khổ ở lòng. Nước mắt con

không thể rơi đổ. Con lo tu, lo đạo. **Khi ơn đã đến thì lòng con khỏe khoắn, nhẹ nhàng.**⁽¹⁾

Con tự cởi mở bởi lòng con không say đắm như xưa mà tưởng việc đời muốn chán. Nhờ ơn đến mà lần lần con giác ngộ, giác ngộ từng phần. Tính tình xấu xa ngày xưa nay con đổi hẳn. Con đổi từ thể thấp đến thể cao, phàm phu hóa nên thánh đức.

Con được ơn thì việc chi khó mấy con làm cũng được. Khi ơn đến, ở trong tù ngục cũng được tự do; ở cảnh khó khăn, nhưng rồi được yên ổn.

Sở dĩ con làm chưa nên, con tu chưa được là vì thiếu ơn. Khác nào chánh duyên con có đủ, mà thiếu trợ duyên.⁽²⁾ Con

⁽¹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽²⁾ **chánh duyên** 正緣 (*principal condition*) và **trợ duyên** 助緣 (*auxiliary condition*): Tạm mượn hai ví dụ cho dễ hiểu. a/ Ông Nam sanh giữa thế kỷ 20, khi đạo Cao Đài đã ra đời, thì đây là *chánh duyên* để ông vào đạo. Tuy nhiên, vì lý do nào đó, ông chưa vào đạo, không nhập môn. Thành linh ông gặp biến cố, công danh sự nghiệp tan thành mây khói. Trong tuyệt vọng, tình cờ ông được đọc thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài nên sự tỉnh mộng trần, bèn xin nhập môn cầu đạo. Vậy biến cố là *trợ duyên* giúp ông tu. b/ Chị Bắc xuất thân trong gia đình có ông bà, cha mẹ là tín đồ Cao Đài, thì đây là *chánh duyên* để chị vào đạo. Tuy nhiên, cũng bởi lý do nào đó, chị chưa vào đạo, không chịu nhập môn. Khi mẹ chị qua đời, bốn đạo đến nhà tận tụy giúp tang lễ thật chu đáo và hoàn toàn miễn phí kể từ khi mẹ chị xuôi tay cho tới đại tường (mãn tang). Chứng kiến tất cả với lòng biết ơn và cảm kích, chị đem lòng mến đạo nên quyết định nhập môn. Vậy mẹ chị qua đời là *trợ duyên* giúp chị bước vào cửa đạo Kỳ Ba. (*Trợ duyên* có thể dùng như động từ.)

có chiếc thuyền đủ dụng cụ còn nằm trong ụ⁽³⁾ chờ được nước lên thì thuyền tự nổi, muốn sang đông đến tây tùy ý.

Hôm nay Mẹ đến đây là mục đích chỉ cho con cái mạch sống khơi lên thì nước sẽ tuôn trào, dẫn đến đâu tùy ý con khơi mương xẻ rạch.

Mẹ có mấy lời. Con làm được, Mẹ sẽ dạy thêm.

BÀI

Trên thiên không⁽⁴⁾ treo hình ngọc thỏ⁽⁵⁾
Vệt sạch mây ánh lộ huy hoàng
Sáng soi khắp cả trần gian
Biết con ngồi thờ đứng than một mình.

Con buồn vì thiếu tình đầm ấm
Con lo vì cho tấm mảnh thân
Khổ vui vui khổ mấy lần
Phong trần⁽⁶⁾ *rồi lại phong trần như xưa.*

Nay con giữ muối dưa cùng Đạo
Lo tu hành cải tạo lấy thân
Thiệt tu tại họa chẳng gần
Thiệt lòng vì Đạo, Thánh Thần hộ cho.

Mẹ thẳng.

⁽³⁾ **ụ**: Ụ tàu; khu vực có cửa thông với sông, biển, có thể điều chỉnh được lượng nước, dùng làm nơi đưa tàu thuyền vào sửa chữa.

⁽⁴⁾ **thiên không** 天空 (*sky*): Bầu trời.

⁽⁵⁾ **ngọc thỏ** 玉兔 (*jade rabbit; fig., the moon*): Thỏ ngọc; mặt trăng.

⁽⁶⁾ **phong trần** 風塵 (*wind and dust; fig., hardships of life*): Gió và bụi; ám chỉ những nỗi gian nan, vất vả trong đời.

9. ĐẦU XUÂN KHAI THÔNG MẠCH SỐNG

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 15-01 Kỷ Dậu (Chủ Nhật 02-3-1969)

THI

BẢO hiệp thái hòa tối diệu môn ⁽¹⁾
THỌ quyền hành pháp Đạo vi tôn ⁽²⁾
THÁNH tâm quán chiếu thông nhân sự ⁽³⁾

⁽¹⁾ Câu này ý nói: Giữ gìn và kết hợp các điều kiện để có được sự hòa hợp cùng khắp (trong Hội Thánh) là phương pháp vô cùng hiệu nghiệm. – **bảo hiệp** (hợp) **thái hòa** 保合大和 (*preserving and uniting the conditions of great harmony*): Giữ gìn và kết hợp các điều kiện để có được sự hòa hợp cùng khắp. Đây là từ ngữ trong *Thoán Truyện* quẻ Càn. – **tối diệu môn** 最妙門 (*wondrous method*): Phương pháp vô cùng thần diệu, rất mực hiệu nghiệm.

⁽²⁾ Câu này ý nói: Khi được trao quyền thi hành luật lệ thì (chức sắc) hãy tôn trọng Đạo, đừng làm sái quyền pháp. – **thọ quyền hành pháp** 受權行法 (*being entrusted with executive power*): Được trao quyền thi hành luật lệ. – **Đạo vi tôn** 道爲尊 (*Dao is what to be respected*): Đạo là điều phải tôn trọng.

⁽³⁾ Câu này ý nói: Lấy lòng vô tư, không thiên lệch mà trầm tư suy xét thì thấu suốt hết việc người, việc đời. – **thánh tâm** 聖心 (*holy mind; fig., unbiased mind*): Lòng vô tư, không thiên lệch. – **quán chiếu** 觀照 (*pondering and understanding sth*): Trầm tư suy xét và thấu hiểu. – **thông nhân sự** 通人事 (*thoroughly knowing human matters or the world affairs*): Thấu suốt việc đời hay những vấn

NƯƠNG đắc thời trung địa thể Khôn.⁽⁴⁾

保合大和最妙門 / 受權行法道爲尊
聖心觀照通人事 / 娘得時中地勢坤

Bản Nương chào chư Thiên ân chức sắc Lương Đài, chư đạo tâm nam nữ.

Bản Nương đến, vui mừng ngày thượng nguơn ⁽⁵⁾ đầu

đề của con người.

⁽⁴⁾ Câu này ý nói: Thánh Nương (khuyên các hướng đạo) hành xử theo thời trung và đối nhân xử thế theo đức quẻ Khôn. – **Nương** 娘 (*Thánh Nương* 聖娘): Đức Bảo Thọ tự xưng. – **đắc thời trung** 得時中 (*neither excessive nor inadequate*): Không thái quá cũng không bất cập. – **địa thể Khôn** 地勢坤 (*the sustaining power of the earth represented by the hexagram Earth*): Sức chở chuyên, nâng đỡ, dung chứa muôn vật của đất tượng trung bằng quẻ Khôn. Đây là từ ngữ trong *Đại Tượng Truyện* quẻ Khôn. Quẻ Bát Thuần Khôn hay Khôn ䷁ gồm sáu hào âm chồng lên nhau, tượng trưng đất dày dung chứa, đỡ nâng, chuyên chở muôn vật muôn loài không hề phân biệt, gạn lọc. (*The thick earth contains, supports, and carries all things, good as well as evil, without exception.*) Noi theo ý nghĩa này, người quân tử lấy đức độ sâu dày (hậu đức) mà nâng đỡ và bao dung đủ loại chúng sanh. (*Quân tử dĩ hậu đức tải vật* 君子以厚德載物: *Following the sustaining power of the earth, the superior man of great virtue supports and tolerates all kinds of sentient beings*). Chỗ *Quân tử dĩ hậu đức tải vật* gọi nhớ lời Thánh tông đồ Phao-lô trong *Thư Gửi Tín Hữu Ê-phê-xô* (4:2): *Hãy đem hết lòng khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại mà chịu đựng lẫn nhau. (With all humility and gentleness, with patience, accept one another in love.)*

⁽⁵⁾ **thượng nguơn, thượng nguyên** 上元 (*the fifteenth of the First lunar month*): Ngày rằm tháng Giêng âm lịch.

xuân Kỷ Dậu, được cơ ⁽⁶⁾ tiếp đón chư Thiên mệnh,⁽⁷⁾ chư đạo tâm. Bản Nương kính mời quý vị an tọa.

BÀI

*Xuân Kỷ Dậu về cùng Thánh Hội
Cùng nước non ơn rỗi mười phương ⁽⁸⁾
Gào kêu phát động ⁽⁹⁾ tình thương
Làm cho hơn loại thoát đường tai nguy.*

*Xuân lễ thật gắng ghi vào dạ
Hầu cùng nhau đắp vá ⁽¹⁰⁾ nước non
Tình xuân đầm ấm vương tròn
Gây nên công cuộc sống còn từ đây.*

*Xuân ước vọng vui vầy sum hiệp
Xuân thúc nhau ⁽¹¹⁾ cho kịp hội ⁽¹²⁾ này*

*Làm cho liên kết đó đây
Làm cho vui đẹp lòng Thầy mới nên.*

*Trước thời thế đạn tên khói lửa
Cuộc rẽ chia mỗi bữa mỗi thêm
Ôi thôi! Máu chảy ruột mềm
Cái cơ hủy diệt một bên quá gần.*

*Ơn tái tạo Thiên ân ⁽¹³⁾ cố gắng
Cuộc tương lai mất dạng do mình ⁽¹⁴⁾
Pháp quyền sứ mạng phải tin ⁽¹⁵⁾
Lo tròn trọng trách muôn nghìn khó khăn.*

Bây giờ Bản Nương xin lỗi chư Thiên mạng Lương Đài. Tiện đây xin ghé qua phần nữ phái, nữ đoàn để cùng chị em một đôi lời nhắc nhở nhau trên con đường lập công tu học.

Này chị em nữ phái, nữ đoàn! Cái trọng nhiệm ⁽¹⁶⁾ mà từ lâu chúng ta chịu ơn Thầy, ơn Hội Thánh, được nhận một phần quyền pháp hầu độ kỷ độ tha, xây đắp cơ sở nữ phái, nữ đoàn để sớm đóng góp phần nào cho công cuộc tái tạo thế gian, tác thành cho tương lai một sự nghiệp thanh bình cho nữ giới, nhưng chúng ta đã vấp phải biết bao lần trái với quyền pháp, lỗi hẹn cùng bạn cùng Thầy. Nhưng lòng từ bi của Đại Từ Phụ và Hội Thánh luôn luôn khoan dung, điều

⁽⁶⁾ cơ 機 (*opportunity*): Cơ hội 機會, dịp thuận tiện.

⁽⁷⁾ Thiên mạng, Thiên mệnh 天命: Bậc hướng đạo đang nhận lãnh sứ mạng của Trời giao phó. Đồng nghĩa Thiên ân sứ mạng.

⁽⁸⁾ ơn rỗi mười phương (*grace of soul salvation bestowed everywhere*):Ơn cứu rỗi ban cho khắp nơi. – cứu rỗi (*soul salvation*): Rỗi là thông thả, không bị ràng buộc. Con người lúc sống bị ràng buộc vào tham muốn, sân hận, si mê (ngu muội), vì thế gây tội lỗi rồi bị vướng vào tù ngục thế gian; chết đi linh hồn lại chịu đày đọa nơi địa ngục. Các chánh giáo dạy con người tu hành, để cứu người thoát khỏi tham sân si, khỏi phạm tội; nhờ thế, khi còn sống thì tâm hồn và cuộc đời được rỗi, lúc chết đi thì linh hồn cũng được rỗi, khỏi sa địa ngục.

⁽⁹⁾ phát động 發動 (*arousing sth*): Khởi dậy.

⁽¹⁰⁾ đắp vá (*patching up sth*): Hàn gắn những sứt mẻ, bồi đắp những hư hao (vì đất nước chiến tranh).

⁽¹¹⁾ thúc nhau (*urging each other*): Thúc giục lẫn nhau.

⁽¹²⁾ hội 會 (*opportunity, occasion*): Dịp, thời cơ 時機, cơ hội 機會.

⁽¹³⁾ Thiên ân 天恩 (*recipient of Heaven's grace*): Người thọ ơn Trời.

⁽¹⁴⁾ mất dạng do mình (*loss or win depending on ourselves*): Mất hay còn, bại hay thành là do chính mình.

⁽¹⁵⁾ Câu này ý nói: Các hướng đạo phải tin vào quyền pháp Thầy ban để thi hành sứ mạng.

⁽¹⁶⁾ trọng nhiệm 重任 (*heavy responsibility*): Trách nhiệm nặng nề.

độ.⁽¹⁷⁾

Hôm nay Bản Nương ý muốn nhắc lại cho toàn thể chị em xa gần nhân đà xuân quyền pháp đã trở về với Hội Thánh, sứ mạng được tái hồi.⁽¹⁸⁾ Những ngày đen tối đã qua. Tình đồng đạo chớm nở trong lòng mọi người. Chư chức sắc hầu như bừng tỉnh cơn say. Ai nấy cũng chuẩn bị trở về nhiệm vụ hầu đẩy mạnh công cuộc truyền giáo sâu rộng trong nhơn gian, để hoàn tất sứ mạng trung hưng của mình, để giữ lại tinh thần cố hữu ngàn xưa của dân tộc, khuếch trương đường lối dung hòa tổng hợp, gây cho lòng người một niềm tin đến cùng đích mà nhơn loại đương khát vọng, đương lao mình trên khó khăn mà về cùng lẽ thật. Thì chị em cũng nên họp nhau, cảm thông hầu xây dựng cơ sở nữ phái, nữ đoàn để rồi cùng với bạn phương xa hoàn thành một Hội Thánh nữ phái.

Những tình trạng đổ vỡ, suy sụp trong mấy năm qua là một sự thử thách lớn lao. Người có tâm có nguyện nên mạnh mẽ vượt qua, dầu đã phải lổ lẫm. Đó là một giai đoạn nên chấm dứt. Không nên để ý vào quá khứ mà nhắm ở tương lai. Cố gắng xây dựng hiện tại. Hàng ngũ đâu đó được lành mạnh, sống trong ơn tận độ của Thầy.

Người có trách nhiệm như giáo hữu, lẽ sanh đối với công cuộc lâu dài không nên chấp nhứt một vài chi tiết nhỏ nhen, mà phải lấy lượng khoan hồng, lấy lòng thương yêu để cho nhà tu được dựng lại, tu sĩ sống lại. Cơ cấu lành mạnh. Hoạt động sôi nổi. Đâu đó cũng thấy bóng của nữ đoàn, nghe tiếng thúc giục thét gào của nữ phái làm cho sự sống vươn lên. Ai

⁽¹⁷⁾ **điều độ** 調度 (*guiding sb, leading sb*): Dìu dắt.

⁽¹⁸⁾ **tái hồi** 再回 (*returning*): Trở lại.

cũng hồi xuân. Ai cũng được trong ơn tái tạo.

Dầu cảnh biến mà lòng người đừng biến. Mất còn cũng trong sự sống của Thầy. Chị em nên dang tay mà đền ơn Thầy ơn Mẹ đã đến ban cho từ đây ⁽¹⁹⁾ vậy. Chị em nên thành tâm nhờ ơn Hội Thánh Lương Đài ban cho một quyền pháp để phục sinh nền móng tâm đức nữ phái.

Bản Nương xin chào. Chư vị thành tâm đón Tiếp Văn Pháp Quân để cùng trong dịp **đầu xuân khai thông mạch sống**.⁽²⁰⁾ Bản nương lui.

TIẾP ĐIỂN THI

*TIẾP tục hoàn thành sứ mạng chung
VẮN minh đạo đức được vui cùng ⁽²¹⁾
PHÁP quyền giữ trọn ơn về đến ⁽²²⁾
QUÂN tử tri cơ sớm cộng đồng.⁽²³⁾*

⁽¹⁹⁾ **từ đây**: Từ lúc này, khi quyền pháp đã trở về với Hội Thánh và sứ mạng được tái hồi.

⁽²⁰⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽²¹⁾ Câu này ý nói: [Sứ mạng Đại Đạo hoàn thành thì] muôn dân cùng vui hưởng cuộc sống văn minh trong đạo đức (*sharing a moral and civilized life*).

⁽²²⁾ Câu này ý nói: Các bậc hướng đạo giữ trọn quyền pháp thì ơn Trời sẽ đến giúp sức.

⁽²³⁾ Câu này ý nói: Quân tử (các bậc hướng đạo) nếu tri cơ thì hãy sớm hợp tác, hòa hiệp để hoàn thành sứ mạng chung. – **tri cơ** 知幾 (*knowing the minutest sign*): Biết được cái triệu chứng (mầm mống nhỏ nhất mới vừa hiện ra), từ đó hiểu được tình thế sẽ diễn biến ra sao mà chọn cho mình một thái độ, một cách hành xử tốt nhất. – **cộng đồng** 共同 (*collaborative, harmonious*): Hợp

Bản Quân chào chư chức sắc Lương Đài, chư đạo tâm nam nữ và thanh thiếu đồng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo.⁽²⁴⁾

Hôm nay Bản Quân được dịp cùng với Hội Thánh để tâm tình một vài việc về nội bộ ta. Hội Thánh phải một cơn khảo đảo. Ngày giờ đen tối đã qua. Ánh sáng bình minh vừa lộ dạng.

Xuân Kỷ Dậu vươn mình đứng lên bằng bao lẽ thật, tình thương và sự sống để chặn đứng những trò man trá⁽²⁵⁾ xâm lăng, sự ghét ganh đương giày xéo trong lòng đất nước, và cơ hủy diệt sát phạt nhơn loại làm cho xáo trộn cả năm châu.

Xuân là một đối thủ của ngày đông. Đông thiên⁽²⁶⁾ là mối tàn phá, suy bại, chết chóc; song đông lại là mẹ đẻ của xuân. Đó phải chăng loạn cùng tắc trị,⁽²⁷⁾ cử suy tất hưng?⁽²⁸⁾

Hiện tình nhơn loại khác nào đương sống trong cảnh mùa đông của đời đen tối hỗn loạn. Trong loạn có chứa sẵn cái mầm trị. Trong đen tối có núp một đốm sáng.⁽²⁹⁾ Nên nhà

tác, hòa hiệp.

⁽²⁴⁾ **thanh thiếu đồng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo:** Xem Phụ Đính 1 cuối bài thánh giáo này.

⁽²⁵⁾ **man trá** 瞞詐 (*deceiving, cheating*): Gian dối, gạt lừa.

⁽²⁶⁾ **đông thiên** 冬天 (*winter*): Mùa đông.

⁽²⁷⁾ **loạn cùng tắc trị** 亂窮則治 (*extreme disorder followed by stability*): Rối loạn cùng cực thì tới ổn định.

⁽²⁸⁾ **cử suy tất hưng** 久衰必興 (*a long-time decline certainly replaced by a rise*): Suy yếu lâu dài ắt phải hưng thịnh.

⁽²⁹⁾ **Trong đen tối có núp một đốm sáng** (*The darkness conceals a spot of light*): Đạo Đức Kinh (Chương Năm Mười Tám) chép: *Họa hề phúc chi sở ỷ. Phúc hề họa chi sở phục. 禍兮福之所倚,*

Phật nói: “*Phiền não tức bờ đê.*”⁽³⁰⁾

Đời loạn có mối Đạo xuất hiện, để thấy rằng cơ Trời không gì là tuyệt đối. Trong âm có dương; trong dương có âm.⁽³¹⁾ Âm dương tranh trường nhau.⁽³²⁾ Âm trưởng đến cùng thì hóa ra dương.⁽³³⁾ Hết đêm đến ngày. Hết đông đến xuân. Cơ tuần hoàn⁽³⁴⁾ luôn luôn xây chuyển. Hội Thánh chúng ta cũng cùng trong cuộc biến dịch của đất trời.

Nhưng là dịch thì từ chỗ nọ đến chỗ kia. Đã là biến thì thể này hóa ra thể khác. Cuộc đổi thay mỗi bữa mỗi khác, lúc nọ không giống lúc kia, thì bước đạo cũng tuần tự theo nhịp độ

福兮禍之所伏. Họa là chỗ nương dựa của phúc. Phúc là chỗ ẩn nấp của họa. (*Misfortune is that which good fortune leans on. Good fortune is that which misfortune lies on.*)

⁽³⁰⁾ **Phiền não tức bờ đê:** Xem Phụ Đính 2 cuối bài thánh giáo này.

⁽³¹⁾ **Trong âm có dương; trong dương có âm.** (*Âm trung hữu dương. Dương trung hữu âm. 陰中有陽. 陽中有陰: There's yang in yin. There's yin in yang.*): Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 28-8 Bính Tý (1936), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy: *Âm có lẫn lộn một phần chơn dương (âm trung hữu dương) nên có huyền khí xung lên. Dương có lẫn lộn một phần chơn âm (dương trung hữu âm) nên có lửa hư vô trầm xuống.*

⁽³²⁾ **tranh trường nhau** (*being excessively eager to dominate each other*): Giành nhau phần lớn mạnh hơn.

⁽³³⁾ **Âm trưởng đến cùng thì hóa ra dương** (*Âm cực dương sanh 陰極陽生: Extreme yin transforms to yang*): Và ngược lại, *dương cực âm sanh 陽極陰生* (dương trưởng đến cùng thì hóa ra âm: *Extreme yang transforms to yin*).

⁽³⁴⁾ **cơ tuần hoàn** (*tuần hoàn chi cơ 循環之機: mechanism of cyclical circulation*): Bộ máy xoay vòng, lần lượt chuyển vần, lặp lại giai đoạn trước, như xuân, hạ, thu, đông rồi trở lại xuân. Đó là cuộc xoay vòng của vũ trụ cần khôn.

của thời gian mà ứng thông⁽³⁵⁾ cùng hoàn cảnh. Song le,⁽³⁶⁾ sự sự vật vật đều có một lẽ tự nhiên nằm trong công lệ.⁽³⁷⁾ Nên mỗi lần biến là mỗi lần tiến. Trong phá hoại có sự bảo tồn.⁽³⁸⁾

Hội Thánh đương lo ươm cấy những mầm non cần được vun tưới cho chóng trưởng thành hầu trở nên một thể hệ tương lai. Mầm ấy là đám thanh niên của Đạo mà từ lâu quý vị tiền bối hướng đạo đã lưu tâm. Bản Quân lúc sanh tiền cũng nuôi chí hướng tạo con người mới để tạo nên một xã hội mới.⁽³⁹⁾

Con người được un đúc từ trong lòng mẹ, trong lòng của quyền pháp, trong mối tương hệ dòng điển tái sanh. Thời thế

⁽³⁵⁾ **ứng thông** 應通 (*smoothly coping with sth*): Thích ứng một cách suôn sẻ.

⁽³⁶⁾ **song le** (*however, but*): Tuy nhiên, nhưng.

⁽³⁷⁾ **công lệ** 公例 (*common rule*): Quy tắc chung, thể lệ chung, cách thức chung.

⁽³⁸⁾ **Trong phá hoại có sự bảo tồn.** (*Hủy diệt trung hữu bảo tồn* 毀滅中有保存: *There's preservation in destruction.*): Thần học Ấn Giáo (hay Bà La Môn Giáo 婆羅門教) diễn tả *Trimūrti* 三相神 (*Tam Tướng Thần*) qua hình tượng một đấng có một thân mình với ba cái đầu là *Brahma* (Phạm Thiên 梵天: *the Creator*; đấng Sáng Tạo), *Vishnu* (Bì Thấp Nô 毗溼奴: *the Preserver*; đấng Bảo Tồn), và *Shiva* (Thấp Bà 溼婆: *the Destroyer*; đấng Hủy Diệt). Tại Tam Tông Miếu, ngày 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư 08-7-1981), Quảng Đức Chơn Tiên dạy: *Dầu sáng tạo, bảo tồn, hủy diệt / Một mà ba ai biết lẽ Trời.*

⁽³⁹⁾ Đức Tiếp Văn Pháp Quân sinh tiền là tiền bối Cao Hữu Chí (1904-1953). Ngài thành lập Tráng Anh Đoàn huấn luyện thanh niên. Xem *Phụ Đính 1* cuối bài thánh giáo này.

gây nên bao lần thất bại. Lần này được trỗi lên cũng mong sự thông cảm con đường tương lai của Đạo, sự hoài bão lớn lao trong nền chánh pháp.

Phần người hướng đạo có trách nhiệm duy trì dòng máu thuần chất dung hợp của dân tộc, giành lại một phần, không chịu để cho nòi giống bị vùi lấp trong thế hệ vật chất, sa ngã theo phong trào du đãng, cuồng tín mà đánh mất linh hồn. Mong những bạn thanh niên hướng dẫn nhận chân⁽⁴⁰⁾ cho được sự quan hệ mà Thượng Đế đến lần này cứu chuộc⁽⁴¹⁾ bằng lẽ sống và sự giác ngộ.

Thanh niên là mầm non đương vươn lên đón lấy khí xuân. Nếu không chăm nom, hướng dẫn thì có thể gây hại không vừa. Bởi vậy, Thánh Khổng nói: "*Hậu sanh khả úy.*"⁽⁴²⁾ Người

⁽⁴⁰⁾ **nhận chân** 認真 (*realising sth*): Nhận biết rõ sự thật.

⁽⁴¹⁾ **cứu chuộc** (cứu thực 救贖: *redeeming, redemption*): Cứu 救 là cứu nguy, cứu thoát (*rescuing, saving*). *Chuộc* (từ thuần Việt, chữ Nho là *thực* 贖) nghĩa là đem một món gì ra đánh đổi một hình phạt (*lấy công chuộc tội*; chữ Nho là *trương công thực tội* 將功贖罪: *redeeming one's crime[s] by meritorious acts*). Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Giê-su hy sinh trên thập giá, lấy mạng sống làm **giá chuộc** (*thực giá* 贖價: *ransom*) cho tội lỗi chúng sinh (xem Mát-thêu 20:28 và Mác-cô 10:45). Trong Tam Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Chí Tôn (Thầy) rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần mở đạo Cao Đài với đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. *Cứu chuộc* và *giá chuộc* là thuật ngữ đạo Chúa. (Xem: Huệ Khải, *Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 20-29 và 37-41.)

⁽⁴²⁾ **Hậu sanh khả úy** 後生可畏 (*A youth is to be regarded with respect. The younger generation will surpass the older*): *Luận Ngữ*

tin ở tuổi trẻ có cả một tương lai định đoạt cuộc đời. Tuổi trẻ đó đến lúc trưởng thành mà không ra gì, không làm nên sự nghiệp gì thì có gì đáng sợ.

Vậy anh em thanh niên nên để mắt dòm quanh trong và ngoài nước: Nhơn loại đã xuống dốc. Phong trào văn minh vật chất gây nên tai hại cho đời. Thanh niên đã làm cho thế giới nghiêng đổ, phong tục đời bại, luân lý đạo đức không

(9:23) chép lời Đức Khổng Tử: *Hậu sanh khả úy, yên tri lai giả chi bất như kim dã? Tứ thập ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy dã dĩ.* 後生可畏，焉知來者之不如今也？四五十而無聞焉，斯亦不足畏也已。 (Kẻ sinh sau đáng sợ. Làm sao chúng ta biết tương lai của họ sẽ chẳng bằng hiện tại của chúng ta? Đến bốn mươi hay năm mươi tuổi mà họ chẳng nghe được Đạo, thì họ không đủ cho chúng ta sợ nữa.) Lê Anh Minh dịch như trên và giải thích rằng Phùng Hữu Lan 馮友蘭 (1895-1990) hiểu vô văn 無聞 là “không nghe được Đạo” (vô văn ư Đạo 無聞於道) chứ không phải là “không có danh tiếng” (một hữu thanh danh 沒有聲名) như các nhà chú giải khác đã hiểu. Lê Anh Minh cho ba thí dụ tiêu biểu: 1/ James Legge (1815-1897) dịch: *If he reaches the age of forty or fifty, and has not made himself heard of, then indeed he will not be worth being regarded with respect.* (Nếu kẻ hậu sinh tới bốn mươi hay năm mươi tuổi mà chẳng tự làm cho đời biết đến mình, thì thực sự hẳn không đáng được xem trọng.) – 2/ James R. Ware dịch: *If at forty or fifty, however, they have achieved no reputation, they need no longer be respected.* (Tuy nhiên, nếu ở tuổi bốn mươi hay năm mươi mà họ chưa được nổi tiếng, thì họ không còn được xem trọng nữa.) – 3/ Dương Bá Tuấn 楊伯峻 (1909-1992) giảng: *Nhất cá nhân đáo liễu tứ ngũ thập tuế hoàn một hữu thập ma danh vọng, dã tự trị bất đắc cụ phạ liễu.* 一個人到了四五十歲還沒有什麼名望，也就值不得懼怕了。 (Một kẻ đến bốn mươi hay năm mươi tuổi mà chẳng có danh vọng gì, thì không đáng sợ nữa.)

còn, tự do phóng túng. Cũng chẳng có cha có thầy. Không biết quý cái đáng quý. Không sợ thứ đáng sợ. Mặc cho dư luận, trời⁽⁴³⁾ sợ khen chê. Miễn thỏa dục, nhiều tiền; nào kể gì thân danh, phẩm giá.

Người thanh niên nên tự bảo vệ cho mình và bảo vệ cho nước nhà, cho nhơn loại. Còn phải tương quan⁽⁴⁴⁾ xây dựng lẫn nhau, sống trong quyền pháp, ơn Thầy. Làm cho thanh niên trở nên con người quyền pháp hầu thay gánh đàn anh đương vi⁽⁴⁵⁾ sứ mạng ngày mai, tái tạo cuộc đời. Đây là một việc mà Hội Thánh và nhơn sanh đương trông chờ, đón đợi.

Bản Quân xin nhượng cơ cho Giáo Tông. Bản Quân chào.

TIẾP ĐIỂN

THI

*THÁI BẠCH KIM TINH, Lão rất mừng
Trông về Thánh Hội cảnh trung hưng
Tương lai quyền pháp giành ưu thắng
Do cả nhơn sanh được một lòng.*

Bản Đạo chào chư Thiên ân quyền pháp, chư chức sắc, chức việc, và toàn thể nam nữ đạo tâm.

Ngày xuân Kỷ Dậu đã đem về cho nhơn sanh những gì vui vui khổ khổ. Lòng người đương thắc mắc trong bao nhiêu u

⁽⁴³⁾ **trối** (*indifferent to sth or sb*): Bất kể, không thèm đếm xỉa, mặc kệ.

⁽⁴⁴⁾ **tương quan** 相關 (*being interrelated*): Liên quan lẫn nhau, có quan hệ với nhau.

⁽⁴⁵⁾ **đương vi** 當為 (*assuming sth, undertaking sth*): Nhận lấy, gánh vác, đảm đương.

ẩn,⁽⁴⁶⁾ muốn tìm biết việc thế cơ Trời.⁽⁴⁷⁾ Nhưng Bàn Đạo cũng nhắc lại: Trước đây trên bốn mươi năm, cảnh còn yên ổn, lòng còn rảnh rang mà Bàn Đạo đã cho hay tai nạn ghê gớm ở ngày này. Rồi ngày này được chấm dứt chưa? Hay còn kéo dài đến đâu?

Ôi! Cơ Trời việc thế còn phải trải qua nhiều giai đoạn gay go sụp đổ, hết lớp nọ đến lớp kia. Số số căn căn,⁽⁴⁸⁾ loài người phải chịu sự trả vay vay trả vô cùng. Loạn chông lên loạn. Từ một thân, một gia cho đến cả thế giới đây sự tàn phá, phân ly. Song, trong phá hoại có sự xây dựng; giữa cơ tiêu diệt có mầm tái tạo; trong đau khổ núp sự an bình.

Nếu loài người lý trí lên cao thì họa đời cũng lắm. Năm châu gặp gỡ thì loài người gần gũi nhau, lý tưởng dễ bề xung đột. Ý hướng không đồng thì gây ra tranh chấp, ghét thương. Cơ giới khoa học càng phát minh nhiều món hay vật lạ, lòng dục tham cầu cho được nên có giặc cướp đấu tranh.

Nền Đạo xuất hiện lần này không phải để giải quyết nhu cầu lẻ tẻ, chấp nhận một đường lối nào, mà là làm cho hơn loại quý sự sống, thực hiện tình thương, thấy cho được lẽ thật mà quy hoàn trở lại chỗ cơ bản của con người.

⁽⁴⁶⁾ **u ẩn** 幽隱 (*concealed, hidden*): Giấu kín, không bày tỏ ra.

⁽⁴⁷⁾ **việc thế cơ Trời** (*Thiên cơ thế sự* 天機世事: *heavenly misteries and worldly affairs*): Việc đời và máy Trời huyền vi, bí ẩn.

⁽⁴⁸⁾ **số số căn căn**: Căn số nối chuyễn nhau không dứt. *Căn* 根 là cội rễ, nền tảng (*root, basis*). *Số* 數 là số mệnh, số mạng 數命, số phận 數分, kiếp số 劫數 (*predestined fate*). Do căn lành (*thiện căn* 善根) mà có số mạng tốt; do căn ác (*ác căn* 惡根) mà số mạng xấu, đúng theo luật nhân quả báo ứng.

Sau cơn sóng gió, thiên hạ được bình tĩnh mà ăn năn. Trong lúc đau khổ loạn ly, người ta mới giác ngộ mà tìm về chân lý.

Sứ mạng lần này là để thiết lập một ngươn thanh bình, cảnh đời như ban mai không chút nào phiền, không còn thắc mắc. Muốn đi đến đó thì ngay bây giờ phải đặt nền móng chặt chĩa ⁽⁴⁹⁾ cho công cuộc tương lai.

Cuộc đời tới đây,⁽⁵⁰⁾ sự hỗn loạn khổ đau nguy hại vô cùng mà ngàn xưa đến nay chưa hề thấy có. Tất cả cương lĩnh đạo đức Thánh Hiền kể tục dựng nên đều bị tàn phá. Con người vì xu hướng, vì chủ nghĩa mà giết hại lẫn nhau thậm tệ. Cho chí cha con, anh em ruột thịt cũng không còn chút tình; theo ý dục, theo lòng tham mà làm cho cõi đời bại hoại.

Người Thiên ân quyền pháp có trách nhiệm sứ mạng cần bảo toàn những điều hay việc quý, tiếp nhận những sự lợi ích ở ngày nay, hầu dung hòa cho tình thương, sự sống được hiện ở khắp nơi, lẽ thật không hề hư hoại mà nơi đâu cũng tỏ bày.

Quyền pháp này, sứ mạng này rất cần thiết cho giai đoạn hiện nay, là làm cho đất Thánh được sớm thanh bình, thiện dân ⁽⁵¹⁾ trở thành động cơ tái tạo cuộc đời. Con người không riêng rẽ, không hạn hẹp, không chủ quan mà nhận chân được một lẽ thật hiện ra thiên sai vạn biệt;⁽⁵²⁾ nên biên độ ⁽⁵³⁾ tự

⁽⁴⁹⁾ **chặt chĩa** (*kiên cố* 堅固: *solid*): Vững chắc, kiên cố.

⁽⁵⁰⁾ **tới đây** (*coming*): Sắp tới, sắp đến.

⁽⁵¹⁾ **thiện dân** 善民 (*good people*): Dân lành.

⁽⁵²⁾ **thiên sai vạn biệt** 千差萬別 (*manifold diversities; different in*

do dung chứa được tất cả, thì các đạo hữu cũng nên nhận chân cho được nhiệm vụ của mình.

Đã đành sống giữa thời Khuê⁽⁵⁴⁾ lòng người ngang trái, thiên hạ không phục ai, mỗi người mỗi ý, nhưng ta là người được trong sự sống,⁽⁵⁵⁾ mặc dù thiên hạ Khuê mà chúng mình không Khuê. Sống trong thời Khuê là thời loạn như ngày nay, người người chống trái. Thậm chí một nhà, một nước, một đoàn thể cũng không ai biết nhường nhịn, cậy tin.

Đó là thời, song ta là kẻ thức thời, làm cho Khuê trở thành Cách,⁽⁵⁶⁾ mọi sự mọi vật được chỉnh đốn đổi thay. Lật ngược quẻ này, nghĩa là thiên hạ đi xuống, ta đi lên.⁽⁵⁷⁾ Thiên hạ

thousands of ways): Vô vàn sai biệt; khác nhau rất nhiều.

⁽⁵³⁾ **biên độ** 邊度 (*amplitude*): Độ rộng, độ lớn.

⁽⁵⁴⁾ **Khuê** 睽 (*Division*): Hỏa Trạch Khuê, quẻ Dịch thứ ba mươi tám. Quẻ Khuê ☲☱ gồm ngoại quái (ở trên) là Ly ☲ (hỏa, lửa), nội quái (ở dưới) là Đoài ☱ (trạch, hồ nước). Lửa bay lên, nước hồ lắng xuống; như vậy hai đảng phân ly, không hợp tác với nhau. **Thời Khuê** là thời kỳ chia rẽ, chống đối nhau.

⁽⁵⁵⁾ **được trong sự sống**: Được ở trong Đạo, vì Đạo là sự sống.

⁽⁵⁶⁾ **Cách** 革 (*Change*): Trạch Hỏa Cách, quẻ Dịch thứ bốn mươi chín. Quẻ Cách ☲☱ gồm ngoại quái (ở trên) là Đoài ☱ (trạch, hồ nước), nội quái (ở dưới) là Ly ☲ (hỏa, lửa). Nước đổ xuống, lửa bốc lên; như vậy hai đảng xung đột, khủng hoảng tột cùng, một mất một còn, ắt phải đổi thay. **Thời Cách** là thời kỳ làm cách mạng, thay da đổi thịt, bỏ hết những gì cũ kỹ, hư nát.

⁽⁵⁷⁾ Quẻ Khuê (Ly trên Đoài dưới) là lúc **thiên hạ đi xuống** vì đang mãi miết phân ly, chia rẽ. **Lật ngược quẻ này** (quẻ Khuê) thì thành quẻ Cách (Đoài trên Ly dưới). Cách là thay da đổi thịt, bỏ hết những gì hư nát, cũ kỹ (phân ly, chia rẽ), tức là làm ngược lại thiên hạ; vậy thì **ta đi lên**.

đương mê, ta thì được tỉnh.⁽⁵⁸⁾ Có vậy mới xứng đáng một Thiên ân, mới nên vai trò lãnh đạo, mới gọi là phụng Thiên sự dân, dung hòa, bảo trung thủ nhất.⁽⁵⁹⁾

Hội Thánh, chur chức sắc và toàn thể đạo tâm nên thấy được trọng nhiệm sứ mạng đã đặt ở mọi người. Nếu không tạo được con thuyền quyền pháp thì làm sao cứu vớt được những người lơ lơi⁽⁶⁰⁾ sắp chết nơi bể khổ trầm luân?

Tất cả đồ xô xây dựng cho quyền pháp thành hình, cho nhịp cầu trung hưng được bắc khắp đó đây, cảm thông nhau mà mở rộng lãnh vực giáo quyền, rao truyền sứ mạng.

Các đạo hữu tùy sức, tùy khả năng đóng góp cho thế giới thanh bình bằng một viên gạch, một bay hồ để cho thành quách Trung Hưng, móng nền Giáo Hội từ đây trở nên vững chắc.

Thôi, đến đây cũng dài. Bần Đạo vui mừng được toàn bộ và đạo tâm một lòng tin tưởng. Bần Đạo cũng không quên những đạo tâm mười phương có lòng trọn gìn đạo hạnh của một tín đồ và cũng gởi ơn đến cho người nặng lo việc đạo

⁽⁵⁸⁾ **Thiên hạ đương mê** vì họ còn trong thời Khuê nên mãi miết phân ly, chia rẽ. **Ta thì được tỉnh** vì sống theo thời Cách, làm cách mạng (thay đổi triệt để) bản thân nên biết chấm dứt chia rẽ, không còn phân ly.

⁽⁵⁹⁾ **bảo trung thủ nhất** 抱中守一 (*embracing the golden mean principle and concentrating on the mission*): Ôm giữ đường lối trung dung để hành đạo (không thái quá, không bất cập) và chuyên tâm dốc chí thi hành sứ mạng. – **thủ nhất**: Đồng nghĩa *chuyên nhất* 專一, dốc lòng chú ý vào một việc, không xao lãng.

⁽⁶⁰⁾ **lơ lơi**: Chơi vơi, không chỗ bấu vùi.

được thêm quyền thêm sức.

Bần Đạo chào chung toàn đạo.

PHỤ ĐÍNH 1: Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn

Ngày 01-6 Giáp Tuất (Thứ Năm 09-7-1964) Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài thành lập Tổng Đoàn Thanh Niên Hưng Đạo do huynh trưởng Trần Luyện, tức Trần Quốc Luyện (1920-1994), làm Tổng Đoàn Trưởng. Có thể nói tiền thân Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn là Tráng Anh Đoàn do tiền bối Cao Hữu Chí (1904-1953) thành lập và điều dẫu. Tráng Anh Đoàn sinh hoạt song song với Thanh Xuân Tân Sanh Hoạt Đoàn (dành cho phái nữ) do Giáo Sư Nguyễn Quang Châu (1912-1955) hướng dẫn. Vì chiến tranh, Tráng Anh Đoàn ngưng hoạt động (năm 1946).

Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn được thành lập với mục đích đào tạo cho thanh niên Cao Đài Truyền Giáo:

- a. Một tinh thần trung kiên phụng sự Đạo.
- b. Một ý chí tích cực phục vụ xã hội, cải thiện nhân sinh, mưu cầu lợi ích chung cho chúng sanh.
- c. Phát triển đồng đều các mặt đạo đức, lý trí và thể lực để thanh niên có khả năng làm tròn nhiệm vụ công dân và góp phần vào sứ mạng tận độ Kỳ Ba của đạo Cao Đài. Thanh Niên

Hưng Đạo Đoàn không tham gia đảng phái (không làm chánh trị), giữ đúng tinh thần vạn giáo nhất lý, thuần chân vô ngã.

Về tổ chức, Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn gồm bốn cấp (Tổng, Phân, Chi, và Liên Đoàn) như sau:

1. *Tổng Đoàn* (tại trung ương). Ban chấp hành Tổng Đoàn (nhiệm kỳ ba năm), gồm mười lăm người: 1 tổng đoàn trưởng; 3 tổng đoàn phó; 1 tổng thư ký; 1 phó tổng thư ký; 1 thủ quỹ; 8 tổng ủy viên (phụ trách tám lãnh vực: tuyên truyền huấn, văn nghệ, tổ chức, xã hội phước thiện, tài chánh, sinh hoạt thanh niên, và liên lạc kiểm soát).

2. *Phân Đoàn* (ở các tỉnh đạo). Ban chấp hành Phân Đoàn (nhiệm kỳ hai năm) gồm sáu người: 1 phân đoàn trưởng; 1 phân đoàn phó; 1 thư ký; 3 ủy viên.

3. *Chi Đoàn* (ở các họ đạo). Ban chấp hành Chi Đoàn (nhiệm kỳ một năm) gồm sáu người: 1 chi đoàn trưởng; 1 chi đoàn phó; 1 thư ký; 3 ủy viên.

4. *Liên Đoàn* (ở các xã đạo) có ba ngành:

4.1. *Thanh Đoàn* (gồm nhiều Toán, mỗi Toán có 6-12 thành viên; đứng đầu là toán trưởng, toán phó). Thành viên gọi là: *thanh anh* (nam, 18-40 tuổi); *thanh tân* (nữ, 16-30 tuổi).

4.2. *Thiếu Đoàn* (gồm nhiều Đội, mỗi Đội có 6-12 thành viên; đứng đầu là đội trưởng, đội phó). Thành viên gọi là: *thiếu anh* (nam, 13-17 tuổi); *thiếu tân* (nữ, 12-15 tuổi).

4.3. *Đồng Đoàn* (cũng gọi *Vườn Đồng*, gồm nhiều Hàng, mỗi Hàng có 6-12 thành viên; đứng đầu là hàng trưởng, hàng phó). Thành viên gọi là: *đồng anh* (nam, 7-12 tuổi); *đồng tân*

(nữ, 6-11 tuổi).

Ban chấp hành Liên Đoàn (nhiệm kỳ sáu tháng) gồm sáu người: 1 liên đoàn trưởng; 1 liên đoàn phó; 1 thư ký; 1 ủy viên phụ trách Thanh Đoàn (là thanh đoàn trưởng); 1 ủy viên phụ trách Thiếu Đoàn (là thiếu đoàn trưởng); 1 ủy viên phụ trách Vườn Đồng (là vườn trưởng).

Ban chấp hành Liên Đoàn (cũng như Chi Đoàn, Phân Đoàn, Tổng Đoàn) được chọn do bỏ phiếu kín, lấy đa số.

5. Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn gồm ba loại đoàn viên:

5.1. *Đoàn viên danh dự*: Là những người có địa vị xã hội hoặc uy tín cá nhân nên có thể gây ảnh hưởng tốt về tinh thần cho Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn.

5.2. *Đoàn viên bảo trợ*: Là các chức sắc, chức việc và những người ủng hộ tài chánh để bảo trợ sinh hoạt của các cấp của Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn. (Trước năm 1970, có lúc đã quy định mức ủng hộ tối thiểu là năm ngàn đồng.)

5.3. *Đoàn viên hoạt động*: Là các cấp trong các ban chấp hành, và toàn thể thành viên đã đóng phí gia nhập, làm lễ tuyên hứa, và tuân giữ luật lệ Thanh Niên Hưng Đạo Đoàn.

PHỤ ĐÍNH 2: Phiền Nảo Tức Bồ Đề

Phiền nảo tức bồ đề 煩惱即菩提 (*Affliction is enlightenment*).
Lục Tổ Huệ Năng, *Pháp Bảo Đàn Kinh* (Phẩm Thứ Hai: Bát Nhã) dạy:

Phàm phu tức Phật; phiền nảo tức bồ đề. Niệm trước mê tức phàm phu; niệm sau ngộ tức Phật. Niệm trước chấp cảnh tức phiền nảo; niệm sau lìa cảnh tức bồ đề.

凡夫即佛; 煩惱即菩提. 前念迷即凡夫; 後念悟即佛. 前念著境即煩惱; 後念離境即菩提.

(Phàm phu tức Phật; phiền nảo tức bồ đề. Tiền niệm mê tức phàm phu; hậu niệm ngộ tức Phật. Tiền niệm trước cảnh tức phiền nảo; hậu niệm ly cảnh tức bồ đề. / *Common people are Buddhas and affliction is bodhi. Past thoughts deluded are the thoughts of a common person; future thoughts enlightened are the thoughts of a Buddha. Past thoughts attached to states of being are afflictions; future thoughts separate from states of being are bodhi.*)

Phiền nảo và bồ đề không phải là hai mà cái này tức là cái kia. Phiền nảo là tất cả những trở ngại về tinh thần ảnh hưởng xấu tới sự giác ngộ (*spiritual hindrances badly affecting one's attainment to enlightenment*). Bồ đề là trí tuệ đã dứt hết phiền nảo thế gian để thành tựu niết bàn. Tuy nhiên, các hiện tượng của phiền nảo (như tham, sân, si...)

chính là bồ đề về bản chất. Do đó, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, ngày 15-7 Đinh Tỵ (Thứ Hai 29-8-1977), Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Ngày nay thức tỉnh giấc mê
Biết rằng phiền não, bồ đề không hai.*

Sau đó, cũng tại Cơ Quan này, ngày 13-8 Kỷ Mùi (Thứ Tư 03-10-1979), Đức Mẹ dạy:

*Đất phiền não bồ đề vun xới
Lìa thế gian sao tới niết bàn.*

Câu *Phiền não tức bồ đề* còn được dùng song song với câu *Sanh tử tức niết bàn* 生死即涅槃 (*Sufferings of birth and death are nirvana*) để biểu thị ý nghĩa tột cùng của tư tưởng bát nhã 般若 (*prajñā*), tư tưởng bất nhị 不二 (không hai: *not two*). Xem thêm: Huệ Khải, *Một Dòng Bát Nhã*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013.

10. CÁC CON HƯNG ĐẠO ĐOÀN LÀ TƯƠNG LAI CỦA ĐẠO

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 02-6 Kỷ Dậu (Thứ Ba 15-7-1969)*

THI

*THIÊN cơ⁽¹⁾ tâm đức tại kỳ trung⁽²⁾
TƯỚNG đạo⁽³⁾ pháp tài lữ địa⁽⁴⁾ phùng⁽⁵⁾*

-
- (1) **Thiên cơ** 天機 (*Heavenly mechanism*): Máy Trời; sự vận hành bí mật của trời đất.
- (2) **tại kỳ trung** 在其中 (*inside each person*): Ở trong mỗi người. – Về ý câu đầu, xem *Phụ Đính* cuối bài thánh giáo này.
- (3) **tướng đạo** 相道: Đạo về mặt hữu hình, hữu tướng. Lưu ý: Bài thơ xưng danh quán thủ là *Thiên Tướng* [trên Bạch] *Ngọc Kinh*. Thiên tướng 天將 (*heavenly marshal*) là tướng Trời. Chữ “tướng” trong câu hai dùng theo cách cùng âm khác nghĩa (*homonymous*).
- (4) **pháp tài lữ địa** 法財侶地 (*dharma, money, companion, and habitation*): Bốn điều kiện cần thiết giúp người tu hành được an lòng luyện đạo cho tới khi thành chánh quả. Đó là: a/ *chánh pháp* 正法 (để khỏi lạc lối); b/ *tiền tài* 錢財 (có tạm đủ tiền bạc lương thiện để không phải đói lạnh); c/ *bạn lữ* 伴侶 (có bạn cùng tu để nương tựa nhau); d/ *địa phương* 地方 (có chỗ thanh tịnh và an ninh để không bệnh tật và mạng sống khỏi phải chịu rủi ro).
- (5) **phùng** 逢: Gặp gỡ, hội ngộ; trong câu này nên hiểu là hội đủ. – Câu này ý nói: Đạo về mặt hữu hình cần hội đủ pháp tài lữ địa.

NGỌC chiếu bạch quang tan hắc khí⁽⁶⁾
KINH thành, thôn dã thiện nhơn tòng.⁽⁷⁾

Ngã Thiên Tướng đặc lệnh báo đàn cho hay có Đức Đại Từ
Phụ lâm trần giáo đạo. Vậy nam nữ tiếp giá. Ngã ứng hầu.

TIẾP ĐIỂN
THẦY CÁC CON
THI

NGỌC Kinh thể hiện tại chơn tâm⁽⁸⁾
HOÀNG Đạo⁽⁹⁾ Kỳ Tam chuyển pháp luân⁽¹⁰⁾

⁽⁶⁾ **bạch quang** 白光 (*white light, colourless light*): Ánh sáng trắng, ánh sáng không màu. – **hắc khí** 黑氣 (*black gas*): Khí đen, luồng hơi màu đen. – Câu này ý nói: Chơn chánh, quang minh chế ngự được tà gian, ám muội. (*The brightness or righteousness can conquer the darkness or evilness.*)

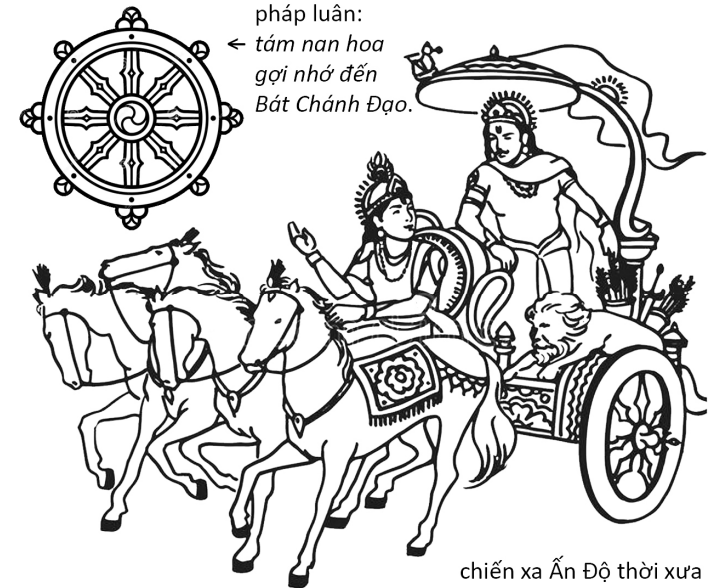
⁽⁷⁾ **thôn dã** 村野 (*countryside*): Hương thôn 鄉村, miền quê, thôn quê. – **thiện nhơn** 善人 (*kindhearted people*): Người tốt, người có lòng lành và hiền đức. Câu này ý nói: Dù nơi kinh thành hoa lệ hay chốn thôn quê mộc mạc, những người tâm lành tánh thiện đều theo cái lý lẽ nói ở câu ba (chánh thẳng tà).

⁽⁸⁾ **Ngọc Kinh**: Bạch Ngọc Kinh 白玉京 (*the White Jade Capital*), kinh thành ngọc trắng, là nơi Đức Thượng Đế ngự. – **chơn tâm** 真心 (*true mind*): Tâm chân thật. Trái lại, **vọng tâm** 妄心 là tâm phân biệt (*phân biệt tâm* 分別心), tâm hư dối (*hư ngụy tâm* 虛偽心), tâm điên đảo (*điên đảo tâm* 顛倒心) mà phàm phu phát khởi hằng ngày trong các sinh hoạt. – Câu một gợi nhớ tới hai câu Thầy dạy: “Cao Đài vốn ở lòng con đó / Bỏ tánh tham si sẽ gặp Thầy.” (Hội Thánh Chơn Lý, Tòa Thánh Định Tường, *Thiên Đạo Chơn Truyền*, quyển 1, đàn ngày 18-7 Nhâm Thân, Thứ Sáu 19-8-1932.)

THƯỢNG hạ trung hòa quy thánh vị⁽¹¹⁾

⁽⁹⁾ **Hoàng Đạo** 皇道 (*the Great Way*): Đại Đạo 大道. (Chữ hoàng có nghĩa là to tát, vĩ đại.) Tại Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 26-8-1960, Đức Huỳnh Ngọc Trác dạy: *Hoàng Đạo Lân Ba mở độ đời.*

⁽¹⁰⁾ **chuyển pháp luân** 轉法輪 (*rolling the dharma wheel*): Quay bánh xe pháp, tức là sự mở đạo, dạy đạo của Đức Chí Tôn. *Pháp luân* là bánh xe pháp (tiếng Phạn: *dharma-cakra*); trong đó, “cakra” là bánh xe chiến xa của Ấn Độ thời xưa. Bánh xe chiến xa lăn nhanh tới thì có thể nghiền nát quân giặc. Truyền dạy chánh pháp giống như quay bánh xe chiến xa để diệt giặc vô minh (sự mê mờ, u tối) của chúng sanh, giúp chúng sanh giác ngộ. – Câu hai ý nói: Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chuyển bánh xe pháp cứu độ chúng sanh.



⁽¹¹⁾ **hòa** 和 (*together*): Cùng nhau. – Câu ba ý nói: Ba bậc người tu (thượng, trung, hạ) cùng nhau trở về ngôi vị thiêng liêng.

ĐẾ thiên nhân địa khối linh quang ⁽¹²⁾
TÁ cơ khẩu khẩu tương truyền giáo ⁽¹³⁾
DANH Lý tâm tâm ứng diệu thâm ⁽¹⁴⁾

CAO vị, cao công, cao đức độ ⁽¹⁵⁾
ĐÀI tam liên hệ bất ly phân.⁽¹⁶⁾

Thầy mừng các con nam nữ tam ban.⁽¹⁷⁾ Thầy miễn lễ. Các

⁽¹²⁾ **ĐẾ thiên:** Thượng Đế trên trời. – **nhân địa:** Con người dưới đất. – Câu bốn ý nói: Thượng Đế (Đại Linh Quang) và con người (tiểu linh quang) vốn cùng một khối linh quang. Câu bốn gợi nhớ tới hai câu Thầy dạy: “Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang.” (Thiên Lý Đàn, ngày 03-02-1966.)

⁽¹³⁾ **tá cơ** 借乚 (*borrowing the beaked basket, by means of the beaked basket*): Mượn phương tiện cầu cơ. (Chữ kê 乚 người Việt quen đọc là cơ. Phù kê 扶乚 là phò cơ, hay phò loan vì đầu ngọn cơ tạc hình đầu chim loan 鸞.) – **khẩu khẩu tương truyền giáo** 口口相傳教 (*orally passing on the teaching*): Truyền dạy giáo lý bằng lời nói (qua miệng đồng tử xuất khẩu).

⁽¹⁴⁾ Câu sáu này rất cao sâu, thật khó giải bày. Nghĩ vụng như sau:

Danh 名 (*name*) là tên gọi dùng cho từng vật thể, giúp chúng ta tùy theo tên gọi mà biết được một vật, phân biệt nó với vật khác. Danh phải mượn ngôn từ cho nên danh bị hạn chế bởi lẽ ngôn từ vốn dĩ hạn chế. Vì vậy, cùng một đối tượng mà lắm khi thánh giáo phải dùng nhiều danh khác nhau để diễn tả một vấn đề ngõ hầu tạm giảm bớt phần nào tính hạn chế của ngôn từ. Cái tuyệt đối thể chưa có tên mà Đức Lão Tử tạm đặt tên là Đạo thì chính Ngài lại phủ nhận cái tên đó. (Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh. 道可道非常道. 名可名非常名. – Đạo Đức Kinh, chương I.) Ngài còn gọi Đạo là Đại và lập tức minh định rằng chỉ là miễn cưỡng, chẳng đáng dùng mà gọi là Đại. (Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại. 吾不知其名; 字之曰道, 強爲之名曰大. Chương 25.)

Lý 理 là tuyệt đối thể (*the absolute*), là tánh (*nature*), bất biến (*invariable*), v.v... Do đó, Lý còn được hiểu là đồng nghĩa với Đạo; chẳng trách xưa kia tiếng Anh từng dịch Đạo là “*the Principle*”, và tiếng Pháp từng dịch Đạo là “*le Principe*”.

Vậy, **danh** và **Lý** chẳng khác gì cặp đối đãi *danh* và *Đạo* trong Đạo Đức Kinh. Đã đành danh (ngôn từ) vốn hạn chế, phiền diện nên không thể diễn bày rốt ráo được Lý hay Đạo, nhưng nếu không miễn cưỡng tạm mượn ngôn từ thì làm sao truyền giáo, làm sao dạy đạo? Thế nên, khi Đức Chí Tôn chuyển pháp luân Kỳ Ba, mượn ngọn cơ và đồng tử để “**khẩu khẩu tương truyền giáo**” thì môn sanh vẫn vướng vào chỗ danh hữu hạn không thể phô diễn được tất cả và trọn vẹn cái Lý “**diệu thâm**”. Để có thể tiếp nhận (tức là “**ứng**” 應) được chỗ “diệu thâm” của Lý thì phải vượt lên khỏi danh, tức là giữa Đấng truyền giáo và môn sanh thọ giáo cần có “**tâm tâm**” tương ứng.

Lãnh hội chỗ khó nói này thì chúng ta hiểu vì sao trong gần một thế kỷ truyền giáo, dạy đạo, bất kể kho thánh ngôn, thánh giáo Cao Đài ngày nay nhiều như cát sông Hằng đi nữa, thế mà Ơn Trên vẫn hỏi môn sanh Cao Đài làm sao nghe được “*tiếng đàn không dây*”, hay “*tiếng địch (sáo) không lỗ*”, tức là nghe được âm thanh của vô thanh (*vô thanh chi thanh* 無聲之聲: *the sound of no-sound*), hiểu được lời dạy không dùng lời lẽ (*vô ngôn chi giáo* 無言之教: *speechless teaching*).

⁽¹⁵⁾ Câu bảy ý nói: Người chức sắc phẩm vị càng cao thì càng phải lập nhiều công quả và càng phải có đức độ thật lớn.

⁽¹⁶⁾ Câu tám ý nói: Mối liên hệ giữa ba đài (Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài) phải chặt chẽ, không thể tách rời nhau.

⁽¹⁷⁾ **tam ban** 三班: Ba ban hay ba nhóm chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trong bữa điện: a/ Khu chánh giữa nhìn vào Thiên bàn có cả nam (bên phải) và nữ (bên trái); có nơi gọi không gian này là *Thượng đàn* 上壇. b/ Khu bên trái dành cho nữ, nhìn vào bàn thờ Đức Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai; có nơi gọi không gian này là *Thái đàn* 太壇. c/ Khu bên

con đấng đấng⁽¹⁸⁾ tọa thiên, tịnh tâm nghe Thầy giáo đạo.

Này các con hiếu tử ôi! Giờ lành Thầy giáng điển đàn trung hầu giải bày tâm ngọc cùng mỗi con trên đường thiên lý.⁽¹⁹⁾

Trải qua thời gian trên tam thập niên,⁽²⁰⁾ từ tạo nên Trung Thành thánh thất đến Trung Hưng Bửu Tòa, Thầy nhìn lại đạo đức mỗi con đều tăng tiến. Điều này Thầy rất hài lòng, chứng minh lòng hiếu thảo mỗi con.

Quả thật, các con vì tiền căn⁽²¹⁾ nên phải sinh sống nơi miền Trung Bộ, thiếu đủ⁽²²⁾ điều kiện vật chất, thế mà tinh thần đạo đức mỗi con được dồi dào. Có thể mới xứng đáng phần thể Thiên hành hóa.⁽²³⁾

phải dành cho nam, nhìn vào bàn thờ Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân; có nơi gọi không gian này là Ngọc đàn 玉壇.

⁽¹⁸⁾ **đấng đấng** 等等 (*everyone*): Hết thầy mọi người.

⁽¹⁹⁾ **đường thiên lý** (*thiên lý hành trình 千里行程: a thousand-mile journey; fig., a very long journey*): Con đường rất dài với nhiều thế hệ Thiên ân hướng đạo tài đức nối tiếp nhau ra sức làm tròn sứ mạng trung hưng, sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

⁽²⁰⁾ **trên tam thập niên** (*over three decades*): Tính từ lúc khánh thành thánh thất Trung Thành (tháng 4-1938) đến khi Thầy dạy bài này (tháng 7-1969) là ba mươi một năm.

⁽²¹⁾ **tiền căn** 前因 (*causes in one's former life*): Tiền nhân 前因, những nguyên nhân (duyên có) đã gây tạo trong kiếp trước, sang kiếp này chúng ảnh hưởng tốt hay xấu tới cuộc đời mỗi người. Do đó, tiền căn và hậu kiếp 後劫 (kiếp sau) có liên quan với nhau.

⁽²²⁾ **thiếu đủ** (*lacking everything*): Thiếu thốn đủ mọi thứ.

⁽²³⁾ **thể Thiên hành hóa** 替天行化 (*on behalf of Heaven teaching people the way of self-cultivation*): Thay Trời hành đạo, giáo hóa dân chúng tu hành.

Thầy giao trọng trách Hội Thánh Truyền Giáo cho Lương Đài có đủ khả năng, kiên tâm trì chí chịu đựng gian khổ, ngày hôm nay mới được sáng danh Thầy.

Nhưng các con ôi! Trọng trách các con là tiền đồ⁽²⁴⁾ tinh thần đạo đức, còn phải tiến lan rộng khắp miền Bắc mới trọn đủ nước Việt Nam, xong rồi mới lan ra vạn quốc truyền giáo. Vì thế nên giờ này Thầy giáng điển gia ân⁽²⁵⁾ sinh lực điển lành cho mỗi con đầy đủ tinh thần xúc tiến. Vì cơ đạo càng gần ngày thành tựu càng ngộ⁽²⁶⁾ lắm cảnh khó khăn gay trở. Đó là trường thi; mỗi con phải trải qua những chướng ngại và thử thách tâm chí mỗi con.

Nếu con đại hùng đại lực, hy sinh vì Thầy vì Đạo, phụng sự thiết thực như sanh đúng căn bản chơn truyền đạo pháp, thì danh con sẽ được tạc ghi trên bảng, hưởng đời thánh đức tại trần. Khi bỏ xác, chơn linh sẽ hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Thiên Cung đó trẻ.

Song, muốn hoàn thành được sứ mạng, các con phải ý thức, quan điểm rõ ràng, lập trường thuần túy đạo đức, và lãnh hội cả hai phần hữu vô, thi hành trọn vẹn.

Sở dĩ các con có đây là do tiền duyên dĩ định,⁽²⁷⁾ hữu thiện căn hạnh ngộ Đạo Thầy. Các con cần tương thân tương ái, đoàn kết với nhau. Những phái kẻ cận như Tiên Thiên khi

⁽²⁴⁾ **tiền đồ** 前途 (*prospects, future*): Con đường phía trước, tương lai.

⁽²⁵⁾ **gia ân** 加恩 (*bestowing favour*): Ban ơn.

⁽²⁶⁾ **ngộ** 晤 (*facing sth, encountering sth*): Gặp.

⁽²⁷⁾ **tiền duyên dĩ định** 前緣已定 (*already arranged by predestined condition*): Duyên xưa đã sắp đặt sẵn rồi.

trước ra miền Trung mở đạo mới có Hội Thánh Truyền Giáo cùng các tỉnh đạo, những tịnh thất hiện hữu với đa số nhơn sanh. Điều quan trọng là các con liên hệ mật thiết với Tiên Thiên cũng như Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý cùng Minh Lý Thánh Hội. Các con đã thông cảm nhau và ý thức trên sự tiến hành, Thầy đã thấu rõ. Vì Thầy đã vận chuyển vô vi, các con hội ngộ bao lòng tâm đức. Rán lo tiền đồ Đại Đạo quy nguyên hiệp nhứt nghe, các con lãnh đạo mỗi phái.

THI

*Vô vi hộ trợ có tay Thầy
Các trẻ hữu hình rán kết dây
Tương ái tương thân, tương trợ lực
Tinh thần vật chất hiệp từ đây.*

THI BÀI

*Luật thường biến ắt là thường biến [dị bản: tiến]
Đạo thường hành phát triển đức cao
Con ôi! Đạo đức một màu ⁽²⁸⁾
Đừng chia rẽ lắm, đốn đau lòng Thầy.
Thầy đã dạy liên dây đoàn kết
Thầy thường khuyên cần biết cội nguồn
Một gốc nảy nở tứ phương ⁽²⁹⁾
Vạn thù nhứt bản ⁽³⁰⁾ đến trường Long Hoa.⁽³¹⁾*

⁽²⁸⁾ **một màu** (*bất biến 不變: constant, unvarying*): Không thay đổi, trước sau như một.

⁽²⁹⁾ Tức là *nhứt bản tán vạn thù*. 一本散萬殊. (Một gốc phân ra muôn sai biệt: *One origin disperses into all differences.*)

⁽³⁰⁾ Tức là *vạn thù quy nhứt bản*. 殊歸一本. (Muôn sai biệt trở về

*Con đừng chấp cái ta bản ngã
Vi mê làm nên hóa rẽ phân
Con ôi! Vật chất, tinh thần
Cũng do một gốc lý chân của Thầy.*

*Con biết Đạo từ đây cố gắng
Gọi kêu nhau tinh tấn tu hành
Đúng theo tân pháp lập thành
Chơn truyền Đại Đạo dạy rành từ lâu.*

*Sở dĩ con lo âu nhiều nỗi
Vi Đạo đời sớm tối rẽ chia
Không tường ⁽³²⁾ một gốc một quẻ
Lạc lầm ngộ nhận lắm bề hữu vi.*

*Nhưng cần biết có Thầy làm chủ
Không giao phạm trọn đủ quyền hành ⁽³³⁾
Thầy phân quyền hạn đành rành ⁽³⁴⁾
Đúng theo chức vụ thừa hành nhiệm giao.*

*Được như vậy một màu thuận thảo
Đồng nhứt tâm bồi tạo thánh đàng ⁽³⁵⁾*

một gốc. *All differences return to one origin.*)

⁽³¹⁾ **trường Long Hoa**: Trường thi Long Hoa trong kỳ hạ nguơn.

⁽³²⁾ **không tường** (*bất tường 不詳*): Không hiểu rõ.

⁽³³⁾ **Không giao phạm trọn đủ quyền hành**: Vì vậy *Tân Luật* (Đạo Pháp, Chương I, Điều Thứ Nhứt) quy định: “*Trên hết có một phẩm Giáo Tông là Anh Cả có quyền thay mặt cho Thầy mà diu dắt cả tín đồ trong đường đạo và đường đời. Đức Giáo Tông có quyền về phần xác, chớ không có quyền về phần hồn.*”

⁽³⁴⁾ **đành rành**: Rất rõ ràng.

*Nguy nga đồ sộ vẻ vang
Nhơn sanh quy tụ chung thoàn⁽³⁶⁾ khó chi.*

*Nhưng trái lại, gặp kỳ đông gió
Cảnh đời tàn như rọ⁽³⁷⁾ trần ai
Biết bao chướng ngại trở gay
Làm cho cơ đạo khó rày quy nguyên.⁽³⁸⁾*

*Bài học ấy con hiền thấu đáo
Nay rán cần hiệp hảo⁽³⁹⁾ đệ huynh
Những phần ưu tú hy sinh
Chơn tu thuần túy đức tin chánh đường.*

*Hiệp nhau lại tình thương thành đạt
Kết liên tình âm chất bồi nền⁽⁴⁰⁾
Sáng danh cơ đạo Ơn Trên
Diễn lành bố hóa thành nên Đạo Trời.*

*Phần Hội Thánh đây là Truyền Giáo
Nơi miền Trung thủ bảo⁽⁴¹⁾ vai tuồng
Đủ đầy năng lực sở trường
Phổ truyền giáo lý trên đường tiến thân.*

Liên quan cùng tinh thần phái bạn

*Nền Tiên Thiên tỏ rạng chơn truyền
Hội Thánh dù gặp chinh nghiêng
Nhưng phần nòng cốt cố kiên Lương Đài.*

*Hồng Đức Tiên⁽⁴²⁾ chung tay siết chặt
Cùng Huệ Lương⁽⁴³⁾ sắp đặt mỗi phần
Tiến hành đoàn kết tinh thần
Tương quan, tương trợ, tương thân lẫn lẫn.*

*Cùng Cơ Quan⁽⁴⁴⁾ tương thân tương ái
Phần Phổ Thông Giáo Lý hiệp vầy
Nhứt tâm nhứt trí từ đây
Lo cơ thống hợp cho Thầy được vui.*

*Cùng Minh Lý rõ mùi chơn đạo
Thánh Hội cùng hiệp hảo đệ huynh
Phân công mỗi việc hành trình
Cùng nhau thông cảm, cùng tin sự hành.*

⁽³⁵⁾ **thánh đường** (thánh đường 聖堂: *the holy temple, the holy house*): Nhà thánh, thánh thất, thánh tịnh, v.v...

⁽³⁶⁾ **thoàn**: Thuyền cứu độ Kỳ Ba, tức đạo Cao Đài.

⁽³⁷⁾ **rọ**: Vật đan bằng tre hay nứa, để nhốt con vật đem đi nơi khác.

⁽³⁸⁾ **khó rày quy nguyên**: Khó sớm quy nguyên.

⁽³⁹⁾ **hiệp hảo** (hảo hợp 好合: *in good harmony*): Hòa hợp tốt đẹp.

⁽⁴⁰⁾ **bồi nền** (*consolidating the foundation*): Bồi đắp nền móng.

⁽⁴¹⁾ **thủ bảo** (bảo thủ 保守: *conserving sth*): Gìn giữ.

⁽⁴²⁾ Thượng Chương Pháp Hồng Đức Tiên (thuộc Thất Hiền của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên), thế danh Đoàn Văn Chiêu (1893-1977), vào những năm 1970-1974 thường hành đạo với Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

⁽⁴³⁾ Huệ Lương là thánh danh của tiền bối Trần Văn Quế (1902-1980), là Tổng Thư Ký của Liên Hòa Tổng Hội (1936-1939), Khâm Sai Bắc Tông Đạo thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh (1948-1951), thọ Thiên phong Ngọc Phối Sư (sau thăng Đầu Sư) và là Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (1956-1980), thọ Thiên phong Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (1966-1980), thọ Thiên phong Vĩnh Tịnh Sư Minh Lý Thánh Hội (1969-1980). Ngài đắc đạo, quả vị Quảng Đức Chơn Tiên (1981).

⁽⁴⁴⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

Cơ đạo sẽ hoàn thành mai hậu
Cờ quy nguyên rõ thấu thời kỳ
Có Thầy vận chuyển vô vi
Hữu hình các trẻ rón thì tiến nhanh.

Cấp lãnh đạo hơn sanh tín nhiệm
Hồng Đức Tiên sở nguyện bấy lâu
Ngày nay cơ đạo đáo đầu ⁽⁴⁵⁾
Tương phùng hạnh ngộ rõ câu đạo lành.

Cùng Huệ Lương hy sanh thọ nguyện
Phần Định Pháp ⁽⁴⁶⁾ tăng tiến sự hành
Chơn Quân Bảo Pháp ⁽⁴⁷⁾ trọn lành
Ấy là căn bản hùng anh Đạo Trời.

Thầy điểm nhuận bao lời giáo huấn
Mong mỗi con hưởng ứng lời Thầy
Kêu nhau siết chặt liên dây
Cùng hòa nhứt trí từ đây tiến hành.

Thầy chấm công hơn sanh nam nữ

Cùng chức sắc đến dự lễ này
Trung Hưng Hội Thánh hiệp vầy
Cùng chi phái bạn liên dây kết đoàn.

Thầy điểm nhuận ân ban mỗi trẻ
Thầy chấm công rồi sẽ thưởng sau
Con ôi! Cố tiến lên mau
Thiên cơ kề cận phong trào tới đây.

Phần đạo đức phô bày chánh lý
Đúng lập trường hữu tử hữu chung
Thuần chơn vô ngã tương phùng
Chơn như bốn tánh hiệp cùng bốn nguyên.

Thầy dạy rõ con chuyên cố gắng
Để hành tròn sẽ đặng nên công
Thời kỳ thi Hội Hoa Long
Mỗi con tài đức lập công kỳ này.

Đến thánh đức thì Thầy ban thưởng
Cho mỗi con vui hưởng tại trần
Đủ đầy vật chất tinh thần
Đủ đầy hạnh phúc thọ ân lộc Trời.

THI

Lộc Trời dành sẵn để chờ con
Nam nữ rón lo phận sự tròn
Tròn đủ tam công, tam bửu hiệp
Tam tài giả đắc tạc đền son.

Các con ôi! Giờ này Thầy dùng những lời dễ hiểu, mong mỗi con rón hành theo đúng lời Thầy dạy. Con nên nhớ hai điều căn bản là thân mỗi con có hai phần xác và hồn.

⁽⁴⁵⁾ **đáo đầu** 到頭 (to the end of sth, at the end of sth, in the end, coming to an end): Rốt cuộc, chung cuộc, đến lúc kết thúc.

⁽⁴⁶⁾ Định Pháp là phẩm đứng đầu cơ quan bảo pháp và bộ phận thông công của Minh Lý Thánh Hội, do Ôn Trên lập ra (thánh giáo ngày 31-8-1930). Ngài Tôn Văn Khuê, tên trong giấy tờ ghi Nguyễn Văn Miết (1897-1972), thánh danh Minh Thiện, bút danh Nguyễn Minh Thiện, vừa là Định Pháp vừa là Tổng Lý của Minh Lý Thánh Hội. Ngài đắc quả Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát (1973).

⁽⁴⁷⁾ Bảo Pháp Chơn Quân bộ phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, thánh danh Huỳnh Chơn, thể danh Tạ Đăng Khoa (1904-1973).

Xác thân do tinh cha huyết mẹ tạo nên, cùng sự sống của đồng bào tương trợ; ấy là nợ nhơn sanh. Phần xác con phải hy sinh, phận sự đúng mức, vô ngã thuần chơn.

Còn phần hồn tức là phần tâm linh thuộc về khối linh quang của Thầy ban xuống. Về tâm, con luôn luôn tưởng niệm danh Thầy, không giờ phút rời Đạo. Nếu con xa Thầy rời Đạo, tất nhiên con bị phạm tâm bản ngã cáme dể, không hành tròn sứ mạng Thầy giao đối với nhơn sanh.

Thế nên con muốn hành tròn phận đạo thì phải song tu. Nghĩa là vừa tu phước vừa tu huệ, cũng như tu tánh luyện mạng đó vậy.

Nếu con không tịnh luyện thì tam độc⁽⁴⁸⁾ dấy loạn, thất tình lục dục cáme dể, tam bảo chẳng tròn thì làm sao hành tròn sứ mạng Thầy giao đó con?

Bởi thế xác con có ba phần: đầu, mình, và chân tay, cũng như tâm có tam điểm,⁽⁴⁹⁾ ấy là yếu lý của cơ đạo vô vi trong số ba đó trẻ.

Vậy phần tu phước với nhơn sanh thì mỗi con cần lập công quả đủ đầy, công trình trọn vẹn, công phu tinh tiến; tất nhiên tâm linh được thanh tịnh, hội đủ tinh, khí, thần tượng trưng tam điểm. Bằng trái lại, thì sẽ hao mòn thân mạng. Khá bảo tồn đó con.

Vậy, Thầy giờ này cũng đáng khen⁽⁵⁰⁾ các con Hưng Đạo

⁽⁴⁸⁾ **tam độc** 三毒 (*the three poisons: greed, anger, ignorance*): Ba món độc là tham, sân, si (tham lam; giận dữ; ngu si, mê muội).

⁽⁴⁹⁾ Tam điểm của tâm là tinh, khí, thần.

⁽⁵⁰⁾ **đáng khen**: Nên khen, phải khen.

Đoàn là tương lai của Đạo.

Vì mầm non dễ uốn nắn; vậy, phần Tổng Đoàn Trưởng phải vạch định chương trình cũng gồm đủ ba phần (phát triển dân đức, cải tiến dân sinh, khai hóa dân trí) cho các em thanh thiếu niên nam nữ hấp thụ giáo lý Đạo Trời, thấm nhuần chơn truyền tâm pháp. Do căn cơ trình độ của mầm non, rồi dần xúc tiến từ thấp đến cao, từ gần đến xa đó trẻ.

THI

*Hưng Đạo Đoàn trọng trách trên vai
Mầm non uốn nắn được thành tài
Đức tin, đức hạnh cho đầy đủ
Hữu dụng mai này rạng rỡ thay!*

Vậy Thầy chắm công các con trong những phái đoàn đến dự lễ nơi Trung Hưng Bửu Tòa. Thầy ban phước lành các con được an lành về địa phương để lo tiến hành cơ đạo kịp thời cơ.

Còn nơi này, các trẻ cũng rán cố gắng xúc tiến. Vì Thầy chiếu điển thấy chung rằng đa số tận tâm, tận lực hy sinh vì Đạo, nhưng cũng còn thiếu số chưa tròn giới luật quy điều thì làm sao xứng đáng là cấp lãnh đạo gương mẫu hướng dẫn nhơn sanh.

Thầy mong sao các con tự giác giác tha, tự độ độ tha mới hoàn thành đại nguyện đó trẻ.

NGÂM

*Giã từ các trẻ trần gian
Thầy hồi Bạch Ngọc điển quang rút về.*

PHỤ ĐÍNH: Thiên Cơ Tâm Đức Tại Kỳ Trung

Câu “*Thiên cơ tâm đức tại kỳ trung*” có thể hiểu là Thiên cơ tùy theo tâm đức trong lòng con người mà thay đổi. Chẳng hạn, lòng người thiện lành thì gặp vận hạn xấu cũng trở thành tốt đẹp; người số mệnh tốt mà ăn ở gian tà thì tốt cuộc sẽ gặp việc xấu, xui xẻo. Ví dụ:

1. My Trúc 糜竺, tự Tử Trọng 子仲, là anh vợ và cũng là cố vấn (*murū sī* 謀士) của Lưu Bị đời Tam Quốc. Ông là nhà giàu thường qua Lạc Dương buôn bán. Ngày kia đang ngồi xe về nhà bỗng gặp một nàng rất đẹp đứng bên đường vẫy tay xin đi nhờ xe. Ông bèn bước xuống đi bộ, nhường chỗ cho người đẹp. Nàng nâng nặc đòi ông phải ngồi chung, bằng không nàng sẽ đi bộ. Ông đành lên xe ngồi rất ngay ngắn bên cạnh nàng và luôn luôn nhìn thẳng phía trước, không lợi dụng hoàn cảnh để sàm sỡ. Xe đi được xa thì nàng xin dừng lại, cảm ơn. Trước lúc cáo từ nàng nghiêm nghị bảo My Trúc: “Ta là Hỏa Đức Tinh Quân, chiếu theo Thiên cơ phải đốt rụi nhà cửa, tài sản của ông. Nay khâm phục ông thủ lễ nên ta báo cho biết. Hãy mau về nhà chuyển đồ đạc, của cải ra ngoài. Đêm nay ta tới.” Nói xong bà Hỏa biến mất. Kinh sợ, My Trúc vội phóng xe về dọn nhà theo lời cảnh báo. Tối hôm ấy, bỗng dựng trong bếp bốc cháy, ngọn lửa thiêu rụi nhà cửa nhưng mọi người, gia súc, đồ đạc, của cải được toàn vẹn.

2. Tích xưa răn đời, kể rằng có anh học trò nghèo được thần báo mộng sẽ đậu trạng nguyên. Ban đêm ngồi dưới trăng ôn bài, anh bỗng nghĩ quấy, toan tính sau khi thi đậu sẽ bỏ quách người vợ nghèo lam lũ để cưới con gái nhà giàu trẻ đẹp. Đêm sau, thần lại báo mộng, bảo rằng anh mang tội bất nghĩa, dưới trăng bỏ vợ (*nguyệt hạ phóng thê* 月下放妻), nên Thiên Đình xóa tên anh trên bảng vàng, tức là anh sẽ thi rớt.

3. Ngày xưa có vị hòa thượng xem tướng rất giỏi. Ngày nọ, ngài xem tướng một chú tiểu, đoán biết đệ tử sẽ chết trong khoảng một tuần nữa. Vì vậy ngài cho phép chú về thăm nhà mười ngày, mang theo món quà nhỏ biếu cha mẹ chú; ẩn ý là giúp chú gặp cha mẹ lần cuối và được gởi xác ở quê hương. Hết hạn thăm nhà, chú tiểu trở về chùa và hòa thượng rất ngạc nhiên vì lần đầu tiên ngài xem tướng không linh nghiệm. Xem kỹ tướng mạo chú lần nữa, ngài thấy có lắm nét đối khác, hiện ra nhiều hồng phúc. Sực nhớ câu “*Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sinh*” 有心無相, 相自心生, ngài thầm mừng cho đệ tử và hỏi thăm trong những ngày xa chùa, chú có làm được việc lành nào đáng kể không. Chú ngẫm nghĩ một lúc rồi thưa rằng chẳng làm được điều nào đáng kể, ngoại trừ trên đường về nhà, tình cờ gặp một tổ kiến đang bị cuốn theo dòng nước, chú đã tìm cách vớt trọn tổ kiến lên bờ. Không tiện hé lộ tướng chết yếu của đệ tử, hòa thượng chỉ chấp tay niệm Phật và từ ái bảo đệ tử: “Con vớt một tổ kiến là cứu sống biết bao con kiến trong đó. Nhờ vậy con đã tạo nên hồng phúc đủ sức hoán cải mọi vận hạn xấu của đời con rồi. Nay con đi đường khứ hồi đều bình an; vậy con hãy rửa mặt rồi vào thắp nhang lạy tạ chư Phật mười phương đã hộ mạng cho con tiếp tục con đường tu hành, con nhé.”

11. ĐƯỜNG HƯỚNG CỦA CON NGƯỜI HƯỚNG ĐẠO QUYỀN PHÁP VỚI SỨ MẠNG TRUNG HƯNG

*Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 08-6 Kỷ Dậu (Thứ Hai 21-7-1969)
Pháp đàn: Huệ Thanh Vân. Phò loan: Liên Hoa.*

THI

*TRẦN triều nhất trí đui quân Nguyên
HƯNG khởi lòng dân giữ chủ quyền
ĐẠO đức rộng gieo người tín thuận
GIÁNG thẳng tùy lúc hướng bình yên.*

Bản Thánh chào chư chức sắc Lương Đài, chư đạo tâm nam nữ. Mời toàn thể Thiên ân và đạo tràng an tọa. Bản Thánh hôm nay có mấy lời gọi là tâm huyết cùng toàn đạo.

Kể từ ngày chính cơ lập pháp đến khai cơ giáo pháp, trải qua những giai đoạn gay go thử thách đã để lại cho Hội Thánh những bài học sâu xa, nhiều kinh nghiệm. Nhờ đó mà chư Thiên ân và toàn đạo ý thức được rất nhiều trên nấc thang tiến bộ. Quyền pháp đã nung nấu con người Thiên ân. Lẽ ra ai nấy cũng thấm nhuần nhiệm vụ của mình, sẵn sàng đứng ra đảm nhiệm trọng trách lớn lao mà đưa sứ mạng trung hưng tiến sâu vào giai đoạn khai cơ thành đạo.

Ôi! Nhắc lại sứ mạng trung hưng, thử hỏi còn mấy người giữ tròn trách nhiệm? Quyền pháp đã trao, sứ mạng đã gán, lẽ ra mỗi người giữ đúng chương trình mà hoàn thành công vụ.⁽¹⁾ Nhưng một khi cơ thử thách tung ra, thì lòng người rối loạn, quên cả sự dặn dò. Đường đi nước bước chùng như chẳng còn ai nhớ. Mà kẻ hướng đạo cũng quên thì bảo sao không còn linh thiêng.



Chương trình đã nêu ra từ quẻ Phục, đến Lâm, sang Thái⁽²⁾ là giai đoạn đầu – giai đoạn chỉnh cơ và khai cơ giáo pháp. Chắc các hiền cũng còn nhớ thánh ngôn đã nói gì: Bảo con người hướng đạo phải làm y theo quyền pháp. Từng người đầu lờ lẫm cũng mau quay lại,⁽³⁾ như Sơ Cửu (*bất viễn phục*),⁽⁴⁾ Lục Nhị (*hưu phục*).⁽⁵⁾ Cũng biết bao kẻ “tàn thất,

⁽¹⁾ **công vụ** 公務 (*public affairs*): Việc chung, tức là việc đạo.

⁽²⁾ Địa Lôi Phục ☳☷ (quẻ 24), Địa Trạch Lâm ☱☷ (quẻ 19), Địa Thiên Thái ☶☵ (quẻ 11).

⁽³⁾ **dầu lờ lẫm cũng mau quay lại**: Tức là “*bất viễn phục*”. (*Bất viễn*: Không xa. *phục*: Quay trở lại. *Bất viễn phục*: Đi chưa bao xa liền quay trở lại; ý nói vừa mới làm lỗi thì sớm biết quay về đường chánh.)

⁽⁴⁾ **bất viễn phục** 不遠復 (*returning from a short distance*): Sớm thức tỉnh và quay đầu trở lại đường chánh.

⁽⁵⁾ **hưu phục** 休復: “Hưu” là “tốt” (Phan Bội Châu), là “đẹp đẽ”

tần phục”,⁽⁶⁾ nhưng còn đỡ hơn ⁽⁷⁾ là đám người “mê phục” ⁽⁸⁾ như hào Thượng Lược.

Đáng ra ⁽⁹⁾ giai đoạn trung hưng là giai đoạn hé một chân trời để bảo trì đường hướng cứu độ của Chí Tôn. Mấy năm qua của bước đầu lập pháp, nội tình toàn bộ trên dưới nhứt tề,⁽¹⁰⁾ Trời người hòa hợp, tình thương sự sống trang trải ⁽¹¹⁾

(Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Hiến Lê), là “*admirable*: đáng ngưỡng mộ” (James Legge), là “*quiet*: thảnh thơi” (Richard Wilhelm). “Hưu phục” theo Phan Bội Châu, Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Hiến Lê là sự trở lại tốt đẹp; theo Legge là sự trở lại đáng ngưỡng mộ (*admirable return*); theo Wilhelm là sự trở lại âm thầm, lặng lẽ (*quiet return*).

⁽⁶⁾ **tần thất**: Dường như chỉ riêng *Chu Dịch* của Phan Bội Châu mới nói tới “tần thất” ở Lục Tam quẻ Phục. “Tần” 頻 là cứ lặp đi lặp lại (*repeated, repetitious*). “Thất” 失 là làm lỗi, sai lầm. “Tần thất” là làm lỗi rồi sửa sai, để rồi tái phạm, cứ như vậy hoài (*repeated mistakes, repetitious faults*). Nhan Hồi không hề tái phạm một lỗi cũ nên Dịch (Hệ Từ Hạ) khen ngài “*Tri chi vị thường phục hành dã. 知之未嘗復行也.*” (Hễ biết lỗi rồi thì không hề tái phạm.) Do đó, Nhan Hồi không phải là người “tần thất”. – **tần phục** 頻復 (*repeated returns, repetitious corrections*): Sửa lỗi nhiều lần. “Tần phục” ở Lục Tam quẻ Phục nói tới những người kém nghị lực, muốn từ bỏ điều xấu mà vẫn không thể dứt bỏ, nên sa ngã rồi ăn năn, rồi tái phạm. Họ cứ phải “làm lại cuộc đời” nhiều lần.

⁽⁷⁾ **còn đỡ hơn**: Còn khá hơn, còn tốt hơn. Bởi lẽ tuy sai phạm, vấp ngã nhiều lần nhưng còn biết sửa sai, sẵn lòng phục thiện.

⁽⁸⁾ **mê phục** 迷復 (*still going astray and missing the return*): Mê muội, lạc lối mà vẫn không trở lại đường lành, chứng nào tật nấy.

⁽⁹⁾ **đáng ra**: Lẽ ra, đáng lẽ, đáng lý ra.

⁽¹⁰⁾ **nhứt tề** 一齊 (*unanimous*): Đồng lòng.

⁽¹¹⁾ **trang trải**: San sẻ, chia sẻ.

xa gần, mệnh lệnh đưa ra thì muôn người vâng phục, một việc làm đã định thì lớn nhỏ cộng công cộng lực ⁽¹²⁾ chung lo, nào khác chi hào Sơ Cửu quẻ Thái (*bạt mao như, dĩ kỳ vị, chinh cát*).⁽¹³⁾ Chí hướng ấy, nghị lực ấy bạt núi lấp bể khó gì.

Người Thiên ân hàm chứa một tâm đức cao cả như bậc thánh sống,⁽¹⁴⁾ đủ mưu lược, đủ tài ba, thông minh, đức độ, cảm hóa mọi người, nào khác chi Cửu Nhị (*bao hoang, dụng bằng hà, bất hà di, bằng vong, đắc thượng vu trung hành*).⁽¹⁵⁾

⁽¹²⁾ **cộng công cộng lực** (*co-operating*): Góp công góp sức.

⁽¹³⁾ **bạt mao như, dĩ kỳ vị** 拔茅茹，以其彙 (*pulling up the grass and bringing with it other stalks with whose roots it is connected*): Nhổ rễ cỏ mao mà bứng luôn cả bụi. – **chinh cát** 征吉 (*advance will be fortunate*): Tiến lên thì tốt. Ý nói người Thiên ân hướng đạo biết kết hợp làm việc chung thì tiến hành mọi việc đều kết quả tốt.

⁽¹⁴⁾ **người Thiên ân hàm chứa một tâm đức cao cả như bậc thánh sống**: Như vậy, người Thiên ân hướng đạo còn hơn cả quân tử. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh dạy: “(H)àng hướng đạo thế Thiên hành hóa phải hơn người quân tử nữa kia.” (Thiên Lý Đàn, 23-3 Đinh Mùi, 02-5-1967) – Đức Tiên Khai Nguyễn Trung Hậu dạy: “Người hướng đạo phải hơn người quân tử.” (Thánh thất Nam Thành, 22-8 Đinh Mùi, 25-9-1967)

⁽¹⁵⁾ **bao hoang** 包荒 (*bearing with the uncultured in gentleness*): Bao dung, mềm mỏng chịu đựng những gì hoang dại, chẳng hạn như thành phần vô đạo, thiếu giáo dục; ý nói đức độ lượng, khoan dung. – **dụng bằng hà** 用馮河 (*crossing a river without a boat or raft*): Lội qua sông, tức là vượt sông mà không có thuyền bè; ý nói dám làm việc nguy hiểm tánh mạng, tức là bản lĩnh, khí phách, can đảm. – **bất hà di** 不遐遺 (*not neglecting what is distant*): Không bỏ sót những việc hoặc người ở xa; ý nói có kế hoạch chu đáo, không để sơ sót. – **bằng vong** 朋亡 (*ignoring selfish companionships*): Không nghĩ đến bè đảng, phe phái. – **đắc**

Mà đã nhiều lần nhắc nhở Thiên ân trên con đường trì Thái, bảo Thái. Thái tới Bĩ như lật bàn tay; Bĩ tới Bác cùng trong chớp mắt.⁽¹⁶⁾

Cũng bởi vậy, người Thiên ân phải được đức khoan lượng, “bao hoang”, dung chứa mọi người không phân cao hèn sang tiện.⁽¹⁷⁾ Phải cương dũng quả quyết như “dụng bằng hà”,

thượng vu trung hành 得尚于中行 (*winning superiority by acting in accordance with the golden mean*): Đạt được điều tốt bậc, tốt nhất bằng cách hành xử đúng trung đạo, không thái quá cũng không bất cập.

⁽¹⁶⁾ **Thái tới Bĩ như lật bàn tay**: Liên kè Địa Thiên Thái ䷊ (quẻ 11) là Thiên Địa Bĩ ䷗ (quẻ 12). – **Bĩ tới Bác cùng chớp mắt**: Liên kè Sơn Hóa Bĩ ䷧ (quẻ 22) là Sơn Địa Bác ䷖ (quẻ 23). Nghĩa bóng: Hãy đề phòng điều tốt để diễn biến thành xấu, như câu “Phúc hề họa chi sở phục” 福兮禍之所伏 (Phúc là họa rình rập. – Đạo Đức Kinh, chương 58).

⁽¹⁷⁾ Đức Chí Tôn dạy: “Những đứa nào hạp ý con thì các con phải ráng dìu dắt chúng nó bước theo cho kịp. Trái lại, những đứa nào nghịch với các con thì lại càng phải cố gắng tìm mọi cách dìu dắt chúng nó trở lại đường chánh chơn thiện mỹ. Chúng nó tưởng vậy là khôn, nhưng đã quá dại khờ cắm đầu vào hố sâu tội lỗi mà không hay biết. Các con đừng giận hờn, khi rẻ, rồi bỏ chúng. Trái lại, các con phải hỷ xả từ bi độ dẫn chúng nó. Làm được vậy mới đáng là con yêu quý của Thầy.” (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 15-02 Nhâm Tý, 29-3-1972) – Trước đó, Đức Chí Tôn dạy: “Trong lúc chúng nó khảo đảo các con, làm phiền lụy các con không phải vì chúng nó muốn như vậy, mà bởi vì vô minh nên không biết đâu là tội, đâu là phước. Vì lẽ đó nên tha thứ thương yêu chúng nó hơn là giận hờn, phiền trách rồi bỏ chúng nó càng ngày càng đi sâu vào hố sâu vực thẳm của tử thần. Làm được như vậy là các con đã đem món quà xuân vô giá hiến dâng cho Thầy đó.” (Thánh thất Nam Thành, 01-01 Kỷ Dậu, 17-02-1969)

không sợ sệt, không ngại ngùng trước mọi khó khăn. Mà còn để mắt đặt tay nâng bước cho mọi người, dắt dìu kẻ lè loi bị tuồng đời bạc đãi, ấy là “bất hà di”. Mà cũng không thân riêng lập nên bè đảng địa phương; lòng hướng đạo đại công, vô tư mới xứng hai chữ “bằng vong”.

Thế mà bốn đức kia ⁽¹⁸⁾ Thánh Nhân còn sợ lệch, nên dạy người thêm một câu là “đắc thượng”, nghĩa là bốn đức kia phải được “trung hành”.⁽¹⁹⁾

Hỏi vậy người hướng đạo chúng ta phải thế nào để tránh cái họa “vô bình bất bí, vô vãng bất phục”? ⁽²⁰⁾ Trong lúc còn

⁽¹⁸⁾ **bốn đức kia** (*those four virtues*): Tức là “bao hoang” (khoan dung, độ lượng), “dụng bằng hà” (can đảm), “bất hà di” (chu đáo), “bằng vong” (không bè đảng, không phe phái).

⁽¹⁹⁾ **đắc thượng, trung hành**: Kết quả tối ưu (*đắc thượng*) là do hành xử không thái quá cũng không bất cập, theo trung đạo hay trung dung (*trung hành*). Bởi lẽ, “bao hoang” mà thái quá thì đi đến chỗ hỗn tạp, ô hợp; “dụng bằng hà” mà thái quá thì đi đến chỗ táo tợn, vọng động; “bất hà di” mà thái quá thì đi đến chỗ chi li, tỉ mỉ, vụn vặt; “bằng vong” mà thái quá thì đi đến chỗ mất hết đồng chí và bị cô lập. Thế nên, “bao hoang” mà không quên chọn lựa, sàng lọc; “dụng bằng hà” mà vẫn nhớ thận trọng giữ mình; “bất hà di” mà vẫn tránh những việc bao đồng, không tương; “bằng vong” mà vẫn nhớ thân cận người hiền đức, đề phòng kẻ tà gian. Đủ đầy như thế mới là theo đúng đạo trung dung. Có thể nói “trung hành” là đức thứ năm.

⁽²⁰⁾ **Vô bình bất bí, vô vãng bất phục**. 无平不陂, 无往不復. (*No plain not followed by a slope; no going not followed by a return.*): Không có cái gì bằng mãi mà không nghiêng, không có cái gì đi mãi mà không trở lại. (Cửu Tam quẻ Thái) Ý nghĩa: Cảnh báo hãy coi chừng Địa Thiên Thái (quẻ 11) biến thành Thiên Địa Bĩ (quẻ 12). “Bĩ” đối nghịch với “Thái” vì “Bĩ” là bế tắc, không thông,

“bình” không ngừa được “bĩ”, còn khi đương “vãng” không lo một ngày nó sẽ “phục”, thì tránh không khỏi loạn. Phe danh lợi đương chực sẵn, đám tiểu nhân dòm chừng, có thể ngăn đường lấp lối trung hưng, phá đổ nền móng giáo pháp, như Lục Tứ (*Phiên phiên, bất phú, dĩ kỳ lân, bất giới dĩ phu*),⁽²¹⁾ rồi đến “*thành phục vu hoàng*”⁽²²⁾ thì sứ mệnh ô hô tam thốn!⁽²³⁾



Hôm nay, Hội Thánh ta đang đứng trong giai đoạn Bĩ,⁽²⁴⁾ giai đoạn phô diễn màu sắc hương vị, trưng bày đủ hình thức làm một tiếng vang xa gần, người đều biết mặt, như vậy cũng danh dự lắm. Song Bản Thánh còn lo sẽ có ngày bị Bác. Bĩ với

không tương giao, trên dưới lời thôi, v.v... Cho nên thánh giáo bảo đó là “cái họa” phải tránh.

⁽²¹⁾ **Phiên phiên, bất phú, dĩ kỳ lân, bất giới dĩ phu** 翩翩, 不富, 以其鄰, 不戒以孚: Dập dìu với nhau, không giàu mà thành một xóm, chẳng ước hẹn mà cũng tin nhau. Ý nghĩa: Bọn tiểu nhân kết bè với nhau, tuy không giàu nhưng tụ tập thành xóm đông đúc, chẳng ước hẹn mà chúng tin nhau vì cả bọn đều sẵn lòng gian tà.

⁽²²⁾ **thành phục vu hoàng** 城復于隍 (*the wall returning into the moat*): Tường thành sụp xuống hào. (Thượng Lục quẻ Thái)

⁽²³⁾ **sứ mạng ô hô tam thốn!**: Ôi thôi sứ mạng đi đời nhà ma! Tức là sứ mạng chấm dứt, sứ mạng thất bại. Bởi vì “tam thốn” nghĩa là “ba tấc hơi”, do câu: “*Tam thốn khí tại thiên ban dụng; nhất đán vô thường vạn sự hư.*” 三寸氣在千般用; 一旦無常萬事休. (Còn ba tấc hơi thì lu bu đủ thứ; một mai tắt thở mọi việc đều ngưng.)

⁽²⁴⁾ **Bĩ**: Sơn Hỏa Bĩ ☲ over ☶ (quẻ 22) là văn vẻ, rực rỡ, sáng sủa, trang hoàng, tô điểm, khoe sắc phô hương.

Bác ở cạnh một bên. Thái với Bĩ cũng là sát cạnh⁽²⁵⁾ thì bảo trì cho được Thái, giữ đúng lời Soán: “*Thái, tiểu vãng đại lai, cát hanh. Tắc thị dĩ thiên địa giao nhi vạn vật thông dã; thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã. Nội dương nhi ngoại âm, nội kiện nhi ngoại thuận, nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân, quân tử đạo trường, tiểu nhân đạo tiêu dã.*”⁽²⁶⁾ Gắng kiểm điểm nội bộ và giữ đúng lời Đại Tượng: “*Thiên địa giao Thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân.*”⁽²⁷⁾ Đó là **đường hướng của con người hướng đạo quyền pháp với sứ mạng trung hưng**.⁽²⁸⁾

Đứng vào thời Thái tuy thịnh vượng nhưng chớ kiêu. Được giai đoạn Bĩ khoe sắc phô hương cũng chớ lấy đó làm

⁽²⁵⁾ **Bĩ với Bác ở cạnh một bên**: Liền kề Sơn Hỏa Bĩ ☲ (quẻ 22) là Sơn Địa Bác ☶ (quẻ 23). – **Thái với Bĩ cũng là sát cạnh**: Liền kề Địa Thiên Thái ☱ (quẻ 11) là Thiên Địa Bĩ ☷ (quẻ 12). Nghĩa bóng là: Hãy đề phòng điều tốt dễ diễn biến thành xấu, như ở đoạn trước có lời Đức Thánh Trần cảnh báo: “*Trong lúc còn ‘bình’ không ngừa được ‘bĩ’, còn khi đương ‘vãng’ không lo một ngày nó sẽ ‘phục’, thì tránh không khỏi loạn.*”

⁽²⁶⁾ 泰, 小往大來, 吉亨. 則是天地交而萬物通也; 上下交而其志同也. 內陽而外陰, 內健而外順, 內君子而外小人, 君子道長, 小人道消也. (Thái là lúc cái nhỏ đi, cái lớn trở lại, tốt lành và hanh thông. Tức là trời đất giao hòa mà muôn vật thông; trên dưới giao cảm mà chí hướng như nhau. Nội quái là dương mà ngoại quái là âm, trong mạnh mà ngoài thuận, trong quân tử mà ngoài tiểu nhân, đạo quân tử thì lớn lên, mà đạo tiểu nhân thì tiêu lặn.)

⁽²⁷⁾ 天地交泰, 后以財成天地之道, 輔相天地之宜, 以左右民. (Trời đất giao hòa là Thái, bậc trị nước theo đó bồi dưỡng cho thành tựu cái đạo trời đất giao hòa, phụ giúp vào việc trời đất sanh hóa, lấy đó giúp dân.)

⁽²⁸⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

vinh dự mà quên con đường tu thân khắc kỷ.⁽²⁹⁾

Hôm nay, Hội Thánh dâng sớ cầu truy phong⁽³⁰⁾ và tôn phong một số lễ sanh, ấy là một phần thưởng cao trọng. Mà hễ nói thưởng ắt phải nói phạt. Thưởng phạt lúc nào cũng đi đôi. Người cầm quyền pháp phải quang minh chánh đại. Lúc nên khoan thì khoan, lúc nên mẫn⁽³¹⁾ thì mẫn. Nếu dùng khoan mà bỏ nghiêm thì thiên hạ lờn dể. Nếu dùng nghiêm mà thiếu khoan thì thiên hạ oán thù.

Hôm nay, Hội Thánh lấy khoan để ban thưởng cho toàn đạo, những người có công vì Đạo, nhưng không thấy dùng nghiêm để răn dạy những đạo hữu phạm Thập Hình,⁽³²⁾ thì

⁽²⁹⁾ Xem lại chú thích (16) và (25) để thẩm thía lời khuyên này.

⁽³⁰⁾ **truy phong** 追封 (*conferring a posthumous rank*): Phong phẩm vị cho người đã qua đời.

⁽³¹⁾ **mẫn** 猛 (*severe*): Nghiêm khắc.

⁽³²⁾ **Thập Hình** 十刑 (*the Ten Punishments*): Theo *Đạo Luật Năm Mậu Dần* (1938) lập thành tại Tòa Thánh Tây Ninh, những người đạo vi phạm *Tân Luật* và luật lệ Hội Thánh phải chịu một trong mười hình phạt, từ nặng tới nhẹ như sau: 1/ Không tuân *Tân Luật* và các luật lệ Hội Thánh; công kích Hội Thánh; nghịch mạng. Hình phạt: Trục xuất. – 2/ Tư thông; dấy loạn chúng sanh. Hình phạt: Giáng cấp xuống làm tín đồ hay là buộc hành đạo ở ngoại quốc (ngoại trừ các lân bang như Lào, Cam Bốt...). – 3/ Thâm lạm tài chánh; giả mạo văn từ (giấy tờ). Hình phạt: Giáng xuống hai cấp hay một cấp. – 4/ Khi lệnh Hội Thánh; lập quyền riêng. Hình phạt: Ngưng quyền từ ba năm tới năm năm. – 5/ Phạm *Ngũ Giới Cấm*. Hình phạt: Ngưng quyền từ một năm tới ba năm. – 6/ Cường ngạnh. Hình phạt: Vào tịnh thất từ một tháng tới một năm, nhưng vẫn tiếp tục làm phận sự hành chánh. – 7/ Phạm *Tứ Đại Điều Quy*. Hình phạt: Thuyên bổ đi nơi khác. – 8/ Bê trễ phận sự; biếng nhác. Hình phạt: Phải về Tòa Thánh để gần Giáo Tông

cán cân không được thăng bằng, quyền đạo thiếu phần bảo đảm.

Song Hội Thánh đã thay mặt Thiên Liêng đảm trách phần đời, cầm quyền hành pháp điều độ nhân sanh thì lẽ cố nhiên trên có Thầy và các Đấng thiêng liêng chấp chương để quyền Hội Thánh trở nên trọng đại.

Hội Thánh là một phần quyền pháp mà Thầy đã đặt sứ mạng, trao trọn phần đời. Sự thưởng phạt Hội Thánh đã nói ra phải được Linh Thiêng⁽³³⁾ tôn trọng. Trên có Thầy và Tam Giáo cũng thế quyền pháp,⁽³⁴⁾ những lời Hội Thánh cầu xin, những người Hội Thánh ban thưởng hay răn phạt thì luật Thiên Điều cũng chiếu theo đó mà ghi công hay chép tội. Con đường siêu đọa do đó mà ra, nên Hội Thánh phải nhận lấy trách nhiệm trọng hệ của mình. Muốn chi thì Thầy cho nấy; song, khi Hội Thánh bị truất quyền thì Thiên Điều giữ sớ,⁽³⁵⁾ đầu có cầu nài cũng vô ích mà thôi.

Vậy chư Thiên ân và toàn đạo chuẩn bị tinh thần và nghiêm chỉnh y cân⁽³⁶⁾ tiếp giá Chí Tôn.⁽³⁷⁾

Bản Thánh chào chư đạo hữu. Thăng.

và Hộ Pháp mà cầu học đạo. – 9/ Ganh ghét; hung bạo; đố kỵ; xu phụ. Hình phạt: Phải ăn năn sám hối, chịu tội cùng chúng sanh. – 10/ Phạm *Thế Luật*. Hình phạt: Theo hầu bậc đức hạnh do Hội Thánh chỉ định mà cầu học đạo.

⁽³³⁾ Linh Thiêng (*heavenly powers*): Các Đấng thiêng liêng.

⁽³⁴⁾ **cũng thế quyền pháp**: Cũng tùy theo quyền pháp.

⁽³⁵⁾ **giữ sớ**: Xóa tên trong sớ, tức là trừ bỏ, bỏ đi, loại bỏ.

⁽³⁶⁾ **y cân** 中衣 (*clothing and headcovering*): Áo và khăn bịt đầu.

⁽³⁷⁾ Xem tiếp bài thánh giáo 12.

12. LO ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC HƯỞNG MÙI THANH CAO

Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng)
ngày 08-6 Kỷ Dậu (Thứ Hai 21-7-1969)
Pháp đàn: Huệ Thanh Vân. Phò loan: Liên Hoa.

TIẾP ĐIỂN

THẦY CÁC CON ⁽¹⁾

Thầy mừng các con.

THI

NGỌC chỉ ⁽²⁾ ban phong thưởng hạnh công
HOÀNG Cung quần Thánh cũng vui lòng
THƯỢNG hành hạ hiệu ⁽³⁾ quyền ban xuống

ĐỂ ĐẠO ⁽⁴⁾ làm cho được đại thông.⁽⁵⁾

Hôm nay Thầy đến Bửu Tòa cùng các con để ra lệnh cho Ngọc Hư Cung và Tòa Tam Giáo chuẩn y danh sách cầu truy phong của Hội Thánh Truyền Giáo và ban hành sắc dụ, y chuẩn theo Hội Thánh, cân nhắc công hạnh chư môn sanh của Thầy trong Hội Thánh đã quá cố được đứng trong hàng ngũ Thiên vị ⁽⁶⁾ để âm phò mặc hộ cho Hội Thánh quảng truyền chánh pháp hầu lập công. Chờ ngày Long Hoa, Thầy ban thưởng cho lên chánh vị, tiêu điều nơi cực lạc hưởng phước vô sanh.⁽⁷⁾

Hội Thánh các con bắt đầu ngày này, y sắc dụ ⁽⁸⁾ hồng ân ban thưởng kỳ trung hưng giáo pháp, châu tri toàn đạo được biết để đón tiếp linh vị và chào mừng ngôi phẩm thiêng liêng của thân nhân hay đồng đạo.

Thầy cũng ra lệnh cho Thái Bạch Lý Giáo Tông ban quyền cho những con được Hội Thánh tuyển vào hàng lễ sanh lập công sẽ vào hàng chức sắc.

Thầy khuyên các con lớn nhỏ hòa thuận cùng nhau mà hưởng ơn Thầy. Các bậc Thiên ân trong Hội Thánh phải đặt

example of their superiors.)

⁽⁴⁾ **ĐỂ ĐẠO** 帝道 (*the Way of Heaven, the Heaven's Way*): Đạo Trời, Thiên Đạo.

⁽⁵⁾ **đại thông** 大通 (*going very smoothly*): Đại hanh thông 大亨通, rất suôn sẻ, không bị cản trở.

⁽⁶⁾ **thiên vị** 天位 (*heavenly position*): Chỗ (vị trí) trên cõi trời.

⁽⁷⁾ **vô sanh** 無生 (*no rebirth, not subject to reincarnation*): Không còn sanh lại cõi đời, dứt khỏi luân hồi.

⁽⁸⁾ **sắc dụ** 敕諭 (*God's instructions*): Chỉ dẫn của Ngọc Đế.

⁽¹⁾ **Thầy các con** (Ngã thị nhĩ môn đích Sư Phụ 我是你們的師父: *I'm your Master*): [Ta là] Thầy [của] các con. Trong tiếng Việt, chữ của thường được hiểu ngầm. Thí dụ: đất nước tôi, gia đình tôi, cha mẹ tôi, vợ tôi, chồng tôi, các con tôi... Nếu viết "Thầy, các con!" thì sai. (Đức Mẹ giảng cơ thường xưng: Mẹ Linh Hồn các con, có nghĩa: [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con. (Ngã thị nhĩ môn đích Linh Hồn Mẫu Thân 我是你們的靈魂母親: *I'm your Spiritual Mother*.)

⁽²⁾ **Ngọc chỉ** 玉旨 (*God's decree*): Mệnh lệnh của Đức Ngọc Hoàng.

⁽³⁾ **hiệu** 效 (*imitating sb*): Bắt chước. – **Thượng hành hạ hiệu**. 上行下效: Bề trên làm như thế nào thì kẻ dưới bắt chước làm theo thế ấy. (*Subordinates imitate their superiors.*) Vậy, bề trên là tấm gương cho kẻ dưới noi theo. (*Subordinates follow the*

mình trong quyền pháp để tiêu biểu hạnh đức của Thầy, cảm hóa mọi người và dắt dìu toàn đạo. Thầy muốn mỗi đứa các con dọn mình ⁽⁹⁾ trong sạch để đón tiếp huyền cơ ân điển nơi Thầy.

Các con lấy sự khiêm nhượng mà đón những gì cao thượng hay ho của các dòng giáo pháp, cốt là trau dồi đạo đức, lập công tu hạnh đủ đầy thì Thầy sẽ trọng dụng các con.

Ngày gần đến đây, lý trí, tài năng, sức mạnh con người đầu gia tăng lên gấp bao nhiêu đi nữa cũng không thể đem hạnh phúc cho đời mà còn gây thêm họa loạn, đầu bằng trí huệ chơn tâm mà sao các con quên phần tu thân, xao lãng công phu làm Thánh? Thầy đã nói phước huệ song tu ⁽¹⁰⁾ mà thiên hạ cầu phước, mấy ai cầu huệ.

Thôi, Thầy ban ơn các con. Dầu có mặt, dầu vắng mặt cũng được hồng từ ⁽¹¹⁾ Thầy nhỏ đến. Thầy thẳng.

TIẾP ĐIỂN THI

THÁI Nhất ⁽¹²⁾ *từ bi nhỏ huệ từ* ⁽¹³⁾

⁽⁹⁾ **dọn mình** (*chuẩn bị tự kỷ* 準備自己: *preparing one's body and mind*): Chuẩn bị thân tâm cho xứng đáng để đón nhận hồng ân và sứ vụ do Ông Trên giao phó.

⁽¹⁰⁾ **phước huệ song tu** 福慧雙修 (*self-cultivation by synchronously doing good deeds and practising meditation*): Vừa làm công quả tạo âm chất (tích phước để giải trừ các nghiệp xấu của bản thân) vừa công phu (hành thiền, tịnh luyện) để có trí huệ.

⁽¹¹⁾ **hồng từ** 洪慈 (*great mercy*): Tình thương bao la.

⁽¹²⁾ **Thái Nhất** 太一: Cũng gọi *Thái Ất* 太乙, tức là Đạo 道, là bản nguyên 本原 (căn nguyên 根源) hay bản thể 本體 của vạn vật

BẠCH tâm ⁽¹⁴⁾ *thấy được pháp chân như* ⁽¹⁵⁾
GIÁO quyền củng cố cơ thành đạo
TÔNG chỉ Cao Đài thực bất hư.

Bần Đạo chào chư Thiên ân quyền pháp của Hội Thánh cùng toàn thể nam nữ đạo tâm.

Hôm nay Bần Đạo được lệnh Chí Tôn thay mặt Hội Thánh ban quyền pháp cho chư vị lễ sanh tân phong đủ đức, cùng Hội Thánh chia lo việc đạo, dìu dắt đạo hữu ở địa phận của mình.

Quyền ấy đã có; pháp ấy đã trao. Người lễ sanh thay mặt một họ hoặc một địa sở, lấy quyền pháp này mà che chở cho toàn đạo, dìu dắt bước tu hành, nhắc nhở phần công phu công quả, an ủi khi gia biến, tâm phiền.⁽¹⁶⁾ Cầm bốn pháp:

trong vũ trụ. Từ nghĩa này, Thái Nhất cũng là Thượng Đế.

⁽¹³⁾ **huệ từ** 惠慈 (*benevolence and mercy*): Huệ là lòng nhân ái; từ là lòng thương yêu chúng sanh. Hai chữ này nghĩa như nhau. – **nhỏ huệ từ**: Nhỏ lòng thương xót.

⁽¹⁴⁾ **bach tâm** 白心 (*pure mind*): Lòng thuần khiết, không ô nhiễm.

⁽¹⁵⁾ **chân như** 眞如 (*true suchness*): Bản thể 本體 chân thực tràn khắp vũ trụ, là bản thể hay nguồn gốc của muôn vật và tất cả các pháp (*all dharmas*). Xét từng chữ thì *chân* là thật, không hư dối (*true*); *như* là bất biến, không thay đổi (*changeless*). Chân như còn gọi là *như như* 如如, *như thật* (như thực) 如實, *thật tướng* (thực tướng) 實相, *Như Lai tạng* 如來藏, *pháp thân* 法身, *Phật tánh* 佛性, v.v... – **thấy được pháp chân như**: Thấy được vạn pháp là chân thực và bất biến.

⁽¹⁶⁾ **gia biến** 家變 (*family suffering catastrophe*): Gia đình phát sinh biến cố 變故. – **tâm phiền** 心煩 (*mind feeling vexed*): Lòng phát sinh phiền não.

giải oan cho người sạch nghiệp; khai đàn chỉ lối thông công; trị bệnh mở đức tin nối liền con người cùng Thượng Đế; ngoài ra còn bạt độ⁽¹⁷⁾ sáu đường sinh tử luân hồi cho những người quá vãng. Lấy đức mà cảm hóa toàn đạo nơi nhiệm sở của mình, xây đắp sơ bộ đại đồng, cộng sức lại mà vun bồi cây đạo, để rồi cộng hưởng thanh bình với nhau.

Lễ sanh là người hầu việc cho Thầy, phải khâm tuân quyền pháp và mệnh lệnh của người trên và Hội Thánh. Vậy, nhớ ăn ở khiêm nhường, lấy hạnh từ bi mà thờ Thầy giữ Đạo, hằng lo đường công quả cho đạo hữu và cho chính mình để rồi bước lên Thiên vị.

Đây, Bần Đạo ra lệnh cho Hội Thánh ban quyền ban pháp cho những người được có tên trong bản phái,⁽¹⁸⁾ được sử dụng hành đạo, giữ Đạo theo nhu cầu của Hội Thánh.

BÀI

*Thầy từ bi ban ơn tiếp độ
Muốn cho người hết khổ được vui
Mộng trần sớm tối mau lui
Lo đường đạo đức hưởng mùi thanh cao.⁽¹⁹⁾
Được lễ sanh mới vào chức sắc⁽²⁰⁾*

⁽¹⁷⁾ **bạt** 拔 (*pulling sb up*): Kéo lên. – **bạt độ** 拔渡 (*saving sb*): Cũng như *tế bạt* 濟拔 (cứu vớt).

⁽¹⁸⁾ **bản phái**: Có lẽ là bản danh sách các lễ sanh phân ra theo từng phái (Ngọc, Thượng, Thái).

⁽¹⁹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽²⁰⁾ *Tân Luật* (Đạo Pháp, Chương I, Điều Thứ Bảy) quy định: “*Phải vào lễ sanh rồi mới mong bước qua hàng chức sắc.*” Đức Lý Giáo Tông chú giải quy định này như sau: “*Mỗi tín đồ có vào hàng lễ*

*Giữ quyền đời diu dắt chúng sinh
Lập công tu sửa lấy mình
Tròn xong phận sự huyền linh mật truyền.*

*Đạo có pháp có quyền trọn đủ
Phải có người làm chủ điều hành
Chủ sao tánh đức hiền lành
Thuận theo thiên địa vận hành huyền cơ.⁽²¹⁾*

(...)

Bần Đạo ban phước cho chư Thiên ân, chư đạo tâm toàn đạo. Bần Đạo chào chư Thiên ân. Bần Đạo thăng.

sanh mới bước qua hàng chức sắc. Vậy mỗi người đến lễ sanh cần lo lập hạnh đức hoàn toàn, trai giới tinh nghiêm.” (Đàn tại Tòa Thánh Châu Minh, thánh tịnh Bạch Long Cung Hoàng và thánh tịnh Đại Thanh, 01-7 nhuận Mậu Dần, Thứ Năm 25-8-1938.)

⁽²¹⁾ **huyền cơ** 玄機 (*mysterious mechanism*): Máy Trời màu nhiệm.

13. PHẢI TRỌN ĐỨC TIN VỚI THẦY VỚI ĐẠO MỚI ĐƯỢC KẾT QUẢ VIÊN MÃN

Thánh thất Kim Quang Minh Đài (Phù Cát, Bình Định)
ngày 22-6 Canh Tuất (Thứ Sáu 24-7-1970)

THI

BẠCH Ngọc thừa vung sắc lệnh Thầy ⁽¹⁾
HẠC lai đàn nội giáng nơi đây ⁽²⁾
ĐỒNG tâm nghiêm lễ nghinh Từ Phụ
TỬ sĩ nữ nam, tín đủ đầy.⁽³⁾

Tiểu Thánh đặc lệnh báo đàn. Nam nữ tam ban ⁽⁴⁾ thành

-
- ⁽¹⁾ Câu một ý nói: Ngài thừa lệnh 乘令 Đức Chí Tôn ban ra ở Bạch Ngọc Kinh 白玉京 (the White Jade Capital).
 - ⁽²⁾ Câu hai ý nói: Chim hạc 鶴 (crane) bay đến và giáng xuống trong đàn (đàn nội 壇內: at the seance).
 - ⁽³⁾ **tử sĩ**: Sĩ tử 士子 (candidate): Học trò đi thi. Môn sanh Cao Đài là học trò dự thi trường thi Long Hoa 龍華, chánh chủ khảo là Đức Phật Di Lạc 彌樂. – **tín đủ đầy**: Đầy đủ đức tin.
 - ⁽⁴⁾ **tam ban** 三班: Ba ban hay ba nhóm chức sắc, chức việc và tín đồ khi hành lễ trong bửu điện: a/ Khu chánh giữa nhìn vào Thiên

tâm nghiêm lễ tiếp giá ⁽⁵⁾ Đức Từ Phụ lai cơ.⁽⁶⁾ Tiểu Thánh xuất ngoại hộ đàn.

TIẾP ĐIỂN THẦY CÁC CON ⁽⁷⁾

Thầy mừng các con nam nữ hiện diện đàn tiền.⁽⁸⁾

NGỌC trác ⁽⁹⁾ hoàn thành ⁽¹⁰⁾ bửu khí ⁽¹¹⁾ cung ⁽¹²⁾

bàn có cả nam (bên phải) và nữ (bên trái); có nơi gọi không gian này là *Thượng đàn* 上壇. b/ Khu bên trái dành cho nữ, nhìn vào bàn thờ Đức Nhị Trấn Oai Nghiêm Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai; có nơi gọi không gian này là *Thái đàn* 太壇. c/ Khu bên phải dành cho nam, nhìn vào bàn thờ Đức Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân; có nơi gọi không gian này là *Ngọc đàn* 玉壇.

- ⁽⁵⁾ **giá** 駕: Tiếng tôn kính (kính từ 敬辭: honorific term) để chỉ Đức Chí Tôn, Đức Kim Mẫu. – **tiếp giá** 接駕 (welcoming God or Buddha Mother): Nghênh tiếp Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu.
- ⁽⁶⁾ **lai cơ, lai kê** 來乩 (arriving at a seance): Đến với đàn cơ, cũng như *lai đàn* 來壇, *giáng đàn* 降壇, *lâm cơ (kê)* 臨乩, *lâm đàn* 臨壇.
- ⁽⁷⁾ **Thầy các con** (Ngã thị nhĩ môn đích Sư Phụ 我是你們的師父: I'm your Master): [Ta là] Thầy [của] các con. Trong tiếng Việt, chữ của thường được hiểu ngầm. Thí dụ: *đất nước tôi, gia đình tôi, cha mẹ tôi, vợ tôi, chồng tôi, các con tôi...* Nếu viết "Thầy, các con!" thì sai. Đức Mẹ giáng cơ xưng: *Mẹ Linh Hồn các con*, có nghĩa: [Ta là] Mẹ Linh Hồn [của] các con. (Ngã thị nhĩ môn đích Linh Hồn Mẫu Thân 我是你們的靈魂母親: I'm your Spiritual Mother.)
- ⁽⁸⁾ **đàn tiền** 壇前 (before the seance): Trước đàn cầu cơ.
- ⁽⁹⁾ **trác** 琢 (cutting sth and polishing it): Gọt giũa, cắt mài. Lễ Ký (Học Ký, câu 2) chép: *Ngọc bất trác, bất thành khí*. 玉不琢, 不成器. (禮記, 學記) Ngọc không cắt mài, gọt giũa thì không

玉琢完成寶器供⁽¹³⁾

HOÀNG Thiên⁽¹⁴⁾ chứng chiếu⁽¹⁵⁾ hiếu tâm trung

皇天證照孝心忠⁽¹⁶⁾

THƯỢNG⁽¹⁷⁾ đời thánh đức chơn⁽¹⁸⁾ tu tạo⁽¹⁹⁾⁽²⁰⁾

ĐẾ nghiệp⁽²¹⁾ tinh thần hạnh hưởng chung⁽²²⁾

GIÁO hóa Việt Nam gương mẫu Đạo⁽²³⁾

CHỦ truyền thế giới phục quy tùng⁽²⁴⁾

主傳世界服歸從

TAM thừa cửu chuyển tùy duyên độ⁽²⁵⁾

三乘九轉隨緣度

KỶ ngộ⁽²⁶⁾ thiện căn⁽²⁷⁾ sư đệ⁽²⁸⁾ phùng.⁽²⁹⁾

奇遇善根師第逢⁽³⁰⁾

thành vật hữu ích. (*If jade is not cut and polished, it will not become a useful object.*)

⁽¹⁰⁾ **hoàn thành** 完成 (*accomplishing sth*): Làm xong, hoàn tất.

⁽¹¹⁾ **bửu khí** 寶器 (*precious thing*): Vật quý báu.

⁽¹²⁾ **cung** 供 (*providing sth, supplying sth*): Cung cấp 供給.

⁽¹³⁾ Ngọc mài giũa xong cung cấp cho ta món vật quý báu.

⁽¹⁴⁾ **Hoàng Thiên** 皇天 (*God, Heaven*): Trời, Thượng Đế.

⁽¹⁵⁾ **chứng chiếu** 證照 (*verifying sth*): Xác nhận, chứng thật.

⁽¹⁶⁾ Thượng Đế nhìn nhận tấm lòng trung hiếu.

⁽¹⁷⁾ **thượng** 上: Dùng như chữ *thượng* 尚 là quý trọng, tôn sùng (*esteeming sth*).

⁽¹⁸⁾ **chơn** 真 (*honestly*): Một cách chân thật, không giả dối.

⁽¹⁹⁾ **tu tạo** 修造 (*repairing and building sth*): Sửa chữa và xây dựng.

⁽²⁰⁾ Câu này ý nói: Quý trọng đời thánh đức nên chân thành sửa chữa và xây dựng cuộc đời.

⁽²¹⁾ **Đế nghiệp** 帝業 (*God's achievements*): Thượng Đế đích sự nghiệp hoặc công nghiệp 上帝的事業或功業 (sự nghiệp hoặc công nghiệp của Thượng Đế).

⁽²²⁾ Câu này ý nói: Tinh thần sự nghiệp của Thượng Đế là mọi người cùng nhau vui hưởng đời thánh đức. (*The essence of God's achievements is that everyone can happily enjoy the life of holy virtue.*)

⁽²³⁾ Câu này ý nói: Thượng Đế dạy cho Việt Nam một tôn giáo gương mẫu (đạo Cao Đài).

Thầy ban ơn lành các con. Đồng an tọa tịnh tâm. Đừng cầu nguyện việc chi tư ý.⁽³¹⁾ Thầy dạy chung lý đạo tất yếu hôm

⁽²⁴⁾ Câu này ý nói: Việt Nam sẽ làm chủ (đứng đầu) truyền bá đạo lý và thế giới sẽ tùng phục, quy thuận. (Câu này ngầm nhắc lại thánh ngôn Đức Chí Tôn: *Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc / Ngày sau làm chủ mới là kỳ.* – **nhỏ nhen**: Từ Việt cổ, là nhỏ bé.)

⁽²⁵⁾ Câu này ý nói: Tùy theo duyên phận mỗi người mà độ cho họ vào tu tâm pháp (*tĩnh luyện* 淨煉: *practising inner self-cultivation*).

⁽²⁶⁾ **kỳ ngộ** 奇遇 (*fortuitously encountering sb*): May mắn gặp ai.

⁽²⁷⁾ **thiện căn** 善根 (*person having the root of goodness*): Người có căn lành (cái gốc rễ tốt lành) nên dễ tu hành, học đạo.

⁽²⁸⁾ **sư đệ** 師弟 (*master and his disciple*): Thầy và trò.

⁽²⁹⁾ **phùng** 逢 (*meeting sb by chance*): Tình cờ gặp ai.

⁽³⁰⁾ Câu này ý nói: May mắn gặp được người có căn lành tức là thầy trò tình cờ gặp nhau. (Đây là giải nghĩa theo mặt chữ. Thật ra, không có sự gì tình cờ cả. Do nhân duyên đời trước [*túc duyên* 宿緣: *predestined relationship*] nên đời này thầy đi bước trước, chủ động tìm đến hóa độ 化度 [*delivering*] cho trò chứ trò nào biết thầy mình ở đâu mà cầu đạo. Lắm khi ngày giờ thu nhận đệ tử đã tới nhưng trò còn mãi vui mùi đời thì thầy phải tạo ra nghịch cảnh để trò tỉnh ngộ, chán ngán tục lụy mà chịu tu hành.)

⁽³¹⁾ **tu ý** 私意 (*selfish motives, selfish idea*): Ý riêng, có động cơ ích kỷ (*vị kỷ ý 爲己意*), lòng riêng (*tu tâm 私心*).

nay⁽³²⁾ cho mỗi con tâm đắc,⁽³³⁾ hành tròn sứ mạng của Thầy giao phó, thể Thiên hành hóa,⁽³⁴⁾ cứu độ nhơn sanh trong giai đoạn cực loạn tới đây,⁽³⁵⁾ mới đem lại cảnh trật tự lần lần cho thánh địa Việt Nam, hầu sau này nhơn loại năm châu có phương tiện⁽³⁶⁾ đến hấp thụ⁽³⁷⁾ giáo lý của Thầy.

Hôm nay Thầy rất vui mừng do tâm căn⁽³⁸⁾ sở nguyện⁽³⁹⁾ thực thi đạo pháp [của các con], vì nhơn tâm hiệp thì thánh ý thuận tùng.⁽⁴⁰⁾

Thầy mừng con Hồng Đức Tiên⁽⁴¹⁾ đã trọn tình thủy

⁽³²⁾ **tất yếu** 必要 (*indispensable, absolutely necessary*): Không thể thiếu được, tuyệt đối cần thiết. – **tất yếu hôm nay** (kim thiên bất khả hoặc khuyết 今天不可或缺: *indispensable for today; kim thiên tuyệt đối tất yếu* 今天絕對必要: *absolutely necessary for today*): Tuyệt đối cần thiết cho ngày nay; ngày nay không thể thiếu được.

⁽³³⁾ **tâm đắc** 心得 (*understanding sth accurately and deeply*): Hiểu thấu điều gì chính xác và sâu sắc.

⁽³⁴⁾ **thể Thiên hành hóa** 替天行化 (*on behalf of Heaven teaching people the way of self-cultivation*): Thay Trời hành đạo, giáo hóa dân chúng tu hành.

⁽³⁵⁾ **tới đây** (coming): Sắp tới, đang tới gần.

⁽³⁶⁾ **phương tiện** 方便 (*convenience*): Sự thuận tiện, dễ dàng.

⁽³⁷⁾ **hấp thụ** 吸受 (*receiving sth*): Tiếp nhận, nhận lấy.

⁽³⁸⁾ **tâm căn** 心根 (*the innermost depth of one's heart*): Chỗ sâu thẳm nhất trong lòng một người.

⁽³⁹⁾ **sở nguyện** 所願 (*one's wish, one's expectation*): Mong ước của một người.

⁽⁴⁰⁾ **nhơn tâm hiệp thì thánh ý thuận tùng**: Lòng người hòa hiệp thì ý Trời thuận theo đó.

⁽⁴¹⁾ Thượng Chưởng Pháp Hồng Đức Tiên (thuộc Thất Hiền của Hội

chung với đàn em nơi này và Thầy cũng đáng khen⁽⁴²⁾ nghĩa tình thâm thúy kính mến của các con nơi đây biết tôn trọng, tri ân người khai đường dẫn lối Cơ Đạo nơi này.⁽⁴³⁾ Thật là tốt đẹp, thượng hòa hạ mục.⁽⁴⁴⁾ Nếu toàn cả các con Hội Thánh trong chi phái Đại Đạo được sự liên quan đoàn kết, tương thân tương ái như vậy thì có đâu gặp điều đáng tiếc phân ly nội bộ. Thầy thấy rõ chơn tâm các con thượng cấp lãnh đạo của Hội Thánh Truyền Giáo đối với Hội Thánh Tiên Thiên, trọn niềm tin tưởng Thiêng Liêng, gắn bó trong đại khối linh quang nhứt bốn của Thầy.

Hôm nay Hồng Đức Tiên đến đây để lời khuyến khích các cấp lãnh đạo cũng như nhơn sanh các thánh thất địa phương, cảm hóa bằng lời đạo đức chân thành để xúc tiến trên đường hành đạo. Càng ngày hai Hội Thánh⁽⁴⁵⁾ càng xiết chặt và bảo vệ lẫn nhau trên đường hành chánh đạo.

Thánh Cao Đài Tiên Thiên), thế danh Đoàn Văn Chiêu (1893-1977), vào những năm 1970-1974 thường hành đạo với Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam.

⁽⁴²⁾ **đáng khen** (*should praise sb*): Phải khen, nên khen.

⁽⁴³⁾ Tiền bối Huỳnh Thanh (1921-1985), thánh danh Huệ Thanh Vân, tuổi thiếu niên có công đem hạt giống Cao Đài từ thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp, Gia Định) về quê nhà gieo trồng tại Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (1933-1938). Ngài thọ Thiên phong phẩm vị Bảo Cơ Quân (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài).

⁽⁴⁴⁾ **thượng hòa hạ mục** 上和和睦 (*getting along well between the upper and the lower*): Trên hòa dưới thuận; hòa thuận giữa mọi người lớn nhỏ trong một tập thể.

⁽⁴⁵⁾ Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên (Bến Tre) và Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (Đà Nẵng).

Này các con ôi! Đạo khai tà khởi, bởi vì luật tương đối.⁽⁴⁶⁾ Đó cũng là cơ Thiên để nung nấu, un đúc tinh thần, tâm chí của mỗi con, hầu xứng đáng là tay hướng đạo dịu dặt như sanh. Nếu dễ dàng, suôn sẻ thì có giá trị chi.

Bởi vậy, con hành đạo tức nhiên là nghịch hành,⁽⁴⁷⁾ nên gặp biết bao trở ngại, khổ khó với tình đời thế sự. Trong con mặt kiếp tận cùng này, con người nếu không thức tỉnh trở về đạo đức thì chỉ lo tranh giành danh lợi, xâu xé lẫn nhau đến chỗ tiêu diệt. Thầy mừng thấy các con được cứu cánh,⁽⁴⁸⁾ mặc dù chưa giải thoát hoàn toàn. Chứng minh bằng sự hành đạo các con trong thời dĩ vãng chịu đựng mọi thử thách, nạn tai khốn khổ, nhưng các con vẫn một niềm tin tưởng Đạo Thầy.

Hiện tại, các con chức sắc Lương Đài, lương phái đều xứng đáng với nhiệm vụ Thầy giao phó. Thầy cũng mừng chung các con nam nữ, lão ấu toàn cả miền Trung dưới sự lãnh đạo của Hội Thánh Truyền Giáo. Các con đều nhứt tề⁽⁴⁹⁾ tuân

⁽⁴⁶⁾ **tương đối** 相對 (*opposite*): Đối đãi nhau, như âm dương, tà chánh, trái phải, v.v...

⁽⁴⁷⁾ **ngịch hành** 逆行 (*going the opposite direction*): Đi ngược lại lẽ lối thông thường. Thí dụ, người đời ăn mặn thì người tu ăn chay. Người đời tích lũy của cải thì người tu bố thí. Nửa khuya người đời say ngủ thì người tu ngồi thiền, v.v...

⁽⁴⁸⁾ **cứu cánh** 究竟 (*saving humans from samsara*): Người Hoa dịch *ba la mật đa* 波羅蜜多 (*paramita*) sang chữ Hán là *đáo bỉ ngạn* 到彼岸 (sang bờ bên kia, qua bờ giác), cũng dịch là *cứu cánh*. Thế nên *cứu cánh* còn có nghĩa là cứu độ, cứu rỗi (*salvation*), giải thoát luân hồi sanh tử. Trong thánh giáo này, có thể hiểu “được cứu cánh” là được lên thuyền đạo Cao Đài để được cứu độ.

⁽⁴⁹⁾ **nhứt tề** 一齊 (*unanimous*): Đồng lòng.

hành mạng linh thượng cấp, cũng như tuân lời chỉ đạo của cấp tinh đạo hay ban trị sự địa phương. Như thế mới xứng đáng là con chí hiếu của Thầy.

Hiện nay các con đã nhập vào đại hội Long Hoa. Trong biết bao năm rồi thi công, thi đức, thi hạnh, mỗi con đều được Thầy điểm nhuận ít nhiều; song hiện tình còn trải qua một giai đoạn hết sức khổ nguy, gọi là mê hồn trận⁽⁵⁰⁾ của vật chất. Danh lợi xâu xé, rù quẩn, cám dỗ các con trong lần chót để kết thúc đại hội Long Hoa.

Vậy mỗi con từ trên đến dưới, từ lớn đến nhỏ, **phải trọn đức tin với Thầy với Đạo mới được kết quả viên mãn**,⁽⁵¹⁾ vì đường dài của các con mà các con đã vượt qua được tám phần mười rồi, nay cần cố gắng tích cực hơn nữa, sốt sắng tinh thần, hành đạo cho vẹn ba công.⁽⁵²⁾ Cần yếu là nội tâm mỗi con phải được bình tĩnh, đừng xao động vì thế sự,⁽⁵³⁾ bởi các con nằm trong Đại Đạo tức là nắm phần gốc rồi; còn trên ngọn, gặp cơn dông tố bão bùng, cành lá xơ rơ, nhưng nơi gốc phải vững vàng để rồi ngày xuân đến được đơm bông trở trái đó các con.

Thầy khen tâm chí các con lãnh đạo nơi miền Trung này.

⁽⁵⁰⁾ **mê hồn trận** 迷魂陣 (*stratagem to bewitch and trap sb*): Ví von những cám dỗ chết người được khéo léo sắp đặt, nguy trang như khi bài binh bố trận để tiêu diệt đối phương.

⁽⁵¹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽⁵²⁾ **ba công** (tam công 三功: *the three merits*): Công quả 功果, công trình 功程, công phu 功夫.

⁽⁵³⁾ **thế sự** 世事 (*secular affairs; worldly affairs*): Việc đời, việc chánh trị, v.v...

Dù sao cũng ở trong vòng Nho phong sĩ khí, tiếp nối thánh truyền của tổ phụ mà giữ được chí khí anh hùng đạo đức đến nay.

Các con Nho sĩ đã từng đọc câu: *Mộc hữu sở dưỡng tắc căn bốn cố nhi chi diệp mậu, lương đồng* ⁽⁵⁴⁾ *chi tài thành. Thủy hữu sở dưỡng tắc nguyên tuyền* ⁽⁵⁵⁾ *tráng nhi lưu mạch* ⁽⁵⁶⁾ *trường, quán khái chi lợi phổ*.⁽⁵⁷⁾ *Nhơn hữu sở dưỡng tắc chí khí đại nhi kiến thức* ⁽⁵⁸⁾ *minh, trung nghĩa chi sĩ xuất*. Nghĩa là: Cây có chỗ dưỡng, trồng rồi cho phân bón thì gốc rễ vững, cành lá tốt, rường cột bởi đó nên.⁽⁵⁹⁾ Nước có chỗ dưỡng (khơi mạch xẻ đường) thì nguồn khỏe, dòng chảy mới được dài, sự lợi ích tưới thấm bởi đó mà ban khắp. Người cũng thế, có nơi nuôi dưỡng và dạy bảo phần tinh thần thì chí khí lớn, kiến thức sáng suốt, những kẻ sĩ trung nghĩa bởi đó mà xuất thân.⁽⁶⁰⁾

⁽⁵⁴⁾ **lương đồng** 梁棟 (樑棟): Có bản Nho viết là *đồng lương*. Lương là xà nhà (*roof beam*). Đồng là cột nhà (*pillar*).

⁽⁵⁵⁾ **nguyên tuyền** 源泉: Suối ở đầu nguồn. Có bản Nho viết là *tuyền nguyên* (nguồn suối).

⁽⁵⁶⁾ **mạch** 脈: Mạch nước, dòng nước. Có bản Nho viết là *phái* 派 (chi nhánh con sông hay con suối).

⁽⁵⁷⁾ **quán khái** 灌溉 (*irrigating sth*): Tưới cho thấm ướt, tưới thấm.
– **phổ** 溥 (*pervading*): Rộng khắp. Có bản Nho viết là *bác* 博 (cùng nghĩa với *phổ*).

⁽⁵⁸⁾ **kiến thức** 見識 (*knowledge*): Có bản Nho viết là *thức kiến*.

⁽⁵⁹⁾ **rường cột bởi đó nên**: Nhờ có cây tốt, cứng cáp mà chọn làm rường cột, làm mái khi cất nhà.

⁽⁶⁰⁾ **xuất thân** 出身 (*being born of; coming from*): Sanh ra. – Ba câu này chép trong sách *Cảnh Hành Lục* 景行錄 và được dẫn lại trong

Nay Đạo Thầy Kỳ Ba hoằng hóa, các con đã nhận ra trên bốn mươi năm,⁽⁶¹⁾ ngày nay được vững vàng tiến bộ trên đường đạo đức. Âu cũng là ⁽⁶²⁾ lẽ dĩ nhiên.

Con ôi! *Đắc Đạo giả đa trợ; thất Đạo giả quả trợ*.⁽⁶³⁾ Nghĩa là: Con đắc được Đạo thì được nhiều sự trợ giúp. Phần thiêng liêng vô hình thì Thầy không rời con; Phật Tiên, Thánh Thần cũng không xa con. Phần hữu hình thì các bạn lành cảm mến, đoàn kết cùng con để đem lại kết quả tốt đẹp, nương nhau đi đến đại đồng. Bằng trái lại, làm mất Đạo thì ắt chẳng được sự trợ giúp nào vì luật tương đối: Chánh tà không hiệp, lành dữ có phần, thanh trược không chung nhau được. Vì thế, các con tu phải vui trên việc hành đạo; đừng chán nản, đừng than phiền, đừng trách cứ nhau khi gặp những cơn khổ khó. Tu phải ham tạo nhiều phước đức, việc lành việc phải, vì có câu: *Thiện sự tu tham, ác sự mạc lạc. Kiến thiện như khát, văn ác như lung. Vi thiện tối lạc, đạo lý tối đại*.⁽⁶⁴⁾

sách *Minh Tâm Bửu Giám* 明心寶鑑 (sách chữ Nho có vài dị bản).
木有所養則根本固而枝葉茂，樑棟之材成。水有所養則源泉壯而流脈長，灌溉之利溥。人有所養則志氣大而見識明，忠義之士出。

⁽⁶¹⁾ Tính từ năm 1926 (khi lập đạo Cao Đài) tới năm 1970 (lúc Thầy dạy bài này) là bốn mươi bốn năm.

⁽⁶²⁾ **âu cũng là**: Có lẽ cũng là; hẳn cũng là; ắt cũng là.

⁽⁶³⁾ **Đắc Đạo giả đa trợ; thất Đạo giả quả trợ**. 得道者多助；失道者寡助。 (*He who achieves the Dao has many to assist him. He who loses the Dao has few to assist him.*): Câu này có trong sách *Mạnh Tử* 孟子, *Công Tôn Sửu Hạ* 公孫丑下, 11.

⁽⁶⁴⁾ 善事須貪，惡事莫樂。見善如渴，聞惡如聾。為善最樂，道理最大。 (Việc lành nên ham thích làm, việc ác chớ vui gây tạo. Thấy việc lành thèm thường như khát gặp nước, nghe việc ác như điếc bỏ ra ngoài tai. Làm lành thì vui hơn cả, đạo lý lớn hơn hết thầy.)

Vậy thử hỏi các con có lạc tại kỳ trung ⁽⁶⁵⁾ mỗi khi con làm được việc lành việc phải, hay là những dịp hội hiệp như vậy được kết quả tốt đẹp, con có nhận thức sự vui trong lòng xuất hiện ra ngoài chẳng? Nếu được vậy mới ham trên đường hành đạo.

Con ôi! Đạo sanh Thầy, Thầy sanh các con. Nay các con nghe theo Thầy hành đạo, tức nhiên các con được trở về với Thầy, bởi có câu: *Nguyên thủy hữu Đạo. Đạo giả Thượng Đế. Đạo tức Thượng Đế dã.*⁽⁶⁶⁾

Vậy các con từ đây rán sốt sắng hành đạo, đúng theo chương trình kế hoạch, dự án từ trên đưa xuống. Các công việc của thánh thất, thánh tịnh phải đôn đốc hơn sanh, nam nữ, lão ấu thi hành trọn đủ ba phương diện *dân sinh, dân trí, dân đức*; cũng như *công quả, công trình, công phu*; hay là sự *tổ chức* và phần *khai minh giáo lý* cùng *kinh tế – tài chánh*. Ba yếu điểm ⁽⁶⁷⁾ phải song hành,⁽⁶⁸⁾ thiếu một là khuyết điểm đó

Câu này có trong sách *Minh Tâm Bửu Giám* 明心寶鑑, ghi là lời của *Thái Công* 太公 (tức Khương Tử Nha 姜子牙).

⁽⁶⁵⁾ **lạc tại kỳ trung** 樂在其中 (*feeling happy within oneself*): Vui thắm trong lòng.

⁽⁶⁶⁾ 原始有道. 道者上帝. 道即上帝也. Đầu tiên có Đạo. Đạo là Thượng Đế. Đạo tức là Thượng Đế vậy. (*In the beginning, there is Dao. Dao is God. It is Dao that is God.*) Câu thứ hai có thể viết: *Đạo giả Thượng Đế dã.* (Đạo là Thượng Đế vậy.) *Chữ dã, chữ vậy* có thể bớt đi.

⁽⁶⁷⁾ **yếu điểm** 要點 (*main point; key strong point; essential; kernel*): Điểm quan trọng (chánh yếu, trọng yếu).

⁽⁶⁸⁾ **song hành** 雙行 (*being done simultaneously*): Thực hiện đồng thời, thi hành cùng lúc.

các con.

Phần vô vi có chư Thần hộ trợ cho các con. Như nơi tỉnh đạo Bình Định này, trách nhiệm của Ngô Tùng Châu đã theo sắc tặng phong phẩm với sứ mạng hộ trợ tỉnh nhà và các ngôi thánh đường chung cũng như liên tỉnh đạo.

Về phần hữu vi thì đồng nhất đó các con. Vậy giờ nay, sau khi Thầy thăng hồi Bạch Ngọc, Thầy sắc lệnh cho Ngô Tùng Châu giáng đàn phân giải để các con lãnh hội, thông hiểu được lý hữu vô, động tịnh cảm ứng thế nào.

THI

*Đời còn tai biến lắm con ôi
Bốn phận tu chơn, Đạo chớ rời
Luyện tánh tu tâm, minh phát huệ ⁽⁶⁹⁾
Để ngày gần cuối thọ ơn Trời.*

TRƯỜNG THIÊN

*Các con đã rõ cơ Trời
Phận tu phải rán, chiều moi ⁽⁷⁰⁾ siêng cần
Thời kỳ mạt kiếp cõi trần
Thiên nhơn hiệp nhứt cứu lần hết nguy.
Con ôi! Hiện tại loạn ly
Con còn rắc rối, sầu bi vô cùng
Biết tu vẹn một lòng trung
Trung thành với Đạo, thủy chung với Thầy.
Mới là xứng đáng từ đây*

⁽⁶⁹⁾ **minh phát huệ** (*generating brilliant wisdom*): Phát sanh trí huệ sáng suốt.

⁽⁷⁰⁾ **chiều moi**: Chiều mai, sáng chiều, ý nói suốt ngày, trọn ngày.

Ra tay cứu độ đời này thoát nguy
 Phận con vẹn giữ tu trì
 Trường chay, giữ giới, trí tri một lòng.
 Lập trường vững chắc hành xong
 Đúng theo tôn chỉ, đại đồng mục phiêu⁽⁷¹⁾
 Không phân sắc tóc, huỳnh điều⁽⁷²⁾
 Thấy được nhứt lý, thương yêu nhau cùng.
 Vạn vật nhứt thể⁽⁷³⁾ toàn chung
 Vị tha xả kỷ buổi cùng mới yên⁽⁷⁴⁾
 Bình tâm định tánh,⁽⁷⁵⁾ đừng phiền
 Đừng buồn đừng giận, Thiêng Liêng giúp vào.
 Điển lành Thầy bố một màu⁽⁷⁶⁾
 Các con hưởng ứng, cùng nhau lo lường
 Lo cho cơ Đạo khuếch trương⁽⁷⁷⁾
 Miền Trung rạng rỡ thánh đường các nơi.
 Giờ lành Thầy dạy mấy lời

Các con ghi nhớ, kịp thời hành y
 Đến ngày đại lễ đây thì
 Tỉnh đạo Quảng Tín lệnh Thầy chuẩn phê.
 Các con nam nữ tựu tề
 Các cấp lãnh đạo chung về liệu lo
 Hội Thánh Truyền Giáo vai trò
 Liên quan chi phái,⁽⁷⁸⁾ một đò đến nơi.⁽⁷⁹⁾
 Dự lễ kết quả kịp thời
 Thiêng Liêng hộ trợ, kịp thời bình an
 Chúc con tinh tấn lo toan
 Công việc hành đạo vẹn toàn thủy chung.
 Giã từ con trẻ đàn trung
 Thầy hồi Bạch Ngọc, Thiên Cung an nhàn.

Thầy thăng.

TIẾP ĐIỂN
 THI

VIỆT bang nào phải có ba kỳ⁽⁸⁰⁾

⁽⁷¹⁾ **mục phiêu** (*target*): Mục tiêu 目標, đích nhắm tới.

⁽⁷²⁾ **huỳnh điều** (*yellow and red*): Màu vàng và màu đỏ.

⁽⁷³⁾ **vạn vật nhứt thể**: thiên địa vạn vật đồng nhứt thể 天地萬物同一體: Muôn vật trong trời đất cùng chung một bản thể. (*Myriads of things in the universe share the same substance.*)

⁽⁷⁴⁾ **vị tha xả kỷ** 爲他捨己 (*selfless, unselfish*): Vì người khác, bỏ lòng ích kỷ. – **buổi cùng** (*the last era*): Buổi hạ nguơn, đời cùng cuối.

⁽⁷⁵⁾ **bình tâm định tánh** 平心定性 (*keeping calm*): Giữ lòng thản nhiên, không để ngoại cảnh làm tâm hồn rối loạn.

⁽⁷⁶⁾ **bố** 布 (*bestowing sth*): Ban bố 頒布, ban cho. – **một màu** (*vô sai biệt* 無差別: *undifferentiated*): Công bằng, không sai khác, không phân biệt đối xử.

⁽⁷⁷⁾ **khuếch trương** 擴張 (*expanding sth; broadening sth*): Mở mang, phát triển.

⁽⁷⁸⁾ **liên quan chi phái** (*associating with every Caodai branch*): Liên kết với các nhánh khác nhau trong đạo Cao Đài.

⁽⁷⁹⁾ **một đò đến nơi** (*all in the same boat to the common destination*): Cùng trên một con thuyền và chia sẻ khó nhọc gian nan mà tới bến chung.

⁽⁸⁰⁾ **Việt bang** 越邦 (*Viet state*): Nước Việt. – **ba kỳ** (tam kỳ 三圻: *three territories*): Tức là Bắc Kỳ 北圻, Trung Kỳ 中圻, Nam Kỳ 南圻, theo chánh sách chia để trị của thực dân Pháp sau khi đã thôn tính 吞併 trọn vẹn nước Nam. – **Việt bang nào phải có ba kỳ**: Nước Việt thời xưa chẳng bị chia cắt ra ba kỳ như trong thời Pháp thuộc. Thật vậy, dưới triều Minh Mạng thì phủ Thừa Thiên là kinh kỳ, tức là nơi vua đóng đô (*kinh* 京 là kinh đô: *capital*) và

NAM, Bắc, Trung Kỳ do Pháp ly ⁽⁸¹⁾
CÔNG nghĩa ⁽⁸²⁾ hy sinh vì tổ quốc
THẦN trung tuấn tiết lúc lâm nguy ⁽⁸³⁾

những vùng đất chung quanh kinh đô (kỳ畿: *territories around the capital*). Lãnh thổ ở phía bắc kinh kỳ gọi là Bắc Kỳ 北圻 (畿), ở phía nam kinh kỳ gọi là Nam Kỳ 南圻 (畿); hai chữ 畿 và 圻 dùng thông với nhau. Bấy giờ chưa có tên gọi Trung Kỳ. Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* 大南寔錄正編 (đệ nhị kỷ, quyển 127) của Quốc Sử Quán triều Nguyễn, năm 1834 triều đình gọi Quảng Nam, Quảng Ngãi là Nam Trực; gọi Quảng Trị, Quảng Bình là Bắc Trực; từ Bình Định đến Bình Thuận gọi là Tả Kỳ; từ Hà Tĩnh đến Thanh Hoa (năm 1843 đổi tên thành Thanh Hóa) gọi là Hữu Kỳ; từ Biên Hòa đến Hà Tiên gọi là Nam Kỳ; từ Ninh Bình đến Lạng Sơn gọi là Bắc Kỳ. Bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Quảng Bình gọi chung là Tứ Trực. Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (đệ nhị kỷ, quyển 143), năm 1835, triều đình lại gọi Quảng Trị, Quảng Bình là Hữu Trực; gọi Quảng Nam, Quảng Ngãi là Tả Trực; gọi Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoa là Hữu Trực Kỳ; gọi Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa là Tả Trực Kỳ.

⁽⁸¹⁾ **Iy** 割 (*dividing sth*): Chia cắt, chia tách cho rời ra. Trong thời kỳ Pháp thuộc (1887-1945), thực dân Pháp chia cắt nước Nam ra ba kỳ, gọi là Bắc Kỳ (*Tonkin*), Trung Kỳ (*Annam*) và Nam Kỳ (*Cochinchine*). Pháp áp dụng ba chế độ cai trị khác nhau cho ba kỳ. Đó là chính sách chia để trị (*la politique du diviser pour régner; the divide and rule policy*) và nọc độc của nó gây mầm chia rẽ dân tộc. Nào trạng kỳ thị vùng miền, phân biệt đối xử Nam, Trung, Bắc dường như hãy còn di căn qua nhiều thế hệ, kể cả khi ách thực dân Pháp không còn trên quê hương Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua. Vì thế, hai câu thánh thi đầu tiên nhằm cảnh tỉnh người Việt về nọc độc này.

⁽⁸²⁾ **công nghĩa** 公義 (*righteousness*): Cũng là *nghĩa*, đạo Chúa gọi là *công chính*, tức việc phải làm vì nó đúng với đạo lý, lẽ phải.

⁽⁸³⁾ **thần trung** (*trung thần 忠臣: loyal official*): Bề tôi trung thành.

NGÔ thân bất độ, hà thân độ ⁽⁸⁴⁾
TÙNG Đạo, tùng Thiên, chánh pháp quy ⁽⁸⁵⁾
CHÂU thi phục hoàn, đời mạt kiếp ⁽⁸⁶⁾

– **tuấn tiết** 殉節 (*sacrificing one's life by loyalty*): Hy sinh mạng sống vì lòng trung thành. – **Ngô Tùng Châu** (1752-1801) là người thôn Thái Thuận, làng Cát Tài, huyện Phù Cát, trấn Quy Nhơn (nay là xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Năm 1764, ông theo cha là Ngô Tùng Trang vào sống ở Gò Công (nay thuộc xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Là học trò giỏi của danh nho Võ Trường Toản (?-1792), Ngô Tùng Châu được Chúa Nguyễn Ánh trọng dụng. Năm 1799, Ngô Tùng Châu theo Chúa Nguyễn đem quân ra Bắc đánh quân Tây Sơn. Chiếm được thành Quy Nhơn, Chúa Nguyễn đổi tên là thành Bình Định, giao cho Võ Tánh (1768-1801) và Ngô Tùng Châu trấn giữ. Tháng 02-1800, Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem quân bao vây thành Bình Định. Là quan văn, Ngô Tùng Châu vẫn sát cánh cùng với tướng Võ Tánh tử thủ thành Bình Định trong khoảng một năm rưỡi, mục đích cầm chân quân Tây Sơn, tạo cơ hội cho Chúa Nguyễn theo đường biển chiếm được kinh đô Phú Xuân của Tây Sơn ngày 15-6-1801. Khi thế cùng lực kiệt, Ngô Tùng Châu mặc triều phục chính tề, uống thuốc độc tuấn tiết ngày 05-7-1801. Hai ngày sau, Võ Tánh lên lầu bát giác tự thiêu.

⁽⁸⁴⁾ **Ngô thân bất độ, hà thân độ** 吾身不度, 何身度? (*If we do not save ourselves, who else should we save?*): Thân ta không cứu độ thì cứu độ thân ai?

⁽⁸⁵⁾ Câu này ý nói: Theo Đạo, theo Trời, và quay về với chánh pháp.

⁽⁸⁶⁾ **Châu thi**: Châu (chu) nhi phục thi (thủy) 周而復始 (*The cycle comes back to the start*): Hết một chu kỳ thì trở lại chỗ ban đầu; cũng có nghĩa *tuần hoàn bất đoạn* 循環不斷 (liên tục xoay vần: *moving in cycles*). – **Châu thi phục hoàn** 周始復圓: Cũng như *châu nhi phục thi*. Câu này ý nói: Tiếp nối đời hạ nguơn mạt kiếp là đời thượng nguơn thánh đức, đúng theo quy tắc hể đi hết một chu kỳ thì trở lại chỗ ban đầu.

Giáng phân lý sự rõ, tường tri.⁽⁸⁷⁾

Lão Thần chào chư Thiên mạng Hội Thánh Tiên Thiên. Mừng chư chức sắc các cấp Hội Thánh Truyền Giáo. Mừng trong các cháu tộc Ngô của Lão.

Giờ này Lão vâng Thiên sắc⁽⁸⁸⁾ giáng đàn, để đôi lời đàm đạo cùng chư Thiên mạng trong việc hành đạo, sau để đôi lời với các cháu.

Những dĩ vãng chứng minh huyền linh của Đạo Trời, vì thế từ ngày khai Đạo, các bậc công thần văn võ các triều vua cùng quy phục dưới chân Thầy để lo bồi công lập đức, lãnh thánh sắc giúp phần hữu hình trên đường hành đạo. Vì vậy, ý Lão không muốn cho thân tộc của Lão hưởng phần tế tự.⁽⁸⁹⁾

⁽⁸⁷⁾ **Lý sự** 理事: Là một cặp tương quan đối lập (*pair of opposite relation*). Lý và sự là bản thể 本體 và hiện tượng 現象 (*substance and phenomena*); là tánh 性 và tướng 相 (*nature and appearance*); là tuyệt đối 絕對 và tương đối 相對 (*the absolute and the relative*); là nguyên lý 原理 và thực hành 實行 (*principle and practice*), là tiềm năng 潛能 và hiện thực 現實 (*the potential and the actual*), v.v... Thí dụ: Nước không có hình dạng cố định (là lý), khi đựng trong chai thì nước có hình cái chai, đựng trong ly thì nước có hình cái ly, v.v... (là sự). Nước trong suốt, không màu (là lý) nhưng nhìn nước biển thì thấy xanh (là sự) nên người đời nói là biển xanh, nhưng nước biển mức lên thì không nhìn thấy xanh nữa. – **tường tri** 詳知 (*knowing sth thoroughly*): Biết rõ. Câu này ý nói: Giáng đàn phân dạy rõ ràng về lý và sự để mọi người hiểu biết rõ, không còn mơ hồ.

⁽⁸⁸⁾ **Thiên sắc** 天敕 (*God's decree, Heaven's edict*): Sắc chỉ, chiếu chỉ của Thượng Đế.

⁽⁸⁹⁾ Theo *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* (đệ nhứt kỷ, quyển 16), năm 1802, vua Gia Long hỏi Tham Tri Lại Bộ: “Ngô Tùng Châu có

Có câu: *Lưu hữu dư bất tận chi công dĩ hoàn Tào Hóa. Lưu hữu dư bất tận chi lộc dĩ hoàn triều đình. Lưu hữu dư bất tận chi tài dĩ hoàn bá tánh. Lưu hữu dư bất tận chi phúc dĩ hoàn tử tôn.*⁽⁹⁰⁾ Vì yếu lý của bốn câu “lưu” ấy mà Lão không muốn cho một cháu nào thụ hưởng phần vật chất của triều đình ban cấp tế tự lăng miếu của Lão.

con không?” Phạm Ngọc Uẩn tâu: “Có người cháu họ xa là Ngô Tông Hoảng làm kế tự.” Vua nói: “Nên hậu đãi người con [nuôi] ấy để báo đền kẻ trung thần.” Theo *Thực Lục* (đệ nhứt kỷ, quyển 25), năm 1804 vua Gia Long ban cho Tùng Hoảng bảy mươi lăm mẫu ruộng để dùng vào việc thờ phượng (*tự điền* 祀田), cắt năm mươi dân làng giúp việc thờ cúng (*tự dân* 祀民). Tùng Hoảng còn được triều đình ban thưởng phẩm tước, giao việc hương khói lăng miếu. Theo *Thực Lục* (đệ nhị kỷ, quyển 10), năm 1821 vua Minh Mạng cấp cho bà Ngô Tùng Châu (nhũ danh Võ Thị Lợi, là em gái Võ Tánh) mỗi năm là năm mươi quan tiền và năm mươi phương gạo. *Phương* 方 là cái học gỗ vuông đong gạo. Theo *Thực Lục* (đệ nhứt kỷ, quyển 27), năm 1805 đời vua Gia Long, quy định một phương gạo bằng mười ba thăng 升 (người Việt còn gọi là *thưng*) hay ba mươi bát (chén).

⁽⁹⁰⁾ 留有餘不盡之功以還造化。留有餘不盡之祿以還朝廷。留有餘不盡之財以還百姓。留有餘不盡之福以還子孫。Giữ cái công dư thừa (của mình) để trả lại cho Tào Hóa (tức là hiến cho xã hội). Giữ bổng lộc dư thừa (của mình) để trả lại triều đình. Giữ tài sản dư thừa (mình chưa dùng hết) để trả lại bá tánh (tặng cho dân chúng). Giữ phước dư thừa (mình chưa hưởng hết) để trả lại con cháu (truyền cho con cháu hưởng). Câu đầu tiên có dị bản là: *Lưu hữu dư bất tận chi xảo dĩ hoàn Tào Hóa*. (Xảo 巧 là sự khéo léo.) Bốn câu này là nội dung bài minh nhan đề *Tứ Lưu* 四留 (Bốn Điều Lưu Giữ) của Vương Bá Đại 王伯大 đời Tống 宋. (*Minh 銘* là bài viết khắc vào một đồ vật, thường đặt nơi hay nhìn thấy để tự khuyên răn bản thân: *an inscribed motto used to advise oneself*.)

Bởi câu: *Thế thượng vạn ban đô thị giả. Nhơn gian đạo đức quả vi chơn.*⁽⁹¹⁾ Lão muốn để phước đức cho con cháu mà thôi. Vậy, cháu Ngô Tùng Du là phần hiện tại trong trường tộc, cháu nghe lời Lão Tổ, nhắn với các cháu nam nữ, lão ấu răn hồi đầu hướng thiện, quy y vào Đại Đạo, để hưởng được ân xá Kỳ Ba.

Các cháu nên tin tưởng rằng về phần thiêng liêng, các đấng vô hình còn phải tu công lập quả để được tiến bộ trên đường đạo đức, tăng phẩm thiêng liêng thay, hưởng hồ⁽⁹²⁾ các cháu mang phần thể xác, một kiếp đời sống là bao. Danh lợi mà chi, tiền của mà chi, chết chỉ nắm hai bàn tay trắng, chỉ có đem theo tội hay phước mà thôi.

Nay ông đã được thăng phẩm vị, nhưng ngày kia sẽ rõ. Hiện giờ các cháu chẳng cần biết mà chi, chỉ răn nhắc nhở, kêu gọi nhau trên đường tu học, lập đức bồi công thì Tổ được vui lòng lắm vậy.

THI

Ngô Tùng Du,⁽⁹³⁾ cháu răn tin ông

⁽⁹¹⁾ **Thế thượng vạn ban đô thị giả.** 世上萬般都是假. (*Everything in the world is fake.*): Muôn thứ trên đời đều giả dối. – **Nhơn gian đạo đức quả vi chơn.** 人間道德果為真. (*Virtuousness in life is actually true.*): Đạo đức ở đời quả thực là thật.

⁽⁹²⁾ **huống hồ** (*let alone, much less, still less*): Khi nêu ra hai vế, đặt “huống hồ” trước vế thứ hai để nhấn mạnh rằng vế thứ hai có tính chất khẳng định nhiều hơn vế thứ nhất.

⁽⁹³⁾ Ông Ngô Tùng Du (là hậu duệ đời thứ sáu) vâng theo tôn ý Đức Ngô Tùng Châu đã hiến tỉnh đạo Bình Định (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) một số mẫu ruộng trích trong phần tự điền được vua Gia Long ban tặng năm 1804. Tỉnh đạo Bình Định hoàn thành

*Lời dạy đơn sơ gắng nhớ lòng
Lập chí, lập tâm, chơn chánh nghĩa
Theo Thầy học đạo hưởng ân hồng.*

Sau đây Lão để lời tri ân tấm lòng nhiệt thành tâm đạo của chư Thiên sắc⁽⁹⁴⁾ đã để hết tâm thành lo việc kiến thiết lăng miếu của Lão. Điều ấy Lão ghi ân, song Lão để đôi lời, hãy tùy tiện⁽⁹⁵⁾ mà tạo tác, không nên làm quá sức, bởi sự hữu hình thì hữu hoại, Lão không thích. Mong sao chư Thiên sắc tạo lăng miếu rồi thì tùy phương tiện tạo cơ sở chung. Về Phật đường hay thánh đường cùng các cơ sở lợi ích chung cho Đạo, cho nhơn sanh là Lão rất đồng ý, tán thành và chúc tụng. Chớ⁽⁹⁶⁾ tạo đồ sộ mà làm chi. Cung kính bất như phụng mạng.⁽⁹⁷⁾

Lão cũng để đôi lời cầu chúc các vị quan khách, ngày trí

thủ tục pháp lý và được chánh quyền cấp bằng khoán. Tỉnh đạo đã xây miếu thờ Đức Ngô (là Đấng thiêng liêng bảo hộ cho tỉnh Bình Định) tại xã Cát Tài, quận Phù Cát (nay là huyện Phù Cát). Lễ khánh thành tổ chức rất long trọng. Hằng năm tỉnh đạo đều tổ chức lễ cúng giỗ. Sau tháng 4-1975, nhà cầm quyền địa phương trưng dụng số ruộng này và lấy miếu thờ làm trụ sở của xã. Vì vậy, từ đó tới nay, lễ giỗ hằng năm được tỉnh đạo tổ chức tại thánh đường Quy Nhơn (số 55 Hàm Nghi, phường Ngô Mây, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).

⁽⁹⁴⁾ **Thiên sắc** 天色: Thiên phong chức sắc, người nhận lệnh Trời.

⁽⁹⁵⁾ **tùy tiện** 隨便 (*at one's convenience*): *Tùy nghi* 隨宜; tùy theo điều kiện hay hoàn cảnh, miễn sao thuận tiện, không nên bó buộc.

⁽⁹⁶⁾ **chớ** (*don't do sth*): Đừng.

⁽⁹⁷⁾ **Cung kính bất như phụng mạng** 恭敬不如奉命 (*Deference is no substitute for obedience*): Cung kính không bằng vâng lệnh.

thạch⁽⁹⁸⁾ sắp đến sớm được thành công, có Lão chứng minh. nhưng Lão mong sao mỗi mỗi rón lập tâm trung can, nghĩa khí, chánh chơn phụng sự cho dân cho nước hầu⁽⁹⁹⁾ đem lại cảnh trật tự an lạc thái bình cho dân tộc, cho nhân quần.⁽¹⁰⁰⁾ Đó là mỹ ý⁽¹⁰¹⁾ của Lão hằng mong muốn.

Lão chẳng muốn có sự nguy nga vì phần tư lợi, tư kỷ thì không bao giờ được như ý. Bởi Đạo là lẽ chung, phải làm sự lợi ích chung. Vì tư riêng mới sanh lòng gian trá, đua tranh, nghịch lẫn nhau. Ý Lão thì muốn bấy nhiêu thôi.

Trong hàng Thiên sắc cứ y đồ án và y theo ngày đã định khởi công. Phần hữu hình có chư hiền; phần vô vi có Lão hộ trợ trong ngoài các thánh đường thuộc tỉnh nhà đây vậy.

THI

*Lời thật nói ra rón nhớ ghi
Đừng mong lời dạy quá cao kỳ
Thiên cơ đã rõ, từ xưa dạy
Nay rón hành y mới kịp kỳ.*

BÀI

Được hân hạnh làm dân nước Việt

*Giống Tiên Rồng rõ biết việc xưa
Tinh thần truyền thống có thừa
Anh hùng bất khuất, hơn thua chẳng màng.*

*Quyết bảo vệ giang san một dải
Nước Việt Nam hiện tại còn đây
Được hành thánh sự hiệp vầy
Công trình hiển hách đến ngày tương lai.*

*Nay được Đức Cao Đài Thượng Đế
Nơi thánh đình chẳng trễ thời kỳ
Cứu đời trong lúc loạn ly
Phải tường đạo pháp của Thầy mới an.*

*Đất linh kiệt vẻ vang tốt đẹp
Sanh anh tài liên tiếp xưa nay
Để lo bảo vệ giống nòi
Non sông gấm vóc đến ngày bình thanh.⁽¹⁰²⁾*

*Phần vô vi điển lành hộ trợ
Chư thiêng liêng giúp đỡ mọi hiền
Hữu hình Thiên sắc cần nên
Lo toan mọi việc vững bền thành công.*

*Bởi thời kỳ Hoa Long đại hội
Cơ tuyển chọn gạo cội trên sàng
Phân phàm chọn thánh rõ ràng
Ai người trung liệt, trung can danh đề.*

*Dòng lịch sử lời phê linh diệu
Trên bốn ngàn năm chịu thắng trầm
Ngày nay còn phải gia tăng*

⁽⁹⁸⁾ **trí thạch** 置石 (*the foundation laying ceremony*): (Lễ) đặt viên đá đầu tiên. Lưu ý: Người Hoa không nói “trí thạch”, mà nói: 奠基儀式 (*điện cơ nghi thức*), 動工儀式 (*động công nghi thức*), 第一次奠基儀式 (*đệ nhất thứ điện cơ nghi thức - The first groundbreaking ceremony*: lễ đặt viên đá đầu tiên).

⁽⁹⁹⁾ **hầu** (*in order to, so as to*): Ngõ hầu, để mà.

⁽¹⁰⁰⁾ **nhân quần** 人群 (*people in general*): Con người nói chung.

⁽¹⁰¹⁾ **mỹ ý** 美意 (*goodwill; kindness*): Ý tốt, lòng tốt.

⁽¹⁰²⁾ **bình thanh**: Thanh bình 清平 (*peaceful*).

Nhiều điều khổ khó mới rằng đáng trang.⁽¹⁰³⁾

Công oanh liệt, chiến tràng đắc thắng
Được vẻ vang mới dựng lộc Trời
Lộc Trời ban thưởng cho người
Nhờ người vẹn giữ rạng ngời nhứt tâm.

Chữ nhứt tâm cao thâm huyền bí
Bậc anh hùng, chí sĩ đạo đời
Nếu ai đắc nhứt, nên người
Nếu tu đắc nhứt, về Trời khó chi.

Chư Thiên sắc trí tri cách vật⁽¹⁰⁴⁾
Đã tâm thành, ý thật từ lâu
Tu thân đã được tròn câu
Tề gia, hành đạo ngõ hầu hưởng chung.

Sự trị quốc tương phùng nhờ đó
Chữ nhứt tâm gắn bó Đạo Trời
Mới bình thiên hạ kịp thời
Thượng ngươn thánh đức nơi nơi thanh bình.⁽¹⁰⁵⁾

Lời Lão tỏ đình ninh⁽¹⁰⁶⁾ ghi nhớ
Trong họ Ngô khá sợ khá tu⁽¹⁰⁷⁾
Chớ nên lơ lảng phận tu
Lập tâm chánh nghĩa thiên thu sử đề.⁽¹⁰⁸⁾

Lão hứa lời, lệnh phê⁽¹⁰⁹⁾ đã dạy
Hộ điểu lành cả thầy tỉnh nhà
Ai người hành đạo gần xa
Dù gặp khổ khó, tưởng mà Lão đây.

Lão sẽ đến cứu ngay mọi việc
Vì mạng Trời chí quyết độ đời
Độ đời thoát khỏi họa tai

治而後天下平。 (Thorough knowledge results from investigating things. Things being investigated, knowledge becomes thorough. Knowledge being thorough, thoughts are sincere. Thoughts being sincere, mind is then rectified. Mind being rectified, humans are cultivated. Humans being cultivated, their families are regulated. Their families being regulated, their state is rightly governed. Their state being rightly governed, all citizens enjoy peace.) Sự hiểu biết cặn kẽ có được nhờ nghiên cứu sự vật tới cùng. Nghiên cứu sự vật tới cùng rồi thì hiểu biết mới cặn kẽ. Hiểu biết cặn kẽ rồi thì ý nghĩ mới thành thật. Ý nghĩ thành thật rồi thì lòng dạ mới ngay chánh. Lòng dạ ngay chánh rồi thì bản thân mới tu sửa được. Tu sửa bản thân rồi thì mới quản lý được việc nhà. Quản lý việc nhà rồi thì mới an trị đất nước. An trị đất nước rồi thì thiên hạ (bá tánh) mới thanh bình.

⁽¹⁰⁶⁾ **đình ninh** 叮嚀 (*steadfast*): Không thay đổi. **đình ninh ghi nhớ**: Ghi nhớ mãi không quên.

⁽¹⁰⁷⁾ **khá sợ khá tu**: Hãy nên sợ (luật Trời) và hãy nên tu hành.

⁽¹⁰⁸⁾ **thiên thu sử đề**: Được tiếng thơm muôn đời chép vào sử sách.

⁽¹⁰⁹⁾ **lệnh phê**: Lệnh Trời trao phận sự cho Đức Ngô Tùng Châu bảo hộ tính Bình Định.

⁽¹⁰³⁾ **đáng trang**: Xứng đáng là trang hướng đạo.

⁽¹⁰⁴⁾ **trí tri cách vật**: (*cách vật trí tri* 格物致知: *investigating things thoroughly in order to attain thorough knowledge*): Nghiên cứu, tìm hiểu tới cùng để hiểu biết thật rõ sự vật.

⁽¹⁰⁵⁾ **Chư Thiên sắc trí tri cách vật . . . Thượng ngươn thánh đức nơi nơi thanh bình**: Tám câu này nhắc lại một đoạn trong sách Đại Học 大學: Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chí. Tri chí nhi hậu ý thành. Ý thành nhi hậu tâm chánh. Tâm chánh nhi hậu thân tu. Thân tu nhi hậu gia tề. Gia tề nhi hậu quốc trị. Quốc trị nhi hậu thiên hạ bình. 致知在格物。物格而後知至。知至而後意識。意識而後心正。心正而後身修。身修而後家齊。家齊而後國治。國

Non sông tổ quốc mới rày bình an.

Lão già từ, ân ban nam nữ

Cùng tinh thần trọn chữ nhứt tâm

Ngày đêm tưởng niệm tu thân

Cho cơ Đạo được hóa hoằng khắp nơi.

Lão xin từ già chừ Thiên sắc. Lão thăng.



Lăng mộ Đức Ngô Tùng Châu ở Gò Tháp, thôn Thái Định
(nay là thôn Thái Thuận, xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định).

Ảnh: Bình Định Online (02-7-2013)



14. LÀM NGƯỜI LÀ CHIẾM ĐƯỢC TIÊN

Trung Hưng Bửu Tòà (Đà Nẵng)
ngày 24-6 Canh Tuất (Chủ Nhật 26-7-1970)

Bản Thánh, HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG, chào chư liệt vị Thiên ân cùng đạo tâm nam nữ. Thành kính tọa thiền hộ điển.

THI

Tiên thiên nhưt khí⁽¹⁾ thể⁽²⁾ hỗn nhiên⁽³⁾

⁽¹⁾ **tiên thiên nhưt khí** 先天一氣: Một khí tiên thiên. Theo *Tiên Học Từ Điển* 仙學辭典 của Đới Nguyên Trường 戴源長, tiên thiên nhưt khí cũng là *tiên thiên chơn khí* 先天真氣. Khí này có từ hư không, lúc hồng hoang 鴻荒 (hỗn độn 混沌: chaos), khi chưa phân lập trời đất, còn trạng thái *hỗn nhiên* 混然.

⁽²⁾ **thể** (substance, being): Bản thể 本體, cái tự nó tồn tại, đối lập với các hiện tượng 現象 (phenomena).

⁽³⁾ **hỗn nhiên** 混然: 1/ Hỗn loạn, loạn tạp 亂雜, 混亂 (confused, chaotic, disordered). – 2/ Hỗn nhiên nhất thể 渾然一體 (blended into one another, blended together well: trộn lộn vào nhau), không thấy dấu vết (bất kiến ngân tích 不見痕跡: leaving no trace). – 3/ Mơ hồ, không biết gì (hồ đồ 糊塗: confused, muddled; vô sở tri 無所知). – 4/ Chất phác 質朴 (plain and simple), thuần chân 純真 (pure and unaffected). – 5/ Hình dạng không phân biệt được (vô phân biệt đích dạng tử 無分別的樣子: indistinctive appearance). – 6/ Hình dạng mơ hồ, giản dị, không biết gì (hỗn

Thanh tĩnh, vô vi, Đạo cực huyền⁽⁴⁾
Phương tiện đa môn, quy nhưt lộ⁽⁵⁾
Chí thành bất tức, chứng Kim Tiên.⁽⁶⁾

先天一氣體渾然 / 清靜無爲道極玄
方便多門歸一路 / 至誠不息證金仙

Trước khi chưa dựng nên trời đất, Đạo là vô vi, hỗn nhiên trong bầu hư vô lặng lẽ,⁽⁷⁾ không một vật gì trộn lẫn, nên gọi là khí tiên thiên. Khi Đạo dựng nên càn khôn thế giới,⁽⁸⁾ gồm cả vạn hữu chúng sanh,⁽⁹⁾ âm dương phân định, ấy là hậu thiên khí chất.

phác vô sở tri đích dạng tử 渾朴無所知的樣子).

⁽⁴⁾ Câu này ý nói: Đạo thì thanh tĩnh, vô vi, vô cùng sâu xa, ảo diệu.

⁽⁵⁾ Câu này ý nói: Phương pháp (hay pháp môn) tuy đa dạng nhưng đều chung lối dẫn về Đạo. Câu này tương tự như **Đồng quy nhi thù đồ** 同歸而殊途: Đường tuy khác nẻo nhưng cùng về một chỗ (different ways lead to the same place). Hệ Từ Hạ 系辭下 trong Kinh Dịch xác định: *Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ*. 天下同歸而殊途. (They all come to the same target, though by different paths: Đường đi muôn lối, một chỗ cùng về.)

⁽⁶⁾ Câu này ý nói: Trọn lòng thành thật (*chí thành* 至誠: completely sincere) mà tu hành không gián đoạn (*bất tức* 不息: ceaselessly, continually, without a break) thì sẽ đắc quả Kim Tiên.

⁽⁷⁾ *Đạo Đức Kinh*, Chương 25: *Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sanh*. 有物混成, 先天地生. (Có vật hỗn độn mà vẹn toàn, sanh trước trời đất. – There was something chaotic and complete, coming into existence before heaven and earth.)

⁽⁸⁾ **càn khôn thế giới** 乾坤世界 (heaven and earth, the universe): Trời đất, vũ trụ.

⁽⁹⁾ **vạn hữu chúng sanh** 萬有眾生 (all living beings): Vạn vật 萬物 muôn loài.

Con người là tiểu thiên địa, cũng như một bầu vũ trụ, tuy nhỏ bé nhưng gồm đủ không khác chi trời đất. Mỗi người đều thọ nơi Thượng Đế một điểm linh quang, âm dương hun đúc⁽¹⁰⁾ mà thành hình. Thần nung đó để phát huy năng lực, thi thiết⁽¹¹⁾ quyền pháp, tài thành⁽¹²⁾ cho công cuộc tạo hóa⁽¹³⁾ được trọn nên, chung lộn trong thời gian và không gian đặng triển khai⁽¹⁴⁾ tâm thức, tạo lấy sự nghiệp tôn vinh,⁽¹⁵⁾ đặt trách nhiệm của con người.

Quyền năng ấy Thượng Đế đã ban phú cho mọi loài. Loài nào cũng trải qua một cuộc hành trình vô định. Khi làm xong phận sự của mình, lúc đó trở lại hội hiệp cùng Trời, gọi là thành Tiên tác Phật.

Cõi đời là bể khổ trầm luân,⁽¹⁶⁾ nhưng đó cũng là trường học rèn luyện con người để thấu hoạch công trình tự người làm nên. Mà đời cũng là bãi chiến trường khốc liệt; con

⁽¹⁰⁾ **hun đúc** (huân đào 熏陶: *being tempered*): Un đúc, trui rèn, tôi luyện, hình thành tính cách sau thời gian rèn luyện, thử thách lâu dài.

⁽¹¹⁾ **thi thiết** 施設 (*carrying out and arranging sth*): Thi hành và sắp đặt.

⁽¹²⁾ **tài thành** 裁成 (*accomplishing sth, fulfilling sth*): Thành tựu, thành tựu, hoàn thành 完成, hoàn tất 完畢, làm xong.

⁽¹³⁾ **công cuộc tạo hóa** (tạo hóa chi công 造化之功: *the work of creation*): Sự sáng thế 創世, việc dựng nên trời đất (sáng tạo thiên địa 創造天地).

⁽¹⁴⁾ **triển khai** 展開 (*expanding sth, developing sth*): Mở mang, mở rộng, phát triển.

⁽¹⁵⁾ **tôn vinh** 尊榮 (*honour and glory*): Vinh dự và vẻ vang.

⁽¹⁶⁾ **trầm luân** 沉淪 (*sinking*): Chìm đắm. Trầm và luân đồng nghĩa.

người dẫn thân vào đấy, tự mình phải chiến thắng để tạo cho mình một địa vị anh hùng, rèn đúc gan óc rắn rỏi, sáng suốt để đủ sức vượt qua mọi chướng ngại hiểm nghèo.

Nhưng ngoài giai đoạn thành công đó còn phải tự chiến thắng bản thân, trông ra mọi vật như đám quyến thuộc⁽¹⁷⁾ của mình. Chính đó là cái tâm cơ⁽¹⁸⁾ giống ruồi bên ngoài. Dầu là sông núi, chúng sinh cũng do tâm mình mà xuất hiện,⁽¹⁹⁾ nên phải tạo cho được hạnh người bồ tát, lấy bát nhã tâm mà quán chiếu⁽²⁰⁾ mọi loài. Nếu không chủ⁽²¹⁾ được tâm thì tâm buông lung, phóng túng, kẹt mắc khắp muôn cảnh trần duyên;⁽²²⁾ rồi nội thân mờ mịt, tình thức gây xáo trộn,

⁽¹⁷⁾ **quyến thuộc** 眷屬 (*family members and relatives*): Người trong gia đình và thân thích (thân nhân 親人, gia thuộc 家屬). **trông ra mọi vật như đám quyến thuộc của mình**: Điều này dựa trên lý lẽ rằng mọi vật và mình đều là những điểm linh quang (tiểu linh quang 小靈光: *micro sacred lights*) được chiết ra từ Thượng Đế (Đại Linh Quang 大靈光: *the Macro Sacred Light*).

⁽¹⁸⁾ **tâm cơ** 心機 (*thoughts*): Tâm tư 心思, ý nghĩ.

⁽¹⁹⁾ Nhà Phật nói: Vạn pháp duy tâm tạo. 萬法唯心造. (All dharmas are made from the mind alone. – Tất cả các pháp đều do tâm tạo nên.) Sách Liệt Tử chép: Có người mất búa, đem bụng ngờ con nhà hàng xóm; bởi vậy thấy mọi cử chỉ, vẻ mặt của nó đều gian xảo. Sau khi tìm thấy búa, lại thấy mọi cử chỉ, vẻ mặt của nó không có chút gì giống như kẻ trộm cắp.

⁽²⁰⁾ **quán chiếu** 觀照 (*reflecting on sth*): Suy xét sâu xa và kỹ càng.

⁽²¹⁾ **chủ** 主 (*mastering sth, controlling sth*): Làm chủ, kiểm soát.

⁽²²⁾ **trần duyên** 塵緣: Tức là lục trần 六塵 (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp: *sight, sound, smell, taste, touch, and idea*). Vì tâm “duyên theo” (*affected by*) sáu trần mà bị ô nhiễm, không thanh tịnh, nên gọi là lục trần là trần duyên.

khổ đau, ý chí lộn cuồng, không biết trần ai là ảo vọng.

Con người khi nào nhận được bản chất hậu thiên là đa tạp, mê mờ, rối loạn mới tìm đường trở lại nguồn đầu,⁽²³⁾ quay về với Đạo, như lúc chưa có đất trời, một khối hỗn nhiên, lòng mình thông tuệ, bồ đề tự tại.⁽²⁴⁾

Con người vì nhận lầm mà bỏ gốc theo ngọn, nên không thấy được bản thân mầu nhiệm của mình, quên hẳn nguồn gốc ở tâm, đâu hiểu chỗ sở dĩ⁽²⁵⁾ phát sinh. Mắt thấy tai nghe, thân hình hoạt động, tất cả đều do tâm; nên mũi mới biết được mùi, lưỡi mới nếm được vị, miệng mới nói nên lời, ý mới nghĩ được việc này việc nọ.

Tâm đã phát tiết ra nhiều thì sự hư hụt bên trong càng ngày càng kiệt cạn. Thông qua các cửa,⁽²⁶⁾ vương vít đắm mê ngoại cảnh mà con người đành chịu hèn mạt, khổ đau.

BÀI

*Trước vũ trụ, đất trời chưa có
Như thế nào, đâu rõ âm hao⁽²⁷⁾
Mông mênh, thông cực,⁽²⁸⁾ diệu cao⁽²⁹⁾*

⁽²³⁾ **nguồn đầu** (*bản nguyên* 本源: *origin, source, starting point*): Nguồn cội, nguồn gốc ban đầu, khởi điểm.

⁽²⁴⁾ **tự tại** 自在 (*free, unrestrained*): Tự do, không bị ràng buộc (vì không còn bị phiền não, không còn bị tình cảm phạm tục như lục dục thất tình sai khiến).

⁽²⁵⁾ **sở dĩ** 所以 (*reason*): Nguyên nhân, lý do, duyên cớ.

⁽²⁶⁾ **các cửa**: Có sáu cửa (*lục căn* 六根: *the six senses*) là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, và ý (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân xác, ý nghĩ: *eyes, ears, nose, tongue, body, mind*).

⁽²⁷⁾ **âm hao** 音耗 (*news, information*): Tin tức, thông tin.

Tối linh vô thượng,⁽³⁰⁾ đám sao nghi bàn.

Thánh truyền sở,⁽³¹⁾ hỗn mang Vô Cực⁽³²⁾

Ngôi tiên thiên, Thái Nhất⁽³³⁾ bốn sơ⁽³⁴⁾

Uyên uyên,⁽³⁵⁾ thấp thoáng, mập mờ⁽³⁶⁾

⁽²⁸⁾ **thông cực**: *Cực thông* 極通: Cực kỳ thông suốt (đảo ngữ cho hợp luật bằng trắc trong câu thơ).

⁽²⁹⁾ **diệu cao**: *Cao diệu* 高妙, cao siêu và huyền diệu (đảo ngữ cho hợp luật bằng trắc trong câu thơ).

⁽³⁰⁾ **vô thượng** 無上 (*supreme*): Cao tột, không còn gì cao hơn.

⁽³¹⁾ **Thánh truyền sở**: *Thánh sở truyền* 聖所傳 (*What has been taught by Holy Ones is that*): Điều Thánh Nhân truyền dạy. (Theo luật thơ song thất lục bát, chữ thứ ba của câu thất thứ nhất là thanh *trắc*: do đó, phải đảo ngữ thành "truyền sở".) – "Sở" kết hợp với động từ thành danh từ, có nghĩa là "cái mà, điều mà". Chẳng hạn: "sở hữu" 所有 (cái mình có); "sở bất dục" 所不欲 (điều không muốn), "sở năng" 所能 (khả năng của mình), v.v...

⁽³²⁾ **hỗn mang Vô Cực**: Ngôi Vô Cực trong thời hỗn mang (*chaos*), trời đất chưa phân lập (tiên thiên).

⁽³³⁾ **Thái Nhất** 太一: Cũng gọi *Thái Ất* 太乙. Tức là *Đạo* 道, là *bản nguyên* 本原 (*căn nguyên* 根源) hay *bản thể* 本體 của vạn vật trong vũ trụ; từ nghĩa này, Thái Nhất cũng là Thượng Đế.

⁽³⁴⁾ **bốn sơ** 本初 (*primordial*): *Sơ thủy* 初始, *nguyên thủy* 原始, trước tiên hết thảy mọi thứ.

⁽³⁵⁾ **uyên uyên** 淵淵 (*deep and still*): Sâu xa và tĩnh lặng.

⁽³⁶⁾ *Đạo Đức Kinh*, Chương 21: *Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề hốt hề kỳ trung hữu vật. 道之爲物, 惟恍惟惚. 惚兮恍兮, 其中有象. 恍兮惚兮, 其中有物. (Đạo là cái gì chỉ mập mờ, thấp thoáng. Thấp thoáng, mập mờ mà bên trong có hình dạng. Mập mờ, thấp thoáng mà bên trong có vật. – Dao is something only vague and obscure. How obscure! How vague! In it there is form. How vague! How obscure!*

Hỗn nhiên, thanh tịnh, thần cơ nhiệm mầu.
 Thần vô phương⁽³⁷⁾ nhưng đâu cũng có
 Cơ diệu vi⁽³⁸⁾ lấp ló chưa trình⁽³⁹⁾
 Như như,⁽⁴⁰⁾ cương kiện, trọn lành
 Hốt nhiên⁽⁴¹⁾ Tọa Hóa phân thành hai nghi.⁽⁴²⁾
 Khối âm dương, Thần ky⁽⁴³⁾ xuất hoạt
 Đạo trung hòa bàng bạc hóa sanh
 Kiền khôn thế giới định thành
 Ngày đêm, thời tiết vận hành biến thông.
 Cơ động tịnh, sắc không, ẩn hiện

In it are things.)

⁽³⁷⁾ **Hệ Từ Thượng**, chương IV: *Thần vô phương*. . . 神無方. . . (Thần [linh diệu nên] không bị giới hạn hay bó buộc vào một chỗ nào.)
 – **Thần vô phương nhưng đâu cũng có**: Thần không cố định ở một chỗ nào; tuy nhiên, bất kỳ chỗ nào cũng có Thần.

⁽³⁸⁾ **diệu vi** (vi diệu 微妙): *Thâm áo huyền diệu* 深奧玄妙 (*obscure and mysterious*). Chữ thứ ba của câu thất thứ hai là thanh bằng nên phải đảo ngữ thành “diệu vi”.

⁽³⁹⁾ **trình** (*trình hiện* 呈現: *appearing, manifesting itself, coming into sight; becoming visible*): Hiện ra, lộ ra, bày ra cho thấy.

⁽⁴⁰⁾ **như như** 如如: Bất nhiễm (*uncontaminated*), bất biến (*invariable*). Nhà Phật gọi “như như trí” 如如智 là cái trí xưa nay thanh tịnh, không bị vô minh che lấp, không bị phiền não làm cho ô nhiễm; gọi “như như cảnh” 如如境 là cái cảnh thường trụ, không dời đổi, không sinh không diệt.

⁽⁴¹⁾ **hốt nhiên** 忽然 (*suddenly*): Thành linh, bỗng dưng.

⁽⁴²⁾ **hai nghi** (lưỡng nghi 兩儀: *yin and yang, earth and heaven*): Âm và dương, đất và trời.

⁽⁴³⁾ **thần ky**: Thần cơ.

Máy âm dương luân chuyển, tuần hoàn
 Thần kỳ, diệu diệu, mang mang⁽⁴⁴⁾
 Con thoi nhứt nguyệt dọc ngang kết liền.

Tự nhiên mãi, đương nhiên hẳn thế
 Xảo diệu⁽⁴⁵⁾ mà thực tế, giản đơn
 Trông vào thấy quả biết nhơn
 Bủa ra nhóm lại, chánh chơn nhiệm mầu.

Nhứt bản tán vạn thù,⁽⁴⁶⁾ lưu lãng⁽⁴⁷⁾
 Vạn thù quy nhứt bản,⁽⁴⁸⁾ hoàn nguyên⁽⁴⁹⁾
 Ngược dòng nhập Thánh vào Tiên
 Thuận theo đục lạt, nã phiền, tử sanh.

Vay phải trả, loanh quanh sáu nẻo⁽⁵⁰⁾

⁽⁴⁴⁾ **mang mang** 茫茫: Bao la, mênh mông.

⁽⁴⁵⁾ **xảo diệu** 巧妙 (*clever, ingenious*): Khéo léo.

⁽⁴⁶⁾ **nhứt bản tán vạn thù** 一本散萬殊 (*one origin dispersing into all differences*): Một gốc phân tán ra muôn vàn khác biệt.

⁽⁴⁷⁾ **lưu lãng** 流浪 (*dispersing everywhere*): Phân tán khắp nơi.

⁽⁴⁸⁾ **vạn thù quy nhứt bản** 萬殊歸一本 (*all differences returning to one origin*): Muôn vàn khác biệt đều trở về một gốc.

⁽⁴⁹⁾ **hoàn nguyên** 還原 (*returning to the origin*): Trở về nguồn cội.

⁽⁵⁰⁾ **sáu nẻo** (lục đạo 六道): Sáu đường luân hồi của chúng sanh, tùy theo những việc lành việc ác đã tạo gây trong kiếp sống. (*Six kinds of rebirth in samsara that are undergone by sentient beings in accord with their good or evil actions carried out in their previous lifetime.*) Lục đạo gồm có: 1/ Thiên 天 (*devas: celestial beings, gods, hiểu theo Phật Giáo; không phải là Thượng Đế theo Nho, Lão, Cao Đài*). – 2/ A tu la 阿修羅 (*asura*). – 3/ Nhơn 人 (người: *human*). – 4/ Địa ngục 地獄 (*hell*). – 5/ Ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói: *hungry ghost*). – 6/ Súc sanh 畜生 (thú vật: *animal*). Ba

Ý sanh tình, lẽ đẽo bên thân
 Sáu căn duyên với sáu trần
 Lòng mang sừng đội,⁽⁵¹⁾ tình thần tiêu tan.
 Người đứng giữa nấc thang giao biến⁽⁵²⁾
 Được **làm người là chiếm được tiên**⁽⁵³⁾
 E người tâm chí đảo điên
 Tự do, phóng túng, ý Thiên che mờ.
 Tiếp nhận được thời cơ chẳng dễ
 Chậm một giây là trễ một đời
 Thời cơ tuy đã đến nơi
 Lòng còn đen bạc, luật Trời khó dung.
 Phải là Thánh mới cùng Tiên Thánh
 Có chánh tâm mới chánh được người
 Đọt xanh nhờ gốc rễ tươi
 Đời hay nhờ có con người sáng khôn.
 Cây khôn sáng, tự tôn tự đại
 Thì bị đời đào thải, bất dung⁽⁵⁴⁾

Đặng dân, đặng ở thời trung
 Đặng lòng trời đất hầu⁽⁵⁵⁾ từng Thiên cơ.
 Người quân tử không mơ ngoại cảnh
 Lo trau dồi tâm tánh nội thân
 Đến khi xuất hóa nhập thần
 Ấy là thành kỹ, thành nhân vẹn toàn.⁽⁵⁶⁾
 Muốn hạ thủ⁽⁵⁷⁾ lần sang cõi Thánh
 Lo lập nền đức hạnh thanh cao
 Ái ân, danh lợi ngăn rào
 Nhảy ra cửa có, men vào cửa không.
 Đặng mở một đường thông đến Đạo
 Lòng lằng lằng hy hao thái huyền⁽⁵⁸⁾
 Thấy mình chứng nhập tự nhiên
 Không còn hệ lụy trần duyên như ngày.⁽⁵⁹⁾
 Trước kia khác mà nay đã khác
 Xưa vong thân⁽⁶⁰⁾ nay đạt lại thân

đường trên (1, 2, 3) gọi là ba đường lành (*tam thiện đạo* 三善道).
 Ba đường dưới (4, 5, 6) gọi là ba đường dữ (*tam ác đạo* 三惡道).

⁽⁵¹⁾ **lông mang sừng đội** (*reborn as an animal*): Khi tái sanh phải làm thú vật.

⁽⁵²⁾ **người đứng giữa nấc thang giao biến**: Con người đứng giữa hai nấc thang tiến hóa hay thoái hóa, vì có thể tu hành để tiến hóa lên làm Thần, Thánh, Tiên, Phật nhưng cũng có thể bị đọa xuống làm thú vật hay quỷ đói (súc sanh, ngạ quỷ) vì không biết tu hành, phạm quá nhiều tội lỗi trong kiếp sống.

⁽⁵³⁾ **tiên** 先 (*the first*): Vị trí đứng đầu trong các loài. Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽⁵⁴⁾ **bất dung** 不容 (*cannot tolerate sb*): Không tha thứ.

⁽⁵⁵⁾ **hầu** (*so as to, in order to*): Ngõ hầu mà, để mà, nhằm để.

⁽⁵⁶⁾ **thành kỹ** 成己 (*completing oneself*): Thành tựu cho mình (bản thân). – **thành nhân** 成仁 (*completing one's benevolence*): Thành tựu đức nhân của mình. *Trung Dung* 25: Thành kỹ, nhân dã. 成己, 仁也. Thành tựu cho mình là đức nhân. (*Completion of oneself is his benevolence.*)

⁽⁵⁷⁾ **hạ thủ** 下手 (*starting work on sth, putting one's hand to sth*): Bắt tay vào việc, ra tay làm việc, khởi sự làm gì.

⁽⁵⁸⁾ **hy hao thái huyền** 希浩太玄 (*great mystery of silence and vastness*): Tạm hiểu là Đạo bao la và lặng lẽ.

⁽⁵⁹⁾ **như ngày** (*as former days*): Như ngày trước, như ngày xưa cũ.

Trước kia tâm thức duyên trần
Phóng theo ngoại cảnh, trong thân nghèo nàn.

Lòng thiếu thốn, khô khan, thèm muốn
Mới theo tâm, yêu chuộng giựt giành
Không nề gian khổ, tử sanh
Miễn sao cướp đoạt về mình là vui.

Vì mất tâm, lòng nuôi ích kỷ
Được tâm rồi, ý chí rảnh rang
Tâm ta như mạch suối tràn
Tình thương, sự sống chứa chan dồi dào.

Xưa khốn khổ, khát khao vật lạ
Nay dư giàu, có cả nơi tâm
Tâm đi, nã tróc,⁽⁶¹⁾ kiếm tầm⁽⁶²⁾
Tâm về, ẩm áp thì Thần hân hoan.

Cây bật gốc, lá tàn mục nát
Người mất tâm, lang bạt khổ hình
Biết mau khử ám hồi minh⁽⁶³⁾

Cầu Thầy hỏi bạn phương trình nội tâm.⁽⁶⁴⁾

Gợi định huệ nằm lòng tha thiết
Tham sân si tận diệt căn đề⁽⁶⁵⁾
Thức căn cột chặt, đầu về
Không còn rối loạn, hôn mê, biếng lười.

Khi được thấy trong người yên ổn
Đó là phương lập bản⁽⁶⁶⁾ xây nền
Trong ngoài muôn sự đều quên
Chấp trung thủ nhất⁽⁶⁷⁾ cho bền công phu.

Bước sơ cơ, kiếp tu khổ hạnh
Nào nội tâm, ngoại cảnh rầy rà⁽⁶⁸⁾

⁽⁶⁰⁾ **vong thân** 亡身 (*losing oneself*): Đánh mất chính con người của mình vì không hiểu đạo, không biết rằng chính mình là một Tiên Phật sẽ thành, do đó chỉ sống theo sự sai khiến của lục dục thất tình.

⁽⁶¹⁾ **nã tróc** 拿捉 (*capturing sth, catching sth, seizing sth*): Tóm lấy, bắt giữ. Nã và tróc đồng nghĩa.

⁽⁶²⁾ **Mạnh Tử, Cáo Tử Thượng (11): Nhân hữu kê khuyển phóng, tắc tri cầu chi; hữu phóng tâm, nhi bất tri cầu.** 人有雞犬放, 則知求之; 有放心, 而不知求. (*When men's fowls and dogs are lost, they know to seek for them; when losing their mind, they do not know to seek for it*): Con gà, con chó chạy lạc, ắt biết kiếm tìm; cái tâm thất lạc, lại không biết tìm kiếm.

⁽⁶³⁾ **khử ám hồi minh** 去暗回明 (*removing ignorance and restoring wisdom*): Trừ bỏ sự u tối, lấy lại sự sáng suốt.

⁽⁶⁴⁾ **phương trình** 方程 (*equation*): Đẳng thức (có dấu =) chứa một hay nhiều ẩn số (*vị tri số* 未知數: con số chưa biết: *unknown, unknown quantity*). Chẳng hạn, $ax+by+c=0$ là một phương trình chứa hai ẩn số (*an equation of two unknowns*) là x và y. – **phương trình nội tâm** 内心的方程 (*the spiritual equation*): Về lý thì con người có tính Trời, có Phật tánh, có Cao Đài nội tại, v.v... Nhưng tất cả các giá trị (*values*) thiêng liêng ấy đều là ẩn số. Tu hành là giải phương trình ở nội tâm mỗi người để tìm ra ẩn số đó và thực chứng lời Đức Cao Đài dạy: “*Con là một thiêng liêng tại thế / Cùng với Thầy đồng thể linh quang.*”

⁽⁶⁵⁾ **căn đề** (căn để 根柢: *root, foundation*): Gốc rễ, nền tảng. – **tận diệt căn đề** (*destroying sth at its root*): Diệt sạch tận gốc rễ.

⁽⁶⁶⁾ **lập bản** 立本 (*establishing the foundation*): Xây đắp nền móng.

⁽⁶⁷⁾ **chấp trung** 執中: Giữ trung dung. – **thủ nhất** 守一: Giữ tâm chuyên nhất; giữ cho thần hồn không tán loạn; giữ cho tinh khí thần hợp làm một.

Chiến trường ngay ở lòng ta
Thất tình, lục đục kéo ra tranh hùng.

Tâm cứ mặc,⁽⁶⁹⁾ thung dung,⁽⁷⁰⁾ vô sự
Mãi như như, không cự không hàng⁽⁷¹⁾
Lâu ngày tự chúng rã tan
Thập tam ma chúng⁽⁷²⁾ quy hàng tự nhiên.⁽⁷³⁾

Bản Thánh chào. Thăng.

15. HÃY CỐ GẮNG XÂY DỰNG THÁNH ĐƯỜNG NỘI TÂM

Thánh đường Quảng Tín
ngày 11-7 Canh Tuất (Thứ Tư 12-8-1970)

BẠCH PHỤNG ĐỒNG TỬ

Tê Đệ mừng đạo trưởng Bảo Pháp Chơn Quân,⁽¹⁾ mừng chư chức sắc Lương Đài và toàn thể bốn đạo. Tê Đệ kính gửi lời mừng đạo trưởng Phối Sư Chủ Trưởng⁽²⁾ và gửi lời thăm hiền hữu Thanh Long.⁽³⁾ Tê Đệ hân hạnh được báo đàn, được

-
- ⁽⁶⁸⁾ **rầy rà** (*bothering sb*): Quấy rầy, làm phiền, quấy nhiễu.
⁽⁶⁹⁾ **mặc** 默 (*silent*): Lặng lẽ. – **tâm cứ mặc**: Tâm không loạn động.
⁽⁷⁰⁾ **thung dung, thông dong** 從容 (*calm, free and easy, relaxed*): Bình thản, thoải mái, thông thả, thản nhiên.
⁽⁷¹⁾ **cự** 拒 (*resisting*): Chống cự. – **hàng** 降 (*surrendering*): Đầu hàng, quy hàng, chịu khuất phục.
⁽⁷²⁾ **thập tam ma chúng** 十三魔眾 (*the gang of thirteen demons*): Bè lũ mười ba con ma, gồm thất tình (bảy tình) và lục đục (sáu ham muốn).
⁽⁷³⁾ **quy hàng tự nhiên** (*tự nhiên quy hàng* 自然歸降: *naturally surrendering*): Tự nhiên đầu hàng, đương nhiên chịu thua.

-
- ⁽¹⁾ **Bảo Pháp Chơn Quân**: Là tiền bối Tạ Đăng Khoa (1904-1973), thánh danh Huỳnh Chơn, thọ Thiên phong phẩm vị Bảo Pháp Chơn Quân, lãnh đạo bộ phận Hiệp Thiên Đài của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (quận Nhứt, Sài Gòn).
⁽²⁾ **Phối Sư Chủ Trưởng**: Là tiền bối Trần Văn Quế (1902-1980), thánh danh Huệ Lương, thọ Thiên phong phẩm vị Phối Sư, Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, cũng là Vĩnh Tịnh Sư của Minh Lý Thánh Hội (Sài Gòn), và là Tổng Lý Minh Đạo đầu tiên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, đặc quả Quảng Đức Chơn Tiên.
⁽³⁾ **Thanh Long**: Thánh danh của tiền bối Lương Vĩnh Thuật, cũng là Lương Tam Sách, tên thật là Lương Hữu Thành (1918-1982), phẩm vị Bảo Pháp Chơn Quân. Ban sơ tiền bối là đồng tử Thanh Long, cùng với ba vị đồng tử Xích Lân (Trần Công Sĩ, 1921-?),

hội ngộ cùng chư huynh tử trong dịp lễ khánh thành thánh đường Quảng Tín này.⁽⁴⁾ Tệ Đệ ước mong sao ngày gần đây quê hương sớm thanh bình, cơ đạo ngày một phát triển để cho kẻ sắc giới,⁽⁵⁾ người không giới ⁽⁶⁾ có dịp gặp gỡ nhau nữa.

Vấn tắt ít lời. Vậy xin nghiêm đàn tiếp Trần Tổng Lý ⁽⁷⁾ giảng lâm. Xin mời hiền tử Bạch Tuyết được phép an dưỡng tinh thần trong khi lộ trình còn mệt nhọc. Trần Tổng Lý sẽ

Kim Qui (Lê Văn Qui, 1917-1935), và Bạch Phụng (Lê Văn Phụng, 1915-1935) cùng thọ Thiên phong chung thánh hiệu *Tứ Linh Đồng Tử* 四靈童子 để rời từ thánh tịnh Đại Thanh (quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định) trở về quê nhà (làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) bắt đầu sứ vụ khai đạo Cao Đài tại Trung Kỳ (1934).

⁽⁴⁾ **Quảng Tín:** Ngày 31-7-1962, sắc lệnh 162-NV của Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa chia tỉnh Quảng Nam thành hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Tín, lấy sông Rù Rì làm ranh giới hai tỉnh. Năm 1976, tỉnh được hợp nhất với Quảng Nam và Đà Nẵng để thành tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Ngày 06-11-1996, chia tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng để tái lập tỉnh Quảng Nam và lập thành phố Đà Nẵng trực thuộc trung ương (Hà Nội). Từ 1976 trở đi tên thánh đường đúc ở mặt tiền vẫn là Quảng Tín; khi trùng tu vào cuối tháng 11-2020 mới sửa là thánh đường Quảng Nam.

⁽⁵⁾ **kẻ sắc giới** (*corporeal beings*): Kẻ hữu hình, người phàm.

⁽⁶⁾ **người không giới** (*incorporeal beings*): Người cõi vô hình, các Đấng thiêng liêng (*deities, divinities*).

⁽⁷⁾ **Trần Tổng Lý:** 陳總理: Đức Trần Hưng Đạo là Tổng Lý Vô Vi của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. (Tổng Lý dịch ra tiếng Anh là *General Manager*. Chức Thủ Tướng 首相 [*Prime Minister*] còn dịch ra tiếng Hoa là Tổng Lý.)

ban ân điển cho đồng tử xuất khẩu.⁽⁸⁾ Tệ Đệ chào chung. Xin kiếu. Thăng.

TIẾP ĐIỂN
[Đồng tử xuất khẩu]⁽⁹⁾

THI

*Một dải non sông, một mảnh tình
Quay về tâm sự dưới cơ linh
Tam Kỳ sứ mạng ai đâu tá ⁽¹⁰⁾
Dem đạo vào đời cứu chúng sinh?*

⁽⁸⁾ Thánh giáo này do bộ phận Hiệp Thiên Đài của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý thông công vào giờ Tý. Đồng tử phò loan xuất khẩu là cô Hoàng Mai (sinh năm 1954). Cô là ái nữ tiền bối Lê Ngọc Trang (1918-1986), thánh danh Bạch Tuyết, đặc quả Quán Pháp Chơn Tiên. Như vậy, cô là cháu ngoại tiền khai Lê Văn Lịch (1890-1947), tức là Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, và là cháu cố ngài Lê Văn Tiếng (1843-1913), tức là Thái Lão Sư Lê Đạo Long, khai sáng chi Minh Đường ở làng Long An (quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, nay là tỉnh Long An), đặc quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

⁽⁹⁾ Đồng tử thủ cơ (cầm cơ) viết chữ trên mặt bàn (*writing medium*), thì cần một độc giả (*dictating person*) nhìn vào chữ, xướng lên rõ tiếng cho điển ký chép lại. Nếu là đồng tử xuất khẩu (*speaking medium*), chính miệng đồng tử phát ra tiếng nói trong lúc ngọn cơ viết chữ trên mặt bàn, thì không cần độc giả. Một ban điển ký (*jotting team*) chép lại những lời đồng tử xuất khẩu, hoặc độc giả xướng lên.

⁽¹⁰⁾ Câu này ý nói: Ai là người sứ mạng Kỳ Ba nhi? – **tá:** Từ đặt cuối câu hỏi, cũng như: *hả, hờ, hử, nhi?* Td: *Người xưa cảnh cũ nào đâu tá?* (Bà Huyện Thanh Quan: Cảnh cũ còn đây mà người xưa đâu nhi?)

TRẦN HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG ⁽¹¹⁾

Bản Thánh chào chư đại diện các Hội Thánh, cơ quan đạo. Mừng đạo trưởng Bảo Pháp Chơn Quân, chư chức sắc Lưỡng Đài, toàn thể bốn đạo nam nữ. Xin mời tất cả đồng an tọa.

Bản Thánh đến trần gian giờ này với một niềm hân hoan phấn khởi, mừng ngày khánh thành thánh đường tại Quảng Tín này – ngày sum họp các Hội Thánh toàn đạo Nam Trung biểu dương tinh thần đồng nhứt,⁽¹²⁾ thân ái trong gia đình Đại Đạo. Đó chính là ưu điểm đáng nêu cao. Bởi chính tinh thần đồng nhứt, hy sinh ấy mà bốn đạo nơi này mới xây cất nổi ngôi thánh đường uy nghi trang trọng này, và cũng chỉ có tinh thần đồng nhứt ấy giữa các chi phái mới mong làm tròn sứ mạng trọng đại đem đạo vào đời, phục hưng ⁽¹³⁾ tinh thần đạo đức cố hữu,⁽¹⁴⁾ hòng ⁽¹⁵⁾ hoán cải ⁽¹⁶⁾ nhơn tâm, cải tạo xã

⁽¹¹⁾ Ngài có thể danh Trần Quốc Tuấn (1228?-1300), là con trai An Sinh Vương Trần Liễu, cháu nội Trần Thừa (vua Trần Thái Tông), tức là bác Trần Khâm (vua Trần Nhân Tông). Năm 1289, vua Trần Nhân Tông phong tước cho ngài là Hưng Đạo Đại Vương. Khi ghép với họ Trần, ngài là Trần Hưng Đạo Đại Vương, gọi tắt là Trần Hưng Đạo.

⁽¹²⁾ **đồng nhứt** 同一 (*unanimous*): Đồng thuận nhứt trí 同順一致, hoàn toàn đồng ý với nhau.

⁽¹³⁾ **phục hưng** 復興 (*restoring sth*): Trung hưng 中興; làm cho hưng thịnh lại sau một thời kỳ suy yếu.

⁽¹⁴⁾ **cố hữu** 故有 (*available*): Vốn có từ trước, sẵn có.

⁽¹⁵⁾ **hòng** (*expecting to do sth*): Mong mỗi làm được việc gì. Thơ cổ: Cái vòng danh lợi cong cong / Kẻ hòng ra khỏi, người mong chui vào.

⁽¹⁶⁾ **hoán cải** 換改 (*reforming sth*): Thay đổi từ xấu thành tốt.

hội, cứu vãn đất nước thoát cảnh điêu linh tan tác, xây dựng lại nếp sống thanh bình, đạo lý cho con người.

Nhơn đây, Bản Thánh thấy cần nhắc lại cho chư hiền: Người hướng đạo ⁽¹⁷⁾ phải ý thức sứ mạng của mình; phải ưu tư trách nhiệm hướng đạo, lãnh đạo quần sinh; phải tiên kiến, tiên liệu ⁽¹⁸⁾ mọi lẽ tồn vong, suy thịnh; phải biết nhận xét tổng quát, nhìn về mọi vấn đề xa xăm ⁽¹⁹⁾ mới mong đưa cơ đạo đạt đến kết quả, thành tựu.

Điều cấp thiết ⁽²⁰⁾ ngày nay, ở đây nói riêng Hội Thánh Truyền Giáo nhưng chung cho Đại Đạo, là làm sao tập trung mọi khả năng, tâm lực vào việc đào luyện người chức sắc Thiên ân tạm đủ khả năng chấp hành ⁽²¹⁾ đạo pháp trong hiện tại. Một mặt đặt kế hoạch đoản kỳ, trường kỳ;⁽²²⁾ mở tu viện,

⁽¹⁷⁾ **người hướng đạo** (*hướng đạo giả* 向導者: *spiritual leader; those who lead their coreligionists*): Người dẫn dắt đạo hữu.

⁽¹⁸⁾ **tiên kiến** 先見 (*having the foresight; seeing what will or might happen in the future*): Thấy trước những gì có thể xảy ra. – **tiên liệu** 先料 (*anticipating sth*): Đoán trước, toan tính trước, dự liệu 預料, dự đoán 預斷.

⁽¹⁹⁾ **nhìn về mọi vấn đề xa xăm**: Có tầm nhìn xa, nhìn trước; có viễn kiến 遠見 (*having foresight*).

⁽²⁰⁾ **cấp thiết** 急切 (*urgent*): Cấp bách 急迫, khẩn cấp 緊急, gấp rút.

⁽²¹⁾ **chấp hành** 執行 (*executing sth, carrying out sth, implementing sth*): Thi hành, thực thi.

⁽²²⁾ **kế hoạch đoản kỳ** (*đoản kỳ kế hoạch* 短期計畫: *short-term plan*): Kế hoạch ngắn hạn, thường là một năm hay ít hơn. – **kế hoạch trung kỳ** (*trung kỳ kế hoạch* 中期計畫: *medium-term*

tuyển chọn tu sinh, tu sĩ, đào luyện thành các giáo sĩ để truyền đạo, hành đạo tương lai. Một mặt bắt phân chi phái; cùng nỗ lực xây dựng, phát huy giáo lý, làm sáng tỏ chủ thuyết dung hòa tổng hợp trên tinh thần Tam Giáo quy nguyên, vạn giáo nhứt lý của Đại Đạo; cùng nỗ lực kiến tạo⁽²³⁾ các cơ sở Hội Thánh tạm đầy đủ để có nơi thực hiện các điểm nói trên. Xây dựng cơ cấu đầu não kiện toàn⁽²⁴⁾ là giúp cho quyền lãnh đạo Hội Thánh thêm uy nghi và nhất trí. Đó mới chính là điểm cần yếu.

Ngoài ra, việc khuếch trương lớn mạnh ở địa phương cũng rất hữu ích, nhưng trước hoàn cảnh cơ đạo hiện thời, chỉ còn là một thứ yếu mà thôi. Dầu vậy, nơi Quảng Tín này cũng như những nơi khác, trong một tình thế đặc biệt, bốn đạo vùng này phải chịu bao cơ cực trong hoàn cảnh di cư tỵ nạn, bởi thiên tai chiến họa dồn dập đưa đến, nhưng vẫn một lòng hy sinh cao độ, góp sức góp công xây dựng nên ngôi thánh đường quy mô này. Với tinh thần tự cường bất tức,⁽²⁵⁾

plan): Kế hoạch trung hạn, thường là ba năm. – **kế hoạch trường kỳ** (*trường kỳ kế hoạch* 長期計畫: *long-term plan*): Kế hoạch dài hạn, thường là năm năm.

⁽²³⁾ **kiến tạo** 建造 (*constructing sth*): Xây dựng.

⁽²⁴⁾ **kiện toàn** 健全 (*perfect*): Hoàn hảo.

⁽²⁵⁾ **tự cường bất tức** 自強不息 (*constantly striving to become stronger; unremittedly striving to improve oneself*): Không ngừng làm cho mình mạnh mẽ hơn; không ngừng cố gắng làm cho bản thân tốt đẹp hơn. *Đại Tượng Truyện* quẻ Kiên có câu: *Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*. 天行健, 君子以自強不息. (Trời vận hành mạnh mẽ, quân tử nhân đó mà tự mình cố gắng mạnh

con người đạo đã vượt qua mọi nghịch cảnh. Tinh thần ấy đáng khích lệ và đáng ngợi khen.

Bản Thánh đến để chấp nhận cho tinh thần ấy, ghi công chung cho Giáo Sư Thái Phẩm Thanh,⁽²⁶⁾ chư chức sắc Lương Đài, chư chức việc và toàn thể bốn đạo nam nữ. Ghi công chung mới là phần thưởng cao đẹp nhứt, nói lên công đức hy sinh cho lý tưởng, cho Giáo Hội, chớ không riêng cho cá nhân.

Giờ đây, thánh đường ngoại giới⁽²⁷⁾ đã an bài, toàn đạo hãy quay về xây dựng thánh đường nội tâm,⁽²⁸⁾ bởi nơi ấy Thầy hằng ngự và bốn phương dễ dàng chung về. **Hãy cố**

mẽ không ngừng. – *The movement of Heaven is full of power; thus, the superior man unceasingly makes himself stronger.*)

⁽²⁶⁾ **Giáo Sư Thái Phẩm Thanh**: Thế danh Mai Diệu (1910-1991), người thôn Đồng Tác, xã Bình Nam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

⁽²⁷⁾ **thánh đường ngoại giới** 外界聖堂 (*external holy hall*): Thánh đường hữu hình (*visible holy hall*), cất bằng vật liệu thế gian.

⁽²⁸⁾ **thánh đường nội tâm** (*tâm nội thánh đường* 心內聖堂: *internal holy hall*): Thánh đường vô hình (*invisible holy hall*), không cất bằng vật liệu thế gian. Tâm hồn con người thánh thiện, đạo đức tròn đầy là thánh đường nội tâm; trong đó có Cao Đài nội tại, Thượng Đế nội tại. Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô (3:16), Thánh Phao-lô cũng nói về thánh đường nội tâm khi viết: *Anh em há chẳng biết rằng chính anh em là Đền Thờ của Thiên Chúa, và Thánh Linh Thiên Chúa ngự trong anh em sao? (Don't you know that you yourselves are God's temple and that God's Spirit dwells in your midst?)*

gắng xây dựng thánh đường nội tâm ⁽²⁹⁾ được chắc chắn, thêm uy nghi, xán lạn. Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ đạo trương cao vẫy.

THI

*Liệu sao cho đáng bậc tu hành
Đại Đạo Tam Kỳ được sáng danh
Diệu pháp ⁽³⁰⁾ xóa tan lòng uất hận
Huyền cơ ⁽³¹⁾ dập tắt lửa hờn ganh
Trời Nam vận chuyển gầy Nam địa
Đất Việt mưa toan mở Việt thành
Đem lại nhơn gian đời thánh đức
Trung hưng sứ mạng khúc ca thanh.*⁽³²⁾

BÀI

1. *Thanh phong minh nguyệt hữu tình* ⁽³³⁾
Không gian mờ ảo bóng hình Khuôn Thiêng ⁽³⁴⁾

⁽²⁹⁾ Mượn các chữ in đậm tạm đặt nhan đề cho bài thánh giáo này.

⁽³⁰⁾ **diệu pháp** 妙法 (*marvellous dharma*): Đạo pháp màu nhiệm.

⁽³¹⁾ **huyền cơ** 玄机 (*mysterious means of evocation; fig., Caodai teaching bestowed by means of evocation*): Cơ bút huyền diệu; ám chỉ thánh giáo Cao Đài ban truyền qua cơ bút.

⁽³²⁾ **khúc ca thanh** (âu ca 謳歌: *song to praise a peaceful society*): Khúc ca bày tỏ lòng vui mừng vì đời thanh bình.

⁽³³⁾ **thanh phong minh nguyệt hữu tình** 清風明月有情 (*a lovely scenery with cool breeze and bright moon*): Cảnh đáng yêu với gió mát, trăng trong tỏ sáng.

⁽³⁴⁾ **Khuôn Thiêng** (*sacred potter's wheel; fig., the Creator*): Cái

*Tay Tạo Hóa diệu huyền sắp đặt
Cõi dinh hoàn ⁽³⁵⁾ không sắc tương quan ⁽³⁶⁾
Đêm thu gác áng mây vàng ⁽³⁷⁾
Trần trung ⁽³⁸⁾ nhẹ gót cơ loan ⁽³⁹⁾ bút đề.*⁽⁴⁰⁾

khuôn linh thiêng, ám chỉ Trời, Đức Thượng Đế (*Tạo Hóa 造化: the Creator*), do đó viết hoa. Khuôn (*quân 鈞*) là cái bàn xoay của thợ nặn đồ gốm (*potter's wheel*). *Đại Quân 大鈞, Hồng Quân 洪鈞* (khuôn lớn) cũng đồng nghĩa *Khuôn Thiêng*; ý nói Trời tạo nên muôn vật cũng giống như thợ gốm dùng cái bàn xoay để nắn ra đủ thứ đồ dùng. Truyện Kiều có câu: *Khuôn Thiêng dù phụ tác thành / Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời*.

⁽³⁵⁾ **dinh hoàn, doanh hoàn** 瀛寰 (*the world, the globe, the earth*): Thế gian, địa cầu.

⁽³⁶⁾ **không sắc tương quan** (*There are mutual relations between the invisible and visible worlds*): Cõi thiêng liêng siêu hình (*không giới 空界*) và cõi thế gian hữu hình (*sắc giới 色界*) có quan hệ lẫn nhau (*tương quan 相關*).

⁽³⁷⁾ **mây vàng** (*kim vân 金雲: golden cloud; fig., precious cloud*): vàng mây quý để đỡ chân Tiên Thánh đi lại; nên văn học nói Tiên Thánh *vân du 雲遊 (riding a cloud)*. – **gác áng mây vàng**: Dừng đám mây vàng, ngừng bước vân du (để giảng đàn dạy đạo).

⁽³⁸⁾ **trần trung** 塵中 (*in the world*): Giữa cõi trần, trong trần thế.

⁽³⁹⁾ **cơ loan**: Ngọn cơ. Cần ngọn cơ có khi chạm hình đầu chim *loan 鸞*. Do đó cầu cơ (*phù kê 扶乩*) cũng gọi là *phò loan*. Chim loan là chim mái, tương tự như chim *hoàng* (鳳: *female phoenix*) trong thần thoại. Văn học nói *loan phượng* là ám chỉ vợ chồng, vì *phượng* hay *phụng* 鳳 là chim trống (*male phoenix*).

⁽⁴⁰⁾ **bút** 筆 (*writing sth*): Dùng như động từ, *bút* là viết chữ, đồng nghĩa với *đề* 題.

2. Nhân thế hỡi! Đâu về nhân bản? ⁽⁴¹⁾

Sứ mạng ơi! Sao đáng sứ đồ? ⁽⁴²⁾

San hà vạn sắc điểm tô

Trung Châu ⁽⁴³⁾ một cõi điển phô ⁽⁴⁴⁾ Đạo Trời.

3. Mấy mươi năm gặp thời tao loạn ⁽⁴⁵⁾

Biết bao điều quốc nạn, thiên tai

Cơ đồ ⁽⁴⁶⁾ một gánh trở day

Một dòng Bến Hải chia hai nẻo đường. ⁽⁴⁷⁾

4. Cuộc thử thách dậm trường thiên lý ⁽⁴⁸⁾

Cờ xướng tay chiếu bí song xa

Thử xem kỳ thủ ⁽⁴⁹⁾ đâu là

Tay nào tạo thế nhân hòa ngày nay.

5. Kia Trường Sơn dậm dài hùng vĩ

Nọ Ngũ Hành ⁽⁵⁰⁾ tú khí ⁽⁵¹⁾ uy nghi

⁽⁴¹⁾ **Đâu về nhân bản?**: Về đâu nhân bản? Đảo ngữ thành *đâu về* cho vần với chữ *đề* cuối câu thơ trên. Câu này gợi nhớ thánh thi Đức Phan Thanh Giản (Trúc Lâm Thiền Điện, Vĩnh Long, Chủ Nhật 02-5-1971): *Đi về đâu? Việt Nam ơi! / Về nơi nhân bản của Trời trước kia.* – **nhân bản** 人本: Gốc con người. Thuật ngữ nhân bản trong Cao Đài bao hàm nhiều nghĩa thâm sâu; chữ *humanism* không diễn tả được trọn. Chẳng hạn, con người (tiểu linh quang) vốn sinh xuất từ Thượng Đế (Đại Linh Quang), vậy gốc của con người là Trời. Trời (Thượng Đế hữu ngã: *personal God*) cũng là Đạo (Thượng Đế vô ngã: *impersonal God*); vậy gốc con người là Đạo. Đời sống nhân bản (*humanistic life*) là đời sống hợp lẽ Trời, vừa lo phụng sự thể gian vừa lo xây dựng con đường trở về gốc cội của mình (*phản bản huồn nguyên* 反本還源: *returning to one's origin*), tức là trở về với Đạo, với Trời.

⁽⁴²⁾ **sứ mạng** 使命 (*missioner*): Người nhận sứ mạng, người được Thượng Đế sai đi truyền đạo. – **sứ đồ** 使徒 (*apostle*): Cũng như tông đồ 宗徒, người học trò được Thượng Đế (Thầy) sai đi truyền đạo. Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Chúa Giê-su chọn mười hai tông đồ, gọi là *thập nhị sứ đồ* 十二使徒.

⁽⁴³⁾ **Trung Châu** 中洲, 中州 (*Central Vietnam*): Cũng gọi là *Trung Kỳ* 中圻 (thời Minh Mạng, 1834), *Trung Bộ* 中部 (từ tháng 5-1945), *Trung Việt* 中越 (thời Bảo Đại, 1949), *Trung Phần* 中分 (thời Ngô Đình Diệm, 1955), thường gọi là miền Trung.

⁽⁴⁴⁾ **điển phô** (*phô diễn, phu diễn* 敷衍: *expounding sth*): Trình bày cặn kẽ cho mọi người hiểu rõ.

⁽⁴⁵⁾ **tao loạn** 騷亂 (*war, disturbance*): Loạn lạc, giặc giã nhiều nhưong.

⁽⁴⁶⁾ **cơ đồ** 基圖 (*kingdom, country*): Cũng như *hoàng đồ* 皇圖, ám chỉ vương triều, đất nước.

⁽⁴⁷⁾ **Một dòng Bến Hải chia hai nẻo đường**: Hiệp định đình chiến ký tại thành phố Geneva (Thụy Sĩ) ngày 20-7-1954 lấy sông Bến Hải làm phân giới chia đôi nước Việt: phía bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa; phía nam là Việt Nam Cộng Hòa. Dài khoảng 100km, bắt nguồn từ núi Động Chân thuộc dãy Trường Sơn, sông Bến Hải chảy từ tây sang đông dọc theo vĩ tuyến 17 rồi đổ ra biển ở Cửa Tùng. Sông là ranh giới thiên nhiên giữa hai huyện Vĩnh Linh và Gio Linh (tỉnh Quảng Trị).

⁽⁴⁸⁾ Có câu trường đề tri mã lực 長途知馬力 (*Long distance tests the strength of a horse*: Đường dài mới biết sức ngựa). **Cuộc thử thách dậm trường thiên lý** là để biết ai thực sự là trang hướng đạo, bậc sứ đồ gánh vác nỗi sứ mạng trung hưng ở Trung Kỳ.

⁽⁴⁹⁾ Chỗ này Đức Trần Tổng Lý chơi chữ. Câu trên nói: *Cờ xướng tay chiếu bí song xa*; nên ngữ **kỳ thủ** nghĩa là *người đánh cờ* (棋手: *chess player*). Nhưng câu dưới nói: *Tay nào tạo thế nhân hòa ngày nay*; nên **kỳ thủ** lại có nghĩa là *người có tài đặc biệt* (奇手: *person of extraordinary talent*), đồng nghĩa kỳ nhân 奇人.

Ngày nào ngũ phụng tề phi ⁽⁵²⁾
Bây chừ ⁽⁵³⁾ mấy bực vinh quy ⁽⁵⁴⁾ giúp đời?

⁽⁵⁰⁾ **Ngũ Hành:** Ngũ Hành Sơn 五行山 (núi Non Nước) là tên gọi quần thể những ngọn núi đá vôi nhô lên trên một bãi cát ven biển, chiếm diện tích khoảng hai cây số vuông, gồm: Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn (lớn, cao và đẹp nhất), Hỏa Sơn (gồm hai ngọn là Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn) và Thổ Sơn. Quần thể này cách trung tâm thành phố Đà Nẵng khoảng tám cây số về hướng đông nam, ngay trên tuyến đường Đà Nẵng – Hội An; nay thuộc phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

⁽⁵¹⁾ **tú khí** 秀氣: Khí tốt lành.

⁽⁵²⁾ **ngũ phụng tề phi** 五鳳齊飛 (*the five phoenixes flying together*): Năm con chim phụng cùng bay. Phụng (phượng) là chim trống; hoàng 凰 là chim mái. *Ngũ phụng tề phi* là thành ngữ gọi chung năm Nho sinh tỉnh Quảng Nam cùng đỗ đại khoa năm 1898. Gồm có: 1/ *Phạm Liễu* (1873-1937), người làng Trừng Giang, tổng Đa Hòa Thượng, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn). 2/ *Phan Quang* (1873-1939), người làng Phước Sơn Thượng, tổng Xuân Phú Trung, huyện Quế Sơn, phủ Thăng Bình (nay là xã Quế Châu, huyện Quế Sơn). 3/ *Phạm Tuấn* (1852-1917), người làng Xuân Đài, tổng Phú Khương Thượng, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn). 4/ *Ngô Chuân* (1873-1899), người làng Mông Lãnh, tổng Phú Xuân, huyện Quế Sơn, phủ Thăng Bình. 5/ *Dương Hiến Tiến* (1866-1907), người làng Cẩm Lậu, tổng Thanh Quýt, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay là xã Điện Phong, huyện Điện Bàn).

⁽⁵³⁾ **bây chừ** (hiện tại 現在: *now, at present*): Bây giờ.

⁽⁵⁴⁾ **vinh quy** 榮歸 (*returning home with honour*): Có từ đời Lê Thánh Tông. Năm 1481 vua đặt ra lệ xướng danh và vinh quy cho các cử nhân tân khoa. Tân khoa nhận áo, mũ, và giày của vua

6. Thế đã loạn, tùy thời xử thế
Đạo phục hưng, quốc thể trung hưng ⁽⁵⁵⁾
Phục hưng đạo lý tinh thần
Mở cơ tận độ muôn dân hưởng nhờ.

7. Hỡi sứ mệnh! Còn chờ chi đó?
Này anh em, chớ có lãng quên!
Thế gian ước vọng hòa bình
Hòa bình cũng chỉ do mình mà thôi.

8. Tâm đã động, tình đời phải động
Tâm tỉnh rồi tình trống không không
Không chấp ngã, không dị đồng
Bắc nam hiệp mặt, ⁽⁵⁶⁾ tây đông chung đường.

9. Hãy tự lực, tự cường, tự tín
Có tu tề, quốc chính mới yên ⁽⁵⁷⁾

ban; tên được nêu ở bảng gỗ chạm hình hổ (*bảng hổ đề danh*). Sau đó họ lần lượt lạy tạ ơn vua cùng các quan hàng tỉnh và quan trường. Khi tân khoa trở về quê quán; dân ở phủ, huyện, tổng, xã phải tổ chức đón rước, gọi là lễ *vinh quy bái tổ* 榮歸拜祖 (*returning home with honour to pay respect to one's ancestors*).

Ngày nào ngũ phụng tề phi / Bây chừ mấy bực vinh quy giúp đời? Đất Quảng Nam ngày xưa có các Nho sinh đỗ đạt, đem tài ra giúp đời; ngày nay có được bao nhiêu người làm như thế?

⁽⁵⁵⁾ **quốc thể** 國體 (*national prestige*): Danh dự, thể diện của quốc gia. – **phục hưng** 復興, **trung hưng** 中興: (*restoring sth after its decline*): Hồi phục lại sau thời kỳ suy yếu.

⁽⁵⁶⁾ **hiệp mặt** (*seeing each other; fig., no longer attacking each other*): Nhìn nhau, không còn chống cự, đối địch nhau.

⁽⁵⁷⁾ **tu tề:** *Tu thân* 修身 và *tề gia* 齊家. – **quốc chính, quốc chánh**

Bên trong nội giới chưa tuyền ⁽⁵⁸⁾
Hòa bình là thế ⁽⁵⁹⁾ *láng giềng mang cho.*

10. *Đại Đạo tạo con đồ cứu khổ*
Hướng đạo cần tự độ, độ tha
Năm chi bảy phái hiệp hòa
Trương cờ Đại Đạo xây tòa vạn linh.

Sau đây, Bản Thánh khuyên chư chức sắc, bốn đạo sở tại Quảng Tín nên lưu ý nguyên do phát khởi tâm đạo thành lập nên ngôi thánh đường nguy nga đồ sộ này. Văn hóa, phước thiện có phát triển được thì tỉnh đạo ⁽⁶⁰⁾ mới vững vàng phát huy giáo lý của Đại Đạo. Mọi việc nên do chấp hành quyền pháp của Hội Thánh mà lãnh đạo.

Trần Quý Cao và Nguyễn Công Châu là hai vị đã tử vì đạo. Công quả của hai vị đã được Bản Thánh ghi nhận và ban ân trong kỳ lễ kỷ niệm các Thánh Tử Đạo. Vậy Bản Thánh khuyên gia đình nên vui nên mừng, chẳng nên buồn.

Bản Thánh ban ơn lành chung tất cả. Xin giã từ. Thăng.

國政 (*national politic affairs*): Việc chính trị của quốc gia.

⁽⁵⁸⁾ **chưa tuyền** (*not yet perfect*): Chưa toàn vẹn.

⁽⁵⁹⁾ **thế** 勢 (*situation; conditions*): Tình thế, hoàn cảnh; điều kiện.

⁽⁶⁰⁾ Cho tới năm 1975, Quảng Tín là một tỉnh đạo của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. (Sau năm 1975, tỉnh Quảng Tín sáp nhập với tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng để lập thành tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, với Đà Nẵng là tỉnh lỵ. Năm 1997, tách tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng thành hai đơn vị hành chính độc lập là thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam. Danh hiệu thánh đường Quảng Tín trở thành thánh đường Quảng Nam.)

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

**TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG
TỪ GIÁP THÌN ĐẾN CANH TUẤT (1964-1970)**

Chú thích: HUỆ KHẢI
Hiệu đính: LÊ ANH MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN
Trình bày sách & vẽ bìa 1-4: THIÊN TÂM (MINH LƯU)
Hình vẽ trên bìa 1: Ba cổ pháp trên nóc Cửu Trùng Đài
Trung Hưng Bưu Tòa, do CÚC LƯU (*thánh tịnh Thanh Quang*) vẽ lại.

In 800 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TP.HCM.

Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.

Số XNĐKXB: 315-2022/CXBIPH/4-9/HĐ

Số QĐXB của NXB: 222/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 09-02-2022.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-351-907-5
Thỉnh kinh sách ấn tống, gửi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com



(T)oàn đạo hãy quay về
xây dựng thánh đường
nội tâm, bởi nơi ấy Thầy
hằng ngự và bốn phương
dễ dàng chung về. Hãy cố
gắng xây dựng thánh đường
nội tâm được chắc chắn,
thêm uy nghi, xán lạn.
Thánh đường nội tâm mới là
nhà chung chi phái, là kỳ đài
cờ đạo trương cao vẫy.

Đức **TRẦN HƯNG ĐẠO**
Thánh đường Quảng Tín
ngày 11-7 Canh Tuất
(Thứ Tư 12-8-1970)

自甲辰年至庚戌年



聖傳中興



Quyển 130/1964-1970
trong CHƯƠNG TRÌNH
CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN:978-604-351-907-5



Sách ấn tổng. Không bán.
Free Gift Book. Not for Sale.